

PHẦN MỞ ĐẦU

1- Lý do chọn đề tài

Trong những thập niên gần đây du lịch được coi là “ ngành công nghiệp không khói”, là “ con gà đẻ trứng vàng” đem lại nguồn lợi nhuận lớn cho những quốc gia có thể mạnh này. Phát triển du lịch không những mang lại nguồn thu lớn về kinh tế, góp phần giải quyết việc làm cho người lao động và thúc đẩy các ngành kinh tế khác cùng phát triển. Mà quan trọng hơn, nó chính là nhân tố quan trọng trong việc mở rộng quan hệ hợp tác, thúc đẩy giao lưu và tăng cường khả năng hội nhập với các nước trên thế giới.

Ngày nay, khi cuộc sống của con người ngày càng được cải thiện theo hướng hiện đại hoá thì nhu cầu được đi du lịch ngày càng được chú trọng. Bên cạnh những nhu cầu vui chơi giải trí của tài nguyên du lịch tự nhiên thì con người cũng rất chú ý đến những giá trị tài nguyên nhân văn. Đó chính là nhu cầu được trở về với cội nguồn, tìm hiểu những nét đẹp văn hoá, các di tích lịch sử văn hoá, lễ hội, cùng các trò chơi dân gian, phong tục tập quán của cộng đồng địa phương. Nó không những mô tả cuộc sống chiến đấu lao động của con người ở mỗi miền quê gắn với những danh nhân văn hoá lịch sử của dân tộc, mà nó còn phản ánh những khát vọng trong đời sống tâm linh của con người, mang ý nghĩa giáo dục sâu sắc, hướng con người ta vươn tới cái chân, thiện, mỹ mang ý nghĩa nhân văn cao đẹp.

Việt Nam là một đất nước có bề dày lịch sử văn hoá lâu đời. Với nguồn tài nguyên nhân văn phong phú, đa dạng, đây chính là tài nguyên quan trọng trong việc thực hiện và phát triển những tour du lịch nhân văn của đất nước. Thực tế những năm gần đây lạo hình du lịch khám phá tài nguyên nhân văn ở nước ta đã có nhiều phát triển mạnh mẽ. Tuy nhiên, theo thông lệ người ta đi du lịch chủ yếu là đến những nơi có các di tích lịch sử, văn hoá, lễ hội truyền thống mang tính quy mô và rộng khắp. Nhưng nhân tố đóng vai trò quan

trọng trong sự phát triển của du lịch lại là sự mới lạ và hấp dẫn. Chính yếu tố này đã làm cho một số tuyến du lịch trở nên quen thuộc và không còn sức hấp dẫn mạnh mẽ với mỗi du khách. Để tạo ra sự mới lạ trong chương trình du lịch hiện nay, người ta đang tìm hiểu và khai thác những tuyến du lịch gắn với những di tích, lễ hội,... chứa đựng những giá trị nhân văn độc đáo, hấp dẫn mà chưa được biết đến hoặc bắt đầu khai thác phục vụ du lịch.

Hà Nam là một hòn đảo nhỏ thuộc huyện Yên Hưng - Quảng Ninh. Đây là mảnh đất có lịch sử hình thành và phát triển lâu đời, là nơi có nhiều tiềm năng để phát triển du lịch văn hoá nhân văn. Nơi đây còn lưu giữ rất nhiều các di tích lịch sử văn hoá, lễ hội độc đáo, cùng với nhiều các phong tục tập quán đẹp, là nơi chứa đựng các kho tàng văn hoá dân gian đặc sắc và những làng nghề truyền thống đặc biệt hấp dẫn du khách.

Khai thác tốt các giá trị tài nguyên nhân văn trên đảo Hà Nam sẽ tạo thế mạnh để phát triển du lịch ở Yên Hưng nói chung và người dân Hà Nam nói riêng. Tuy nhiên trên thực tế việc khai thác tài nguyên du lịch này vẫn còn nhiều vấn đề bất cập. Các giá trị tài nguyên nhân văn vẫn chưa được khai thác triệt để, chưa có kế hoạch cụ thể về quy hoạch tài nguyên cũng như sự kiểm soát, quản lý cùng những chính sách về phát triển du lịch của chính quyền địa phương. Chính vì vậy tác giả đã chọn đề tài “ Tìm hiểu các giá trị tài nguyên nhân văn tại khu vực đảo Hà Nam, huyện Yên Hưng, Quảng Ninh phục vụ phát triển du lịch” làm đề tài cho khoá luận tốt nghiệp của mình. Thông qua bài viết này tác giả mong muốn được góp phần nhỏ bé của mình vào vấn đề làm thế nào để khai thác tốt các giá trị tài nguyên nhân văn một cách hiệu quả nhất để đảo Hà Nam sẽ là một điểm đến lý tưởng của khách du lịch trong và ngoài nước đến tham quan.

2- Mục đích nghiên cứu khoá luận

Đề tài nghiên cứu nhằm mục đích tìm hiểu một cách tương đối đầy đủ về các di tích lịch sử văn hoá, lễ hội, phong tục tập quán của vùng đảo Hà Nam từ trước đến nay. Từ thực trạng khai thác các giá trị tài nguyên nhân văn

của vùng đảo này, đề tài góp phần định hướng cho sự phát triển hoạt động du lịch văn hoá nhân văn của huyện.

Thông qua quá trình tìm hiểu thực tiễn, vận dụng những kiến thức đã học, từ đó đề ra một số giải pháp, kiến nghị, khai thác quy hoạch, bảo tồn và tôn tạo các di tích lịch sử văn hoá, lễ hội, phong tục tập quán ở khu vực đảo Hà Nam phục vụ phát triển du lịch.

3- Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là các giá trị tài nguyên nhân văn, bao gồm cả tài nguyên vật thể và tài nguyên phi vật thể ở đảo Hà Nam.

Phạm vi nghiên cứu là toàn bộ lãnh thổ hành chính của huyện Yên Hưng. Song tập chung chủ yếu là nghiên cứu các di tích lịch sử văn hoá, lễ hội và phong tục tập quán trên đảo Hà Nam.

4- Phương pháp nghiên cứu

Để hoàn thành bài khoá luận này tác giả đã sử dụng tổng hợp những phương pháp nghiên cứu sau.

- Phương pháp thống kê.
- Phương pháp khảo sát thực địa.
- Phương pháp thu thập và xử lý số liệu.

5- Nội dung khoá luận

Ngoài phần mở đầu, kết luận, khuyến nghị, phụ lục và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của khoá luận được trình bày trong ba chương.

Chương 1. Cơ sở lý luận về tài nguyên nhân văn phục vụ phát triển du lịch.

Chương 2. Thực trạng khai thác các giá trị tài nguyên nhân văn tại đảo Hà Nam - Yên Hưng - Quảng Ninh.

Chương 3. Một số định hướng và giải pháp nhằm khai thác có hiệu quả tài nguyên du lịch nhân văn tại đảo Hà Nam trong phát triển du lịch.

CHƯƠNG I:

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TÀI NGUYÊN NHÂN VĂN PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH

Để tìm hiểu được các giá trị tài nguyên nhân văn trên địa bàn đảo Hà Nam, khoá luận đã sử dụng một số cơ sở lý luận về chuyên ngành du lịch, đề cập đến một số khái niệm, vai trò, đặc điểm của tài nguyên du lịch, tài nguyên du lịch tự nhiên, tài nguyên du lịch nhân văn. Trên cơ sở đó tác giả sử dụng quan điểm tổng hợp và quan điểm phát triển bền vững, kết hợp giữa phát triển du lịch và văn hoá trong quá trình tìm hiểu các giá trị tài nguyên nhân văn trên địa bàn cần khai thác.

1.1. Tài nguyên du lịch

1.1.1. Khái niệm tài nguyên

Qua nghiên cứu, có rất nhiều tác giả đã đưa ra những định nghĩa khác nhau về Tài nguyên. Mỗi định nghĩa đều mang những nét chung đặc thù của nó, song chúng ta có thể đề cập đến một số định nghĩa chung nhất về tài nguyên như sau:

Theo PGS.TS Trần Đức Thanh: “Tài nguyên là tất cả những nguồn thông tin, vật chất, năng lượng được khai thác phục vụ cuộc sống và sự phát triển của xã hội loài người. Đó là những thành tạo hay tính chất của thiên nhiên, những công trình, những sản phẩm do bàn tay khối óc của con người làm nên, những khả năng của loài người,... Được sử dụng phục vụ cho sự phát triển kinh tế và xã hội của cộng đồng”. [17, 17]

Theo Phạm Trung Lương và nnk, đã định nghĩa: “ Tài nguyên hiểu theo nghĩa rộng gồm tất cả các nguồn nguyên liệu, năng lượng và thông tin có trên trái đất và không gian vũ trụ liên quan, mà con người có thể sử dụng phục vụ cho cuộc sống và sự phát triển của mình”. [17,17]

Cả hai khái niệm trên đều diễn tả đặc tính chung của tài nguyên, song mỗi khái niệm đều hàm chứa những ưu điểm và hạn chế nhất định. Phát huy ưu điểm và giảm thiểu những hạn chế, ta có thể đưa ra một khái niệm tài nguyên đơn giản và dễ hiểu như sau:

Tài nguyên là “ *Tất cả những gì thuộc về tự nhiên và tất cả những sản phẩm do con người tạo ra, có thể được con người sử dụng vào sự phát triển kinh tế và xã hội để tạo ra hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường trong quá trình lịch sử phát triển của loài người*”. [17, 17]

1.1.2. Khái niệm tài nguyên du lịch.

Du lịch là một trong những ngành có định hướng tài nguyên rõ rệt. Tài nguyên du lịch ảnh hưởng trực tiếp đến tổ chức lãnh thổ của ngành du lịch, đến việc hình thành, chuyên môn hoá các vùng du lịch và hiệu quả kinh tế của hoạt động dịch vụ.

Thực chất, tài nguyên du lịch là các điều kiện tự nhiên, các đối tượng văn hoá - lịch sử đã bị biến đổi ở mức độ nhất định dưới ảnh hưởng của nhu cầu xã hội và khả năng sử dụng trực tiếp vào mục đích du lịch.

Theo các nhà khoa học Du lịch Trung Quốc định nghĩa: “Tất cả giới tự nhiên và xã hội loài người có sức hấp dẫn khách du lịch, có thể sử dụng cho ngành Du lịch, có thể sản sinh ra hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường đều có thể gọi là Tài nguyên Du lịch”. [17,19]

Theo Pirojnik định nghĩa: “Tài nguyên du lịch là những tổng thể tự nhiên và văn hoá - lịch sử và những thành phần của chúng, tạo điều kiện cho việc phục hồi và phát triển thể lực tinh thần của con người, khả năng lao động và sức khoẻ của họ, trong cấu trúc nhu cầu du lịch hiện tại và tương lai, trong khả năng kinh tế kỹ thuật cho phép, chúng được dùng để trực tiếp và gián tiếp sản xuất ra những dịch vụ du lịch và nghỉ ngơi”. [17, 19]

Khoản 4 (Điều 4, chương 1) Luật du lịch Việt Nam năm 2005 quy định:

“Tài nguyên Du lịch là cảnh quan thiên nhiên, yếu tố tự nhiên, Di tích Lịch sử Văn hoá, công trình lao động sáng tạo của con người và các giá trị nhân văn khác có thể được sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu du lịch, là yếu tố cơ bản để hình thành các khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch”.

Tổng hợp từ những định nghĩa trên chúng ta có thể đưa ra một khái niệm bao quát nhất về tài nguyên du lịch như sau:

“Tài nguyên du lịch là tổng thể tự nhiên và văn hoá - lịch sử cùng các thành phần của chúng góp phần khôi phục và phát triển thể lực và trí lực của con người, khả năng lao động và sức khoẻ của họ, những tài nguyên này sử dụng cho nhu cầu trực tiếp và gián tiếp, cho việc sản xuất dịch vụ du lịch”. [11, 33]

1.2. Đặc điểm của tài nguyên du lịch

✓ Khối lượng các nguồn tài nguyên và diện tích phân bố các nguồn tài nguyên là cơ sở cần thiết để xác định khả năng khai thác và tiềm năng của hệ thống lãnh thổ, nghỉ ngơi du lịch.

✓ Thời gian có thể khai thác (như thời kỳ khí hậu thích hợp, mùa tắm, thể nằm của lớp tuyết phủ ổn định) xác định tính mùa của du lịch, nhịp điệu dòng du lịch.

✓ Tính bất biến về mặt lãnh thổ của đa số các loại tài nguyên tạo nên lực hút cơ sở hạ tầng và dòng du lịch tới nơi tập trung các loại tài nguyên đó.

✓ Vốn đầu tư tương đối thấp và giá thành chi phí sản xuất không cao cho phép xây dựng tương đối nhanh chóng cơ sở hạ tầng và mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cũng như khả năng sử dụng độc lập từng loại tài nguyên.

✓ Khả năng sử dụng nhiều lần tài nguyên du lịch nếu tuân theo các quy định về sử dụng tài nguyên một cách hợp lý, thực hiện các biện pháp cần thiết để bảo vệ chung.

1.3. Vai trò của tài nguyên du lịch

Du lịch là một trong những ngành có sự định hướng tài nguyên rõ rệt. Tài nguyên du lịch có sự ảnh hưởng trực tiếp đến tổ chức lãnh thổ của ngành du lịch, đến cấu trúc và chuyên môn hoá của ngành du lịch. Quy mô hoạt động du lịch của một vùng, một quốc gia được xác định trên cơ sở khối lượng nguồn tài nguyên du lịch quyết định tính mùa, tính nhịp điệu của dòng khách du lịch. Sức hấp dẫn của vùng du lịch phụ thuộc nhiều vào tài nguyên du lịch.

Tài nguyên du lịch là một trong những yếu tố cơ sở để tạo nên vùng du lịch. Số lượng tài nguyên vốn có, chất lượng của chúng và mức độ kết hợp các loại tài nguyên trên lãnh thổ có ý nghĩa đặc biệt trong việc hình thành và

phát triển du lịch của một vùng hay một quốc gia. Một lãnh thổ nào đó có nhiều tài nguyên du lịch các loại với chất lượng cao, có sức hấp dẫn khách du lịch lớn và mức độ kết hợp các loại tài nguyên phong phú thì sức thu hút khách du lịch càng mạnh.

1.4. Phân loại tài nguyên du lịch

Tài nguyên du lịch có thể chia làm 2 nhóm sau:

▪ **Tài nguyên tự nhiên:**

- Vị trí địa lý
- Địa hình
- Khí hậu
- Thuỷ văn
- Hệ động, thực vật

▪ **Tài nguyên nhân văn:**

– *Tài nguyên nhân văn vật thể.*

- Di sản văn hoá thế giới
- Các Di tích lịch sử văn hoá, thắng cảnh đẹp cấp quốc gia và địa phương

– *Tài nguyên nhân văn phi vật thể.*

- Di sản văn hoá truyền miệng và phi vật thể của nhân loại
- Các lễ hội
- Nghề và làng nghề thủ công truyền thống
- Văn hoá nghệ thuật
- Văn hoá ẩm thực
- Thơ ca và văn học
- Văn hoá ứng xử và những phong tục, tập quán tốt đẹp
- Tài nguyên du lịch gắn với văn hoá các tộc người
- Các hoạt động mang tính sự kiện

1.4.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên

Theo khoản 1 (Điều 13, Chương II) Luật du lịch Việt Nam năm 2005 quy định: “*Tài nguyên du lịch tự nhiên gồm các yếu tố địa chất, địa hình, địa*

mạo, khí hậu, thủy văn, hệ sinh thái, cảnh quan tự nhiên đang được khai thác hoặc có thể được sử dụng phục vụ mục đích du lịch”.

Các loại tài nguyên du lịch tự nhiên không tồn tại độc lập mà luôn luôn tồn tại, phát triển trong cùng một không gian lãnh thổ nhất định, nó có mối quan hệ qua lại, tương hỗ chặt chẽ theo những quy luật của tự nhiên cũng như các điều kiện văn hoá, kinh tế - xã hội và thường được phân bố gần các tài nguyên du lịch nhân văn. Thực tế, khi tìm hiểu và nghiên cứu về tài nguyên du lịch tự nhiên, các nhà nghiên cứu thường nghiên cứu theo từng thành phần tự nhiên, các thể tổng hợp tự nhiên có điều kiện thuận lợi cho sự phát triển du lịch, các di sản thiên nhiên thế giới và các điểm tham quan tự nhiên.

1.4.2. Tài nguyên du lịch nhân văn

a. Khái niệm

Tài nguyên du lịch nhân văn bao gồm truyền thống văn hoá, các yếu tố văn hoá, văn nghệ dân gian, di tích lịch sử, cách mạng, khảo cổ, kiến trúc, các công trình lao động sáng tạo của con người và các di sản văn hoá vật thể, phi vật thể khác có thể được sử dụng phục vụ mục đích du lịch.

Tài nguyên du lịch nhân văn là các đối tượng và hiện tượng xã hội cùng các giá trị văn hoá, lịch sử của chúng có sức hấp dẫn du khách và được khai thác để kinh doanh du lịch. Trong số các tài nguyên du lịch nhân văn thì các di sản văn hoá có vị trí đặc biệt. [11, 72]

Trong Luật di sản văn hoá của Việt nam thì di sản văn hoá được chia làm 2 loại, đó là di sản văn hoá vật thể và di sản văn hoá phi vật thể.

❖ Di sản văn hoá vật thể

✓ “ Di sản văn hoá vật thể là sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học, bao gồm các di tích lịch sử văn hoá, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia”.

✓ “ Di tích lịch sử văn hoá là công trình xây dựng và các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc công trình địa điểm đó có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học”

✓ “ Danh lam thắng cảnh là cảnh quan thiên nhiên hoặc địa điểm có sự kết hợp giữa cảnh quan thiên nhiên với công trình kiến trúc có giá trị lịch sử, thẩm mỹ, khoa học”.

✓ “ Di vật là hiện vật được lưu truyền lại có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học”.

✓ “ Cổ vật là hiện tượng được lưu truyền lại có giá trị tiêu biểu về lịch sử, văn hoá, khoa học từ một trăm năm tuổi trở lên”.

✓ “ Bảo vật quốc gia là hiện vật được lưu truyền lại có giá trị đặc biệt quý hiếm của đất nước về lịch sử, văn hoá, khoa học”.

❖ *Di sản văn hoá phi vật thể*

“ Di sản văn hoá phi vật thể là sản phẩm tinh thần có giá trị lịch sử - văn hoá, khoa học, được lưu truyền bằng trí nhớ, chữ viết, được truyền miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức lưu truyền khác bao gồm: tiếng nói, chữ viết, tác phẩm văn học nghệ thuật, khoa học, ngữ văn truyền miệng, diễn xướng dân gian, lối sống, lễ hội, bí quyết nghề nghiệp thủ công truyền thống, tri thức về y dược cổ truyền, văn hoá ẩm thực, về trang phục truyền thống dân tộc và những tri thức dân gian”. [10, 12]

b. Đặc điểm

Do những nét đặc trưng và tính chất của mình, tài nguyên du lịch nhân văn có những đặc điểm khác với tài nguyên du lịch tự nhiên:

✓ Tài nguyên du lịch nhân văn có tác dụng nhận thức nhiều hơn tác dụng giải trí

✓ Việc tìm hiểu các đối tượng nhân văn diễn ra trong thời gian ngắn, nó có thể kéo dài một vài giờ, cũng có thể một vài phút. Do vậy trong một chuyến du lịch người ta có thể hiểu từ nhiều giá trị nhân văn.

✓ Số người quan tâm đến tài nguyên du lịch nhân văn thường có văn hoá hơn, thu nhập và yêu cầu cao hơn.

✓ Tài nguyên du lịch nhân văn thường tập trung ở những điểm quần cư và những thành phố lớn.

✓ Ưu thế to lớn của tài nguyên du lịch nhân văn là đại bộ phận không có tính mùa, không bị phụ thuộc vào các điều kiện khí tượng và điều kiện tự nhiên khác.

✓ Sở thích của những người tìm đến tài nguyên du lịch nhân văn rất phức tạp và rất khác nhau. Điều này sẽ gây khó khăn cho việc đánh giá tài nguyên du lịch nhân văn. Cơ sở để đánh giá nguồn tài nguyên này chủ yếu dựa vào cơ sở định tính, xúc cảm và trực cảm. Đồng thời nó cũng chịu ảnh hưởng mạnh của các nhân tố như: Độ tuổi, trình độ văn hoá,, hứng thú, trình độ nghề nghiệp, thành phần dân tộc,...

1.4.2.1. Tài nguyên du lịch nhân văn vật thể

a. Di sản văn hoá thế giới

Theo UNESCO, Di sản Văn hoá là:

– “ *Các di tích:* Các tác phẩm kiến trúc, tác phẩm điêu khắc và hội hoạ; các yếu tố hay các cấu trúc có tính chất khoa cổ học, ký tự, nhà ở, hang đá và các công trình có sự liên kết giữa nhiều đặc điểm, có giá trị nổi bật toàn cầu xét theo quan điểm lịch sử, nghệ thuật và khoa học.

– *Các quần thể các công trình xây dựng:* Các quần thể, các công trình xây dựng tách biệt hay liên kết với nhau mà do kiến trúc của chúng, do tính đồng nhất hoặc vị trí của chúng trong cảnh quan, có giá trị nổi bật toàn cầu xét theo quan điểm lịch sử, nghệ thuật và khoa học.

– *Các di chỉ:* Các tác phẩm do con người tạo nên, hoặc các tác phẩm có sự kết hợp giữa thiên nhiên - nhân tạo và các khu vực, trong đó có các di chỉ khảo cổ có giá trị nổi bật toàn cầu xét theo quan điểm lịch sử, thẩm mỹ, dân tộc học hoặc nhân chủng học”.

❖ Tiêu chuẩn xếp hạng là DSVH thế giới:

Các Di sản Văn hoá ở mỗi nước muốn được UNESCO công nhận là Di sản Văn hoá thế giới ít nhất phải đáp ứng các điều kiện và một trong 6 tiêu chuẩn so WHC đưa ra như sau:

– Các điều kiện công nhận là Di sản Văn hoá thế giới: Một di tích lịch sử văn hoá phải xác thực, có ảnh hưởng sâu rộng hoặc có bằng chứng độc đáo đối với sự phát triển của nghệ thuật kiến trúc, hoặc di tích đó phải gắn liền với tư tưởng hay tín ngưỡng, có ý nghĩa phổ biến hoặc là điển hình nổi bật của một lối sống truyền thống đại diện cho một nền văn hoá nào đó.

– Các tiêu chuẩn để công nhận là Di sản Văn hoá thế giới:

- Là các tác phẩm nghệ thuật độc nhất – vô nhị, tác phẩm hàng đầu của tài năng con người.
- Có ảnh hưởng quan trọng đến sự phát triển của nghệ thuật kiến trúc, nghệ thuật cấu tạo không gian trong một thời kỳ nhất định, trong một khung cảnh văn hoá nhất định.
- Chứng cứ xác thực cho một nền văn minh đã biến mất.
- Cung cấp một ví dụ hùng hồn cho một thể loại xây dựng, hoặc kiến trúc phản ánh một giai đoạn lịch sử nhất định.
- Cung cấp một ví dụ hùng hồn về một dạng nhà ở truyền thống, nói lên được một nền văn hoá đang có nguy cơ bị huỷ hoại trước những biến động không cưỡng lại được.
- Có mối quan hệ trực tiếp với những sự kiện, tín ngưỡng, đáp ứng được những tiêu chuẩn xác thực về ý tưởng sáng tạo, về vật liệu và cách tạo lập cũng như về vị trí.

b. Các Di tích lịch sử văn hoá, thắng cảnh đẹp cấp quốc gia và địa phương

Di tích lịch sử - văn hoá là tài sản quý giá của mỗi địa phương, mỗi dân tộc, mỗi đất nước và của cả nhân loại. Nó chứa đựng những truyền thống tốt đẹp, những tinh hoa, trí tuệ, tài năng, giá trị văn hoá, kiến trúc, mỹ thuật của mỗi địa phương, mỗi quốc gia. Chính vì vậy nhiều Di tích Lịch sử Văn hoá đã trở thành đối tượng tham quan, nghiên cứu, thực hiện các nghi lễ tâm linh của nhiều du khách và là nguồn tài nguyên du lịch quý giá.

Theo luật Di sản Văn hoá của Việt Nam năm 2003: “*Di tích Lịch sử Văn hoá là những công trình xây dựng và các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc công trình, địa điểm có giá trị lịch sử - văn hoá và khoa học*”.

Di tích lịch sử văn hoá chứa đựng những nội dung lịch sử khác nhau. Mỗi di tích chứa đựng những nội dung, giá trị văn hoá, lượng thông tin riêng biệt khác nhau, bởi thế mỗi di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh ở mỗi dân tộc, mỗi quốc gia được phân chia thành những loại hình sau:

▪ *Loại hình di tích văn hoá khảo cổ:*

Là những địa điểm ẩn giấu một bộ phận giá trị văn hoá, thuộc về thời kỳ lịch sử xã hội loài người chưa có văn tự và thời gian nào đó trong lịch sử cổ đại.

Các di tích khảo cổ còn được gọi là di chỉ khảo cổ. Các di tích khảo cổ thường bao gồm các loại: di chỉ cư trú, di chỉ mộ táng, những công trình kiến trúc cổ, những đô thị cổ, những tàu thuyền đắm.

▪ *Loại hình di tích lịch sử:*

Mỗi địa phương, mỗi quốc gia dân tộc đều có quá trình lịch sử, xây dựng, bảo vệ địa phương và đất nước riêng và được ghi dấu bằng những di tích lịch sử.

Những di tích lịch sử là những địa điểm, những công trình kỷ niệm, những vật kỷ niệm, những cổ vật ghi dấu bằng những sự kiện lịch sử, những cuộc chiến đấu, những danh nhân, anh hùng dân tộc của một thời kỳ nào đó trong quá trình lịch sử của mỗi địa phương, mỗi quốc gia.

▪ *Loại hình di tích văn hoá nghệ thuật:*

Là các di tích gắn với các công trình kiến trúc có giá trị nên còn gọi là di tích kiến trúc nghệ thuật. Những di tích này không chỉ chứa đựng những giá trị kiến trúc mà còn chứa đựng cả những giá trị văn hoá xã hội, văn hoá tinh thần.

Sự phân biệt các dạng tài nguyên du lịch nói chung chỉ mang tính tương đối. Vì trong tài nguyên du lịch nhân văn vật thể lại chứa đựng cả tài

nguyên nhân văn phi vật thể và ngược lại. Trong các di tích kiến trúc nghệ thuật lại thường mang trong mình cả những giá trị lịch sử, vì vậy nhiều nhà nghiên cứu thường gọi chung là Di tích Lịch sử Văn hoá nghệ thuật.

▪ *Các danh lam thắng cảnh:*

Theo Luật Di sản Văn hoá của Việt Nam năm 2003: “Danh lam thắng cảnh là cảnh quan thiên nhiên hoặc địa điểm có sự kết hợp giữa cảnh quan thiên nhiên với công trình kiến trúc có giá trị lịch sử, thẩm mỹ và khoa học”.

Các danh lam thắng cảnh không chỉ có vẻ đẹp thiên nhiên bao la, hùng vĩ, thoáng đãng mà còn có giá trị nhân văn do bàn tay khối óc của con người tạo dựng nên.

Các danh lam thắng cảnh thường chứa đựng trong đó giá trị của nhiều loại di tích lịch sử - văn hoá. Bởi thế nên nó có giá trị đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển du lịch ngày nay.

▪ *Các công trình đương đại:*

Là các công trình kiến trúc được xây dựng trong thời kỳ hiện đại, có giá trị kiến trúc, mỹ thuật, khoa học, kỹ thuật xây dựng, kinh tế, văn hoá thể thao hấp dẫn du khách có thể là đối tượng thăm quan nghiên cứu, vui chơi giải trí, chụp ảnh kỷ niệm,... đối với khách du lịch.

1.4.2.2. Tài nguyên du lịch nhân văn phi vật thể

a. Di sản Văn hoá truyền miệng và phi vật thể của nhân loại

Năm 1989 tại phiên họp Đại hội đồng UNESCO đã đưa ra hai chính sách:

1) Công nhận một danh hiệu cho một sản phẩm văn hoá phi vật thể, danh hiệu đó gọi là “kiệt tác Di sản Văn hoá truyền miệng và phi vật thể của nhân loại”.

2) Di sản Văn hoá phi vật thể và truyền miệng luôn luôn được giữ gìn trình diễn, bổ sung truyền lại cho lớp trẻ thông qua trí nhớ và tài năng của nghệ nhân.

b. Các lễ hội

Ở bất cứ thời đại nào, bất cứ dân tộc nào, bất cứ mùa nào cũng đều có lễ hội, bởi lễ hội là một loại hình sinh hoạt văn hoá tập thể của nhân dân sau

thời gian lao động mệt nhọc, hoặc đây là dịp để con người hướng về một sự kiện lịch sử trọng đại: ngưỡng mộ tổ tiên, ôn lại truyền thống, hoặc giải quyết những nỗi lo âu, những khao khát, ước mơ mà cuộc sống thực tại chưa giải quyết được.

Cấu trúc lễ hội thường bao gồm 2 phần:

+ *Phần lễ:*

Các lễ hội dù lớn hay nhỏ cũng đều có phần nghi lễ với những nghi thức nghiêm túc, trọng thể để mở đầu ngày hội theo không gian và thời gian.

Tuỳ vào tính chất của lễ hội mà phần lễ có ý nghĩa riêng. Thông thường phần lễ mở đầu ngày hội bao giờ cũng mang tính tưởng niệm lịch sử, hướng về một sự kiện lịch sử trọng đại, một vị anh hùng dân tộc lỗi lạc có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của xã hội. Bên cạnh đó cũng có những lễ hội mà phần lễ thực hiện những nghi lễ tôn kính, dâng hiến lễ vật cho các vị thiên thần, thánh nhân, cầu mong những điều tốt đẹp trong cuộc sống. Nghi lễ trong lễ hội mang ý nghĩa đặc biệt thiêng liêng, nó chứa đựng những giá trị văn hoá truyền thống, giá trị thẩm mỹ và tư duy triết học của cộng đồng.

+ *Phần hội:*

Trong phần hội thường diễn ra những hoạt động biểu tượng điển hình của tâm lý cộng đồng, văn hoá dân tộc, chứa đựng những quan niệm của dân tộc đó với thực tế lịch sử, xã hội và thiên nhiên.

Trong hội thường tổ chức những trò vui chơi giải trí, biểu diễn văn hoá nghệ thuật. Yếu tố cấu thành và nuôi dưỡng lễ hội là kinh tế - xã hội và tự nhiên nên nội dung của phần hội không chỉ giữ nguyên những giá trị văn hoá truyền thống mà nó luôn có xu hướng bổ sung thêm những thành tố văn hoá mới. Chính đặc điểm này đã tạo cho lễ hội thêm sống động, vui nhộn và phong phú. Tuy nhiên nếu yếu tố này không được chọn lọc và giám sát chặt chẽ cũng như tuyên truyền, giáo dục, đầu tư bảo vệ và phát triển những giá trị văn hoá truyền thống thì sẽ làm cho những giá trị đó bị lai tạp, mai một và suy thoái.

Tuỳ vào quy mô và giá trị văn hoá truyền thống còn được bảo tồn, ý nghĩa của lễ hội đối với quốc gia hay địa phương mà các lễ hội được xếp hạng làm lễ hội quốc tế hay lễ hội địa phương. Các lễ hội có sức hấp dẫn cao đối với du khách là đối tượng để triển khai nhiều loại hình du lịch văn hoá, đặc biệt là loại hình du lịch lễ hội.

– **Thời gian tổ chức lễ hội:**

Các lễ hội thường được tổ chức nhiều vào sau mùa vụ sản xuất, mùa mà thời tiết, phong cảnh đẹp là mùa xuân và mùa thu. Các giá trị văn hoá lịch sử của lễ hội là nguồn tài nguyên du lịch quý giá để tổ chức triển khai các loại hình tham quan, nghiên cứu chuyên đề lễ hội hoặc kết hợp với các loại hình du lịch tham quan, nghiên cứu và mua sắm.

c. Nghề và làng nghề thủ công truyền thống

– *Nghề thủ công truyền thống*: là những nghề có những bí quyết về công nghệ sản xuất ra các sản phẩm mang những giá trị thẩm mỹ, tư tưởng triết học, tâm tư tình cảm và những ước vọng của con người.

Nghề thủ công truyền thống là nghề sản xuất ra nghệ thuật do những nghệ nhân dân gian sáng tạo, gìn giữ và phát triển từ đời này qua đời khác cho những người cùng huyết thống hoặc cùng làng bản. Các sản phẩm thủ công cổ truyền này không chỉ mang những giá trị sử dụng trong cuộc sống hàng ngày mà nó còn chứa đựng bên trong những giá trị về mỹ thuật, giá trị triết học, tâm linh thể hiện tài nghệ, tâm tư, ước vọng của người làm ra chúng. Chính những tính hữu ích và giá trị văn hoá của chúng mà theo dòng chảy của lịch sử, đến nay nhiều nước trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đã hình thành và bảo tồn được những giá trị tốt đẹp của tài nguyên này.

– *Làng nghề*: “ Là những làng có các nghề sản xuất hàng hoá bằng các công cụ thô sơ và sức lao động của con người đã được hình thành một thời gian dài trong lịch sử, nghệ thuật sản xuất hàng hoá được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác ở trong làng. Sản phẩm hàng hoá được sản xuất không chỉ đáp ứng nhu cầu ở trong làng mà còn bán ở thị trường trong nước và quốc tế”.

d. Văn hoá nghệ thuật

Trong quá trình phát triển của mỗi quốc gia, các nghệ nhân dân gian cùng với nhân dân đã sáng tạo, nuôi dưỡng, bảo tồn những giá trị văn hoá nghệ thuật như những làn điệu dân ca, những điệu múa, bản nhạc,... đây là những giá trị văn hoá, là những món ăn tinh thần của nhân dân, thể hiện những giá trị thẩm mỹ, truyền thống và bản sắc văn hoá, tâm tư, tình cảm và những ước vọng của con người. Những giá trị văn hoá, đặc biệt là những kiệt tác Di sản Văn hoá phi vật thể và truyền miệng thế giới, không chỉ góp phần tạo ra sự đa dạng về sản phẩm du lịch mà nó còn có sức hấp dẫn đặc biệt với du khách. Tài nguyên du lịch văn hoá nghệ thuật này vừa mang lại cho du khách sự thư giãn, vui vẻ, nâng cao đời sống tinh thần, làm lãng quên đi bao lo toan vất vả trong cuộc sống thường nhật, nó vừa mang lại sự nhận thức, cảm nhận về cái đẹp, giúp cho du khách có thể tận dụng thời gian rảnh rỗi để thưởng thức những giá trị nhân văn cao đẹp của loại hình nghệ thuật này.

e. Văn hoá ẩm thực

Từ xa xưa, ăn uống đã trở thành nhu cầu thiết yếu không thể thiếu của mỗi con người. Ngày nay khi nói đến nghệ thuật ẩm thực, chúng ta không chỉ nghĩ đến nhu cầu ăn no, ăn đủ chất mà còn nói đến cái đẹp, nghệ thuật chế biến món ăn, không gian, thời gian và cách thức ăn uống của mỗi người, mỗi tầng lớp trong xã hội. Chính những quan niệm và những nhu cầu đó đã biến văn hoá ẩm thực thành một loại hình văn hoá nghệ thuật không thể thiếu đối với sự phát triển của xã hội ngày nay.

Mỗi một đất nước, một quốc gia, tùy vào điều kiện tự nhiên, đặc điểm lịch sử và sự phát triển kinh tế xã hội đã hình thành nên những món ăn, đồ uống mang tính đặc sản riêng. Nghệ thuật ẩm thực không chỉ là văn hoá mỗi quốc gia, mà nó còn là dấu ấn, sự nhận thức về giá trị nghệ thuật của du khách đối với quốc gia đó.

f. Thơ ca và văn học

Thơ ca và văn học là loại hình nghệ thuật trong đó có sử dụng ngôn từ để phản ánh cái đẹp, tình yêu của con người với thiên nhiên, của con người với nhau, với quê hương, đất nước và đời sống xã hội - sản xuất của con người.

Lịch sử phát triển văn học của mỗi quốc gia gắn liền với lịch sử hình thành dựng nước, giữ nước và xây dựng đất nước của mỗi dân tộc. Tùy vào sự đa dạng, phong phú của điều kiện tự nhiên và sự phát triển lâu đời của dòng chảy lịch sử đã hình thành nên những nền văn minh, văn hoá lớn với những tác phẩm thơ ca, văn học nổi tiếng tồn tại và sống mãi với sự trường tồn của nhân loại.

g. Văn hoá ứng xử và những phong tục tập quán tốt đẹp

Văn hoá ứng xử và những phong tục, tập quán là những sản phẩm hàng hoá đặc biệt không thể đo lường bằng các thiết bị kỹ thuật một cách chính xác mà nó phải được đánh giá dựa trên tiêu chí xếp hạng và sự cảm nhận qua các giác quan, tình cảm và sở thích của du khách. Do vậy, văn hoá ứng xử, phong tục tập quán sinh sống của mỗi địa phương, quốc gia, dân tộc đã trở thành tài nguyên du lịch vô cùng quý giá, tạo nên môi trường tự nhiên, môi trường xã hội tốt đẹp, đồng thời tạo ra những sản phẩm du lịch đặc biệt hấp dẫn du khách.

h. Tài nguyên du lịch gắn với văn hoá các tộc người

Tài nguyên du lịch gắn với văn hoá các tộc người bao gồm điều kiện sinh sống, phương thức sản xuất, kiến trúc, trang trí nhà ở, nghề thủ công truyền thống, văn hoá nghệ thuật, văn hoá ẩm thực, lễ hội, phong tục, tập quán với những sắc thái riêng trên những địa bàn sinh sống của họ.

Việt nam là một quốc gia đa sắc tộc, có 54 dân tộc, trong đó có tới 53 tộc người thiểu số sống chủ yếu ở các vùng miền núi, cao nguyên, đồng bằng Sông Cửu Long và đồng bằng duyên hải Nam Trung Bộ. Chính yếu tố này đã tạo nên những giá trị văn hoá truyền thống đặc sắc, có sức hấp dẫn lớn đối với du khách trong và ngoài nước.

i. Các hoạt động mang tính sự kiện

Các hoạt động mang tính sự kiện như liên hoan phim, ảnh, ca nhạc quốc tế, các giải thể thao lớn,...do địa phương hoặc quốc gia tổ chức. Đây đều là những đối tượng có sức hấp dẫn lớn với du khách và là điều kiện, tài nguyên quan trọng để phát triển loại hình du lịch MICE.

1.5. Vai trò của tài nguyên nhân văn đối với phát triển du lịch

Trong ngành công nghiệp du lịch, tài nguyên du lịch chiếm vị trí đặc biệt quan trọng, nó chính là nhân tố hàng đầu quyết định đến hiệu quả của ngành kinh tế này.

Ngày nay, nhu cầu văn hoá của con người, của tập thể người chính là động lực thúc đẩy người ta đi du lịch, bởi lẽ người ta đi du lịch không chỉ đơn thuần để vui chơi, giải trí mà còn hướng đến mục đích cao hơn. Đó là sự hiểu biết, học hỏi, nghiên cứu. Theo cấp bậc nhu cầu của Maslow, nhu cầu hiểu biết chính là nhu cầu lớn nhất của con người, khi người ta đã thoả mãn những nhu cầu chủ yếu như: ăn, ở, nghỉ ngơi, vui chơi, nghỉ dưỡng,...thì họ còn hướng đến những giá trị tinh thần, giá trị nhân văn của nhân loại. Họ muốn hoàn thiện bản thân và cân bằng lại nhân cách của mình. Tài nguyên du lịch nhân văn đã đáp ứng được nhu cầu cao nhất của con người.

Sự khác biệt giữa các quốc gia, vùng, miền, chính là nguyên nhân làm xuất hiện những dòng khách du lịch từ nơi này đến nơi khác, từ nước này đến nước khác. Những thành quả văn hoá của nơi đến là nội dung hấp dẫn, quan trọng nhất của nơi đến du lịch, hay nói cách khác, các tài nguyên văn hoá là nội dung quan trọng nhất để xây dựng nên các chương trình du lịch.

Về mặt kinh tế, tài nguyên du lịch nhân văn có ưu thế là hầu như không có tính mùa, không bị phụ thuộc vào các yếu tố thời tiết, khí tượng và các điều kiện tự nhiên khác. Vì thế tạo nên khả năng sử dụng tài nguyên nhân tạo ngoài giới hạn các mùa chính do các tài nguyên tự nhiên gây ra và giảm tính mùa nói chung của các tầng du lịch. Trong mùa hoạt động du lịch tự nhiên cũng có những thời kỳ có những ngày không thích hợp cho hoạt động giải trí

ngoài trời. Những trường hợp như thế được đi tham quan, tìm hiểu các giá trị tài nguyên nhân văn sẽ là một giải pháp lí tưởng. Ở những điểm có tài nguyên du lịch nhân văn đẹp thì hoạt động du lịch thường diễn ra quanh năm, không bị gián đoạn, không bị ảnh hưởng nhiều đến doanh thu.

Như vậy, chính nguồn tài nguyên du lịch nhân văn đã làm nền tảng vững chắc, lâu bền, làm nên lợi thế cạnh tranh hữu hiệu trong phát triển du lịch cũng như các hoạt động kinh tế đối ngoại khác. Trên thực tế, phát triển du lịch nhân văn là một trong những giải pháp kích cầu cơ bản để khai thác hợp lý các tiềm năng kinh tế và tiềm năng du lịch của địa phương.

1.6. Tiểu kết

Tìm hiểu tài nguyên du lịch nhân văn hiện nay đang là một hướng phát triển hiệu quả của ngành du lịch Việt Nam. Hệ thống quần thể các di tích lịch sử văn hoá, lễ hội, những phong tục tập quán,... đóng vai trò rất quan trọng trong đời sống tâm linh của người Việt. Đồng thời đây cũng là nguồn tài nguyên quý giá cho phát triển du lịch hiện tại và mai sau.

Hoạt động khai thác tài nguyên du lịch nhân văn không chỉ khiến cho du khách hiểu được những nét văn hoá đặc trưng của từng vùng đất mà họ đã đi qua, mà quan trọng hơn nó là nhân tố góp phần to lớn vào sự nghiệp giáo dục cho thế hệ trẻ những truyền thống của dân tộc, biết giữ gìn những nét văn hoá đặc thù, phong tục tập quán tốt đẹp của quê hương. Chính vì vậy hiện nay sự phát triển của du lịch nhân văn đang trở thành một hướng đi đúng đắn mang lại hiệu quả kinh tế cao cho ngành du lịch Việt Nam.

CHƯƠNG II:

THỰC TRẠNG KHAI THÁC CÁC GIÁ TRỊ TÀI NGUYÊN NHÂN VĂN TẠI KHU VỰC ĐẢO HÀ NAM – YÊN HƯNG - QUẢNG NINH

2.1. Giới thiệu khái quát về huyện Yên Hưng và đảo Hà Nam

2.1.1. Khái quát chung về huyện Yên Hưng _ Quảng Ninh

Yên Hưng là huyện ven biển nằm ở phía đông nam của tỉnh Quảng Ninh, Cách thành phố Hạ Long 40km và cách Hải Phòng 20km. Yên Hưng có diện tích tự nhiên là 33.191,6 ha. Vị trí tọa độ từ 20° 45' 06" đến 21° 02' 09" độ vĩ bắc và 106° 45' 30" đến 106° 0' 59" độ kinh đông. Phía bắc giáp thị xã Uông Bí và huyện Hoàn Bồ, phía nam giáp đảo Cát Hải và cửa Nam Triệu, phía đông giáp thành phố Hạ Long, phía tây giáp huyện Thủy Nguyên_ Hải Phòng.

Địa hình Yên Hưng chủ yếu là đồng bằng và bãi bồi ven biển có xen lẫn đồi núi thấp của những dãy núi cánh cung Đông Triều chạy ra biển, hình thành nên một Yên Hưng có địa thế gần như nằm trọn về phía một nửa bồi tích của sông Bạch Đằng mà nửa kia thuộc về Hải Phòng.

Yên Hưng có diện tích đồi núi là 6.100 ha, chiếm 15,3% diện tích của huyện. Diện tích đồi núi được phân bố chủ yếu ở khu vực phía bắc Yên Hưng, phần lớn được tập trung ở các xã như Minh Thành, Đông Mai và một phần ở các xã Sông Khoai, Cộng Hoà, Tân An, Tiền An, Hoàng Tân. Hiện đất được sử dụng chủ yếu vào việc trồng rừng và trồng cây ăn quả.

Song song với diện tích đồi núi thì diện tích đất đồng bằng cũng chiếm số lượng khá lớn trong tổng diện tích đất tự nhiên của huyện. Có 14.800 ha đất đồng bằng, chiếm 44,6% diện tích đất đai của huyện. Tính chất của đất chủ yếu là đất phù sa cổ và đất phù sa cũ nằm trong đê. Đất này được phân bố hầu hết ở các xã trong huyện như tập trung chủ yếu ở khu vực Hà Nam, đất được sử dụng chủ yếu cho việc trồng lúa và trồng cây lương thực, thực phẩm.

Yên Hưng có đường bờ biển kéo dài hơn 30km, tạo nên nhiều cửa sông, bãi triều, vũng vịnh. Đây chính là nơi hội tụ và cư trú của nhiều loài hải sản có giá trị kinh tế cao cộng với phần lớn diện tích đất bãi bồi ở cửa sông, ven biển và các loại đất mặn, đất cát. Đây chính là nguồn lợi lớn để Yên Hưng có thể phát triển mạnh ngành nuôi trồng thủy hải sản, mang lại công việc và hiệu quả kinh tế đáng kể cho người dân nơi đây.

Người dân Yên Hưng sống bằng nhiều nghề khác nhau, nhưng chủ yếu vẫn là làm nông nghiệp và đi biển. Với lịch sử hình thành và nền văn hoá lâu đời đã tạo cho người dân Yên Hưng có những nếp sống riêng. Sự mộc mạc, giản dị và lối sống văn hoá cổ truyền đã ảnh hưởng sâu sắc và được giáo dục truyền lối qua các thế hệ.

2.1.2. Lịch sử hình thành và tên gọi đảo Hà Nam

❖ *Lịch sử hình thành và phát triển*

Theo sử sách để lại, vào khoảng trước năm 1434 Hà Nam vẫn còn là một bãi triều lớn ngập nước nằm ở cửa sông Bạch Đằng, với diện tích xung quanh là rừng sú vẹt không người sinh sống.

Theo gia phả của các dòng họ Tiên Công, các trưởng thờ trong từ đường của các dòng họ, bia chia ruộng đất ở đình Trung Bản khắc năm 1952 và bia “Lập thiên trụ bi” khắc năm 1702 ở đình Hải Yến ghi lại: Vào khoảng năm 1434, có mười bảy vị tiên công là người cùng quê ở phường Kim Hoa (nay là phường Kim Liên), huyện Thọ Xương, phủ Hoài Đức, phía nam thành Thăng Long (nay là Hà Nội). họ là những người lao động, những kẻ sỹ sống chủ yếu bằng canh tác nông nghiệp và đánh cá ven hồ, ven sông Kim Ngưu ở Thăng Long. Hưởng ứng lời kêu gọi quai đê lấn biển, khai canh lập ấp của Lê Thánh Tông. Mười bảy vị tiên công cùng gia đình xuôi theo dòng Sông Hồng ra cửa sông Bạch Đằng cầm thuyền tìm đất. Lúc đầu họ ở trên thuyền, sống bằng nghề đánh bắt cá, dãi chài phơi lưới trên các đượng đất cao trên triều ở các vùng cửa sông Bạch Đằng. Vào một đêm, mười bảy vị tiên công cùng gia đình lên trú tại một gò nổi của bãi triều. Nghe thấy tiếng ếch nhái kêu, biết là

ở nơi này có nước ngọt, các tiên công đã tìm thấy mạch nước ngọt ở một đưng đất cao trên triều giữa, xung quanh là nước mặn (sau mô đất này được gọi là Hồ Mạch), tiên đoán đây là nơi có thể sinh sống và cư trú lâu dài nên mười bảy vị tiên công quyết định cùng gia đình lên bãi triều này tiến hành khẩn hoang đất đai, cải tạo thành ruộng lúa, lập làng, vừa trồng lúa vừa đánh bắt hải sản và lập lên làng xã đầu tiên có tên là Bồng Lưu. Sau này khi dân số phát triển nhiều lên do các gia đình sinh thêm người và có nhiều người từ nơi khác đến ngụ cư, những người khai hoang đã tụ họp lại và quyết định đổi tên phường Bồng Lưu thành xã Phong Lưu gồm có ba thôn: Phong Cốc, Cẩm La, Yên Đông (nay là xã Phong Cốc, xã Cẩm La và làng Yên Đông, xã Hải Yên).

Cũng vào khoảng năm 1434, có hai vị tiên công là Hoàng Lung và Hoàng Linh (Hoàng Nông, Hoàng Nênh), quê ở vùng Trà Lũ (có thể thuộc vùng Nam Định ngày nay) đã chiêu tập một số người đến phía đông phường Bồng Lưu quai đê lấn biển, khai canh theo phương thức khai canh có thủ lĩnh và lập nên xứ Bản Động. Sau đó vào thời vua Lê Thánh Tông (1472), xứ Bản Động được đổi thành thôn Trung Bản và xác nhập với xã Phong Lưu thành nhất xã tứ thôn: Yên Đông, Phong Cốc, Cẩm La, Trung Bản.

Năm Thành Thái thứ hai (1890), xã Phong Lưu được chia thành bốn xã: xã Phong Cốc, xã Cẩm La, xã Yên Đông, xã Trung Bản. Tháng 4 – 1965 UBND tỉnh Quảng Ninh đã chia xã Phong Cốc thành hai xã là xã Phong Cốc và xã Phong Hải, nhập xã Yên Đông và xã Hải Yên thành xã Yên Hải gồm hai thôn là Yên Đông và thôn Hải Yên, nhập xã Trung Bản vào xã Lưu Khê thành xã Liên Hoà gồm ba thôn là Trung Bản, Quỳnh Biều và thôn Lưu Khê.

Sau cách mạng tháng tám, chính quyền cách mạng đã chia tổng Hà Nam thành ba xã: Nam Hoà, Phong Cốc, Trung Bản (sau đổi thành ba xã là Nam Hoà, Hồng Thái và Liên Hoà). Đến cuối thời kỳ cải cách ruộng đất, tháng 6 – 1956 chính phủ đã tách xã Nam Hoà ra thành ba xã là: Cẩm La, Yên Hải và Nam Hoà, xã Hồng Thái được chia tách thành hai xã là xã Phong Cốc và xã Yên Hồng, còn xã Liên Hoà cũng được tách thành hai xã là xã Liên Hoà và xã Liên Vị.

Hơn năm trăm năm, trải qua bao thăng trầm và những biến đổi của lịch sử. Đến nay Hà Nam đã phát triển hơn và có nhiều thay đổi về đời sống, kinh tế xã hội, cũng như sự thay đổi và phân chia lại cơ cấu làng xã trong vùng. Hiện nay khu vực đảo Hà Nam gồm có tám xã là: xã Nam Hoà, xã Yên Hải, xã Phong Cốc, xã Cẩm La, xã Phong Hải, xã Liên Hoà, xã Liên Vị và xã Tiền Phong. Sự thay đổi trong cơ cấu làng xã chính là yếu tố cơ bản dẫn đến việc hình thành nên những lối sống, phong tục tập quán riêng cho từng làng, từng xã. Đây cũng là yếu tố quan trọng góp phần tạo nên sự đa dạng các giá trị tài nguyên nhân văn trong vùng.

❖ **Sự hình thành và tên gọi**

Trải qua 576 năm lịch sử hình thành và phát triển khu vực đảo Hà Nam, đến nay vẫn chưa có tài liệu nào ghi lại chính xác thời điểm ra đời cũng như những thay đổi trong tên gọi và ý nghĩa của việc hình thành tên đảo Hà Nam. Nhưng theo lời kể lại của những bậc cao niên trong vùng thì xưa kia Hà Nam vốn là một bãi bồi ngập nước mỗi khi triều cường. Diện tích Hà Nam ban đầu còn nhỏ hẹp, vùng đảo này được bao bọc bởi hệ thống Sông Chanh, Sông Kênh, Sông Bạch Đằng và Sông Rút. Nhìn từ phía thì đây chẳng khác nào một hòn đảo hoang vắng bóng con người.

Qua hơn năm trăm năm hình thành và phát triển lâu dài như vậy, đến nay cũng không ai biết chính xác cái tên đó được hình thành từ khi nào. Chỉ biết rằng, tính từ năm 1434 khi vùng đất này có dấu chân đầu tiên của mười chín vị tiên công đầu tiên đến khai phá, quai đê lấn biển, cải tạo và mở mang vùng đất này. Quá trình cải tạo đó diễn ra trong khoảng 66 năm (từ 1434- 1500) thì đã hình thành nên mô hình cơ bản của đảo Hà Nam ngày nay. Cùng với sự bồi đắp, cải tạo và tên đảo Hà Nam cũng được hình thành trong khoảng thời gian đó. Phỏng theo sự suy đoán của bao thế hệ trước và các bậc cao niên hiện nay thì tên đảo Hà Nam là do mười chín vị tiên công đặt ra trong quá trình quai đê lấn biển, cải tạo ruộng đồng. Qua bao thế hệ sinh sống, lập nên những ấp làng

đông đúc, Hà Nam vẫn là tên chỉ địa danh vùng đảo này, đến nay vẫn chưa một lần thay đổi.

2.1.3. Điều kiện tự nhiên

a. Vị trí địa lí

Hà Nam là một hòn đảo nhỏ ven biển nằm ở phía Tây Nam của tỉnh Quảng Ninh. Phía đông giáp xã Hà An và thị trấn Quảng Yên, phía nam giáp đảo Cát Hải – Hải Phòng, phía tây giáp với đầm Nhà Mạc, phía bắc giáp Thủy Nguyên – Hải Phòng và xã Yên Giang.

Đảo Hà Nam hiện nay có 9 đơn vị hành chính và 8 xã trên đảo. có diện tích tự nhiên là 64,7 km² và dân số có 4,83 vạn người. Hà Nam là nơi có vị trí quan trọng trong phát triển kinh tế của huyện, là nơi có nhiều tiềm lực để phát triển kinh tế ven biển kết nối giao thương giữa Quảng Ninh với Hải Phòng. Đặc biệt với vị trí khá thuận lợi vì có nhiều bãi bồi ven đê tạo điều kiện tốt để nuôi trồng thủy hải sản nước mặn và nước lợ, đồng thời đây cũng là nơi có diện tích mặt bằng khá lớn tạo thuận lợi để xây dựng và phát triển các khu công nghiệp, khu du lịch và dịch vụ. Có thể nói đảo Hà Nam là địa dư lớn của tỉnh Quảng Ninh nói chung và huyện Yên Hưng nói riêng về phát triển kinh tế biển.

Đối với vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, Hà Nam nằm trong giải hành lang ven biển Quảng Ninh – Hải Phòng, do đó đây là một trong những cửa mở ra biển của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, để phát triển hội nhập và giao lưu giữa các vùng, miền trong cả nước.

Điều kiện vị trí ven biển, nằm liền kề hai thành phố Hạ Long – Hải Phòng, trên địa bàn đảo Hà Nam có các tuyến giao thông quan trọng như: Về đường bộ có quốc lộ 10, về đường biển có tuyến hàng hải ven biển Bắc Nam trong nước và gần các tuyến hàng hải quốc tế Hải Phòng và Quảng Ninh đi quốc tế. Hà Nam là nơi có nhiều thuận lợi để mở cửa giao lưu thương mại với trong nước và quốc tế bằng đường biển và liên kết không gian kinh tế với thành phố Hạ Long, Hải Phòng để tạo thành trục kinh tế động lực ven biển Hải Phòng – Hà Nam – Hạ Long của cùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

b. Địa hình và tài nguyên đất

Nằm trong khu vực giáp ranh với thị trấn Quảng Yên và đảo Cát Hải – Hải Phòng, đồng thời đây là hòn đảo ven biển, được bao bọc bởi hệ thống các con sông lớn, tạo nhiều thuận lợi để tạo nên những luồng lạch cho phát triển kinh tế biển.

Hà Nam có diện tích tự nhiên là 64,7 km², chiếm 5,1% diện tích của huyện. Đây là nguồn tài nguyên quan trọng, là tiền đề cơ bản để phát triển kinh tế xã hội ngay trên vùng đảo này. Đây là hòn đảo trũng, đất đai chủ yếu được bồi tích do phù sa sông mang lại nên địa hình đảo Hà Nam tương đối bằng phẳng, tạo cho Hà Nam có nhiều tiềm năng lớn để phát triển nông nghiệp và nuôi trồng thủy hải sản.

c. Khí hậu và thời tiết

Hà Nam có đặc trưng khí hậu của vùng ven biển miền Bắc Việt Nam, khí hậu nhiệt đới gió mùa, có mùa đông lạnh. Nhiệt độ trung bình hàng năm 23 – 24°C, biên độ nhiệt độ theo mùa trung bình 6 – 7°C, biên độ nhiệt ngày khá lớn, trung bình từ 9 – 11°C. Số giờ nắng dồi dào, trung bình 1.700 – 1800h / năm, số ngày nắng tập trung nhiều vào tháng 5 đến tháng 12. Lượng mưa trung bình hàng năm 1.500 – 1.600mm, cao nhất có thể lên đến 2.600mm. Mùa mưa kéo dài từ tháng 5 đến tháng 10, tập trung 88% tổng lượng mưa của cả năm, độ ẩm không khí khá cao: 81%.

Thời tiết ở Hà Nam được phân thành hai mùa rõ rệt: Mùa hè nóng ẩm và mưa nhiều, mùa đông lạnh và khô. Mùa hè từ tháng 5 đến tháng 10 thời tiết nắng nóng, nhiệt độ cao nhất vào tháng 7, trung bình từ 28 – 29°C, cao nhất có thể lên đến 38°C. Gió Nam và Đông Nam thổi mạnh gây mưa nhiều, độ ẩm lớn. Mùa đông từ tháng 11 đến tháng 4, có gió mùa Đông Bắc thổi nhiều đợt và mạnh làm thời tiết lạnh, nhiệt độ thấp nhất vào tháng 1 có thể xuống tới 5°C.

Nhìn chung khí hậu và thời tiết trên đảo Hà Nam có đặc điểm chung của khí hậu miền Bắc Việt Nam. Nhưng do vị trí nằm ở ven biển nên khí hậu ôn hoà hơn, tạo thuận lợi cho việc sản xuất nông – ngư nghiệp và phát triển du lịch. Thời tiết mùa đông lạnh gây ảnh hưởng phần nào đến sản xuất nông

nghiệp và sinh hoạt nhưng cũng tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất vụ đông đa dạng hoá sản phẩm.

d. Điều kiện thủy văn và tài nguyên nước

Đảo Hà Nam có đường bờ biển quanh đê trải dài 34 km, tiếp giáp với nhiều cửa sông và có nhiều bãi triều lớn, hơn nữa đảo này lại nằm trong vùng vịnh kín, tạo không những thuận lợi cho phát triển giao thông đường biển mà đây còn là nơi hội tụ của nhiều loại hải sản có giá trị kinh tế cao.

Hà Nam có diện tích đất bồi phía ngoài đê 2.180 ha. Đây là nguồn lợi rất lớn để cho khu vực này đẩy mạnh phát triển ngành nuôi trồng thủy hải sản, hàng năm Hà Nam khai thác thủy sản các loại có thể đạt hơn 4 nghìn tấn/năm. Đem lại nguồn thu nhập lớn và sự giàu có cho vùng đảo này.

Về chế độ thủy văn cũng có rất nhiều thuận lợi. Ngoài nguồn nước tự nhiên trong vùng thì Hà Nam còn được cung cấp nước bởi Công Ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Yên Lập. Đây là hồ lớn nhất của tỉnh có dung lượng thường xuyên là 127,5 triệu m³, dung tích hữu ích là 113,2 triệu m³, cung cấp nước qua 28,4 km kênh chính dẫn nước đến hầu hết các xã trên đảo. Nước được sử dụng chủ yếu cho sản xuất và sinh hoạt của dân cư.

e. Tài nguyên rừng

Rừng ở đảo Hà Nam chiếm diện tích không lớn, khoảng gần 2 nghìn ha, chủ yếu là rừng ngập mặn, phân bố tập trung ở phía ngoài chân đê. Rừng ở đây không có ảnh hưởng lớn đến phát triển kinh tế trong vùng nhưng có vai trò quan trọng trong việc chống xói mòn và bảo vệ đất.

2.1.4. Điều kiện kinh tế xã hội

a. Dân số và nguồn nhân lực

Là vùng đất được khai phá từ lấn biển lập ấp từ nhiều thế kỷ trước, Hà Nam có bề dày văn hoá và lịch sử giàu truyền thống xây dựng và bảo vệ tổ quốc, những phong tục tập quán sinh hoạt đậm nét văn hoá lúa nước của cư dân đồng bằng Sông Hồng.

Theo thống kê của UBND huyện Yên Hưng thì dân số đảo Hà Nam năm 2008 là 4,83 vạn người, mật độ dân số khá đông, khoảng 631 người/ km² và phân bố không đều.

Dân số trên đảo Hà Nam khá trẻ nên tốc độ gia tăng tự nhiên khá nhanh, bình quân tăng 1,4% trong giai đoạn 2000- 2004, và 1,1% trong giai đoạn 2005 – 2009.

Nguồn nhân lực trên địa bàn đảo cũng khá dồi dào. Theo thống kê năm 2008 thì số người trong độ tuổi lao động của Hà Nam là 2,61 vạn người, chiếm 54% dân số của đảo. Dự tính đến năm 2015 dân số trong độ tuổi lao động của đảo sẽ tăng lên khoảng 3 vạn người. Đây chính là nguồn nhân lực quan trọng để thực hiện các nhiệm vụ kinh tế xã hội đồng thời cũng là nhân tố chủ chốt trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế sang những ngành kinh tế khác phục vụ sự phát triển của đảo.

b. Cơ sở hạ tầng

Trong khoảng gần chục năm trở lại đây hệ thống cơ sở hạ tầng trên địa bàn đảo đã có nhiều biến đổi theo hướng tích cực mới. Năm 1999 cầu Sông Chanh được xây dựng nối liền giữa thị trấn Quảng Yên với đảo Hà Nam tạo thuận tiện cho việc đi lại và phát triển kinh tế trong vùng. Hệ thống cơ sở hạ tầng ngày càng được nâng cấp và hoàn thiện hiện đại hơn.

❖ Mạng lưới giao thông

Hiện nay trên địa bàn đảo Hà Nam có tổng số 67km đường bộ các cấp. Hệ thống đường đã được bê tông hoá trên tất cả các tuyến đường chính cho tới ngõ xóm, đặc biệt là những nơi có di tích lịch sử văn hoá. Để tạo thuận lợi hơn nữa cho sự phát triển kinh tế và dân cư trong vùng hiện nay Hà Nam đang được nhà nước đầu tư hơn 90 tỉ đồng để nâng cấp và hoàn thiện lại tuyến đường chính từ cầu Sông Chanh cho đến cuối xã Tiên Phong của đảo. Ngoài ra Hà Nam còn được sự quan tâm của nhà nước đầu tư hơn 1000 tỉ đồng để hoàn thiện hiện đại hệ thống đê Hà Nam, mở rộng diện tích đường đê để có thể trở thành tuyến đường chính quanh đảo.

❖ **Hệ thống cấp điện**

Những năm vừa qua nhờ kết hợp tốt giữa tập trung đầu tư bằng nguồn ngân sách với huy động vốn trong dân để phát triển mạng lưới điện phục vụ cho nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của dân. Điện sinh hoạt của người dân trên đảo hiện nay được cung cấp bởi nhà máy điện Uông Bí E516, nguồn dự phòng là trạm 110KV, E54 Hà Khẩu, đủ cung cấp đầy đủ cho sinh hoạt và sản xuất trong địa bàn huyện. Tuy nhiên, trong giai đoạn từ nay đến năm 2015 đảo Hà Nam cần phải có chiến lược đầu tư nâng cấp mạng lưới điện hiện có, kết hợp với hệ thống cấp điện đồng bộ cho thị trấn Quảng Yên, đảo Hà Nam và các khu công nghiệp, du lịch dự kiến sẽ hoàn thành.

❖ **Hệ thống cấp nước**

Trước năm 2000 nước sinh hoạt của người dân trên đảo Hà Nam chủ yếu là nguồn nước có từ tự nhiên. Đến nay được sự quan tâm của UBND tỉnh và huyện Yên Hưng, Hà Nam đã được đầu tư và xây dựng 3 hồ chứa nước sạch do công ty TNHH Thủy lợi Yên Lập cung cấp. Tuy nhiên hệ thống nước sạch vẫn chưa được phân bố đồng đều giữa các xã, đặc biệt ở một vài xã cuối đảo như xã Tiền Phong và xã Liên Vị nguồn nước sử dụng trong sinh hoạt hàng ngày chủ yếu vẫn là nước do thiên nhiên mang lại.

❖ **Hệ thống thông tin liên lạc**

Trong xu thế phát triển mạnh của ngành bưu chính viễn thông hiện nay. Hệ thống thông tin liên lạc trên đảo Hà Nam đã được đầu tư và phát triển hoàn thiện. Cuối năm 2009 toàn đảo đã có trên 8000 máy điện thoại, ngoài ra mỗi xã còn có một bưu điện riêng cung cấp sách báo và nhưng thông tin cần thiết cho dân.

❖ **Y tế**

Hiện nay trên toàn đảo có tất cả 8 trạm y tế và một bệnh viện, các cơ sở y tế được đầu tư các trang thiết bị tương đối đầy đủ, có khả năng khám, chữa bệnh và phục vụ sức khỏe người dân một cách tốt nhất.

c. Cơ cấu kinh tế

Cơ cấu kinh tế của đảo Hà Nam là nông – ngư nghiệp. Các hộ dân cư trên đảo đa số không thuần nông mà là đa nghề.

2.2. Các giá trị tài nguyên nhân văn trong khu vực đảo Hà Nam – Yên Hưng – Quảng Ninh

2.2.1. Tài nguyên du lịch nhân văn vật thể

Hà Nam là vùng đất có diện tích nhỏ nhưng lại là nơi có mức độ tập trung di tích thuộc loại cao nhất cả nước. Theo thống kê, trên địa bàn đảo hiện nay có tới 110 di tích các loại. Trong tổng số 110 di tích trên toàn đảo thì đã có 32 di tích được xếp hạng cấp Quốc Gia và 8 di tích được xếp hạng cấp tỉnh. Bên cạnh đó Hà Nam còn là nơi bảo tồn và lưu giữ nhiều phong tục tập quán, lễ hội đặc sắc và mang tính đặc trưng cho vùng đồng bằng Bắc Bộ. Một số di tích quan trọng của đảo như đình Trung Bản, đình Phong Cốc, đền Trung Cốc, miếu Tiên Công... đã được xếp hạng Quốc Gia và là những di tích có giá trị văn hoá, tạo thuận lợi cho sự phát triển của huyện cũng như của tỉnh Quảng Ninh.

2.2.1.1. Đình

a. Đình Trung Bản

Đình Trung Bản thuộc xóm Thượng, thôn Trung Bản, xã Liên Hoà, huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh. Từ thị trấn Quảng Yên qua cầu Sông Chanh sang khu đảo Hà Nam, đi tiếp theo đường liên xã khoảng 8km là đến làng Trung Bản. Theo sử sách ghi lại, khoảng năm 1434 có hai vị Tiên Công là Hoàng Nông và Hoàng Nênh người Trà Lũ đã đến đây chiêu tập người quai đê lấn biển lập làng gọi là xứ Bản Động, sau địa danh này được đổi thành thôn Trung Bản. Nhân dân làng Trung Bản lập đình thờ Trần Hưng Đạo, từ đó ngôi đình này mang tên của làng – đình Trung Bản.

Tương truyền, năm 1288 khi đảo Hà Nam vẫn còn là một vùng đất mênh mông ở cửa sông Bạch Đằng. Trần Hưng Đạo đã cưỡi con ngựa hồng to lớn chỉ huy quân sĩ đánh đuổi tàn binh giặc Nguyên Mông trên các gò đất cao

phía dưới trận địa cọc Bạch Đằng. Khi đến gò đất (sau này là làng Trung Bản), Ngài đã dừng lại chống kiếm xuống đất và búi lại tóc (trong lúc say sưa đánh giặc tóc Ngài bị xô ra). Sau ngày chiến thắng, các vụn chài ở đây đã lập miếu thờ Hưng Đạo Vương ngay trên gò đất ấy. Sau này nhân dân làng Trung Bản đã lập đình thờ Trần Hưng Đạo ngay trên nền miếu cũ để tưởng nhớ công lao của Ngài và lưu niệm sự kiện chiến thắng Bạch Đằng năm 1288.

Đình Trung Bản có diện tích là 1.740m², nằm trên gò đất cao nhất của làng Trung Bản. Đình quay về hướng Tây Nam, phía đông giáp khu nhà dân thôn Trung Bản, phía bắc, tây, nam giáp cánh đồng lúa. Đình được cấu trúc theo kiểu chữ Đinh, gồm sân đình, tiền đường, bái đường và hậu cung. Không gian đình tương đối rộng, cổng được xây theo kiểu giả tam quan, một cổng chính to và hai cổng phụ hai bên. Bước qua cổng là tới sân đình, sân đình có diện tích rộng hơn 200m² được lát gạch, xung quanh có hệ thống tường bao quanh.

❖ Tiền đường:

Tiền đường gồm ba gian, hai chái, hai đầu bít đốc. Mái lợp ngói giếng đáy, bờ nóc đắp nổi hình lưỡng long châu nguyệt. Vì kèo cấu trúc theo kiểu tròng rường gồm bốn hàng cột thượng thu hạ khách. Hệ thống cột khá lớn, đầu được trạm khắc các hình rồng cá rất tinh xảo. Tại gian giữa có một án gian thờ được sơn son thiếp vàng, chạm khắc tinh vi, các cột ở gian giữa được bố trí ba cặp câu đối, trên có một mâm bông bằng gỗ được sơn son thiếp vàng, vẽ trang trí cảnh lưỡng long châu nguyệt và những vân xoắn. Ngoài ra còn có một số đồ thờ tự như: lộc bình gỗ sơn son, ống hương gỗ sơn son, bát hương bằng sứ.

❖ Bái đường:

Bái đường gồm ba gian, hai chái. Cấu trúc theo kiểu tròng rường với bốn hàng cột thượng thu hạ khách, các con rường đều chạm khắc các chi tiết đơn giản hơn nhà tiền đường. Gian giữa là một án gian được sơn son thiếp vàng, chạm khắc cảnh rồng và hoa lá cách điệu, bên trong là những ô nhỏ chạm khắc những cánh hoa. Phía trên án gian có hai lộc bình sứ của thời Lê trang trí

hoa văn rồng châu nguyệt và những dải vân xoắn. Trên án gian còn có một số hiện vật như đôi lộc bình bằng gỗ sơn son, hai bát hương bằng sứ trang trí rồng châu nguyệt, một mâm bông gỗ và hai cây đèn gỗ đều sơn son.

Tiếp sau án gian là sập phân hiến thời Lê, trên sập có mâm thờ đều được sơn son thiếp vàng, chạm khắc hoa văn cách điệu. Cạnh sập phân hiến là một quán tây tạo dựng từ thời Lê, cao 155cm, được sơn son thiếp vàng và chạm khắc tứ linh.

Bên phải của bái đường có một án gian được sơn son thiếp vàng. Trên án gian có một ống hương gỗ, một cây đèn gỗ và một bát hương bằng sứ. Sau án gian là một bệ thờ cao 68 cm. Trên bệ là khám thờ, phía trong có tượng Yết Kiêu bằng gỗ cao 80 cm. Bên phải của bái đường còn có một tấm bia ghi công đức được khắc bằng đá vào thời Quang Trung, bia cao 90 cm, rộng 44 cm, dày 11 cm. Đây là bia “Hậu thần bi ký” được lập vào năm Quang Trung thứ 5 (1792).

Bên trái của bái đường là một án gian sơn son thiếp vàng. Đồ thờ tượng tự như bên phải bái đường. Sau án gian, trên bệ là khám thờ, đặt tượng bằng gỗ cao 80 cm.

❖ Hậu cung:

Hậu cung ở phía sau đình, được nối tiếp sau nhà bái đường. Cấu trúc một gian hai vì kèo theo kiểu tròng rường có chạm khắc. Hậu cung có hai bức đại tự sơn son thiếp vàng được bố trí ở trong và đầu nhà. Đồ thờ của hậu cung cũng được phân bố gồm: phía ngoài kiệu bát cống (thời Hậu Lê) sơn son thiếp vàng chạm khắc hình rồng. Trên kiệu là sập có từ thời Hậu Lê được chạm khắc rất tỉ mỉ với các hoa văn lá cây hình rồng. Tiếp theo kiệu bát cống là một bệ thờ, trên bệ có ngai thờ sơn son thiếp vàng đặt tượng Trần Hưng Đạo bằng gỗ cao 125 cm. Ô giữa chạm đầu rồng ngậm chữ “Thọ”. Ngai tượng Trần Hưng Đạo có kích thước cao 122 cm, rộng 60 cm, sâu 72 cm. Ngai được đặt trên kiệu bàn sơn son thiếp vàng, chạm khắc rồng và hoa văn kiểu hình học, hai bên kiệu chạm hai đầu rồng trong tư thế vươn ra trước. Kiệu có kích thước cao 70 cm, rộng 90 cm, dài 110 cm. Hai bên phía trước

kiệu là hai thanh kiếm gỗ được sơn son thiếp vàng, chạm khắc hoa văn rồng và những vân xoắn. Kiếm cao 160 cm, hai bên là cây đèn bằng thép cao 155cm kiểu con rồng cách điệu hình cây uốn lượn trên đài sen.

Trải qua nhiều năm đình đã được tu sửa và xây dựng lại nhiều lần. Hiện nay đình đang được bộ văn hoá đầu tư 10 tỉ đồng cho việc xây lại và mở mang diện tích nhưng vẫn giữ được nguyên gốc lối kiến trúc cũ của đình.

Đình có giá trị như một di tích lưu niệm danh nhân của dân tộc, lưu niệm sự kiện chiến thắng Bạch Đằng năm 1288 và di tích gốc về lịch sử của các công trình kiến trúc trước đây.

Đình Trung Bản được Bộ Văn Hoá – Thông Tin xếp hạng Di tích lịch sử cấp Quốc Gia thuộc cụm di tích chiến thắng Bạch Đằng năm 1288, theo Quyết định số 1548/ QĐ – BVHTT ngày 30/8/1991.

b. Đình Phong Cốc

Đình Cốc là tên thường gọi của nhân dân địa phương. Đình có tên chữ là “Phong Cốc đình”. Sở dĩ đình có tên gọi như vậy có thể là do nguồn gốc xuất phát từ vị trí địa lý của mảnh đất dựng đình giống hình con chim Cốc, cũng có thể xuất phát từ tên làng Cốc ngày xưa.

Đình Cốc xưa thuộc xóm Đình, thôn Phong Cốc, xã Phong Lưu, huyện Yên Hưng, tổng Hà Nam. Nay thuộc thôn 1 xã Phong Cốc, huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh. Đình nằm ở nơi giáp ranh giữa xã Phong Cốc và xã Phong Hải huyện Yên Hưng, cách thị trấn Quảng Yên 6km, cách thành phố Hạ Long 45 km.

Đình Cốc cũng giống như đình Trung Bản là gồm có ba phần: Tiền đường, bái đường và hậu cung. Bái đường (đình trong) được xây dựng năm 1800, tiền đường (đình ngoài) được nhân dân xã Phong Lưu xây dựng vào khoảng cuối thế kỷ XVII – năm Gia Long thứ 4 (năm 1805).

Đình Cốc là một ngôi đình cổ to đẹp nhất cả về tầm vóc và kiến trúc nghệ thuật điêu khắc còn lại ở huyện Yên Hưng. Khác với các đình khác là thờ các danh nhân, danh tướng. Đình Cốc thờ thành hoàng làng là thần Nông và Tứ Vị Thánh Nương.

Xưa kia, khi cuộc sống chủ yếu còn dựa vào thiên nhiên. Trong thâm tâm tình cảm của người nông dân nơi đây rất coi trọng thiên nhiên và coi đó là một đấng tạo hoá ban phát phúc lộc cho con người mỗi khi đem hạt giống ra ngâm reo, cấy lúa xuống ruộng, kéo con thuyền ra sông, ra biển đều muốn trình báo cầu mong thần Nông và các vị thánh thần phù hộ cho mưa thuận gió hoà, trời yên biển lặng, xóm làng yên vui. Khi gặt cây lúa, hái chùm quả, bắt mẻ cá tôm đầu mùa,... người ta lại thành tâm làm lễ dâng cúng tạ ơn. Chìm trong tình cảnh hàng năm nắng hạn triền miên, ruộng đồng khô nẻ không có nước cho sản xuất và sinh hoạt, vùng đảo Hà Nam luôn bị mất mùa và đói kém. Đời sống của cư dân rất đổi cực nhọc khó khăn, không còn cách nào khác là họ phải thờ vị thần bảo hộ, thần Nông cầu cho mưa nắng thuận hoà, mùa màng tốt tươi. Ngoài thờ thần Nông ra thì đình Cốc còn thờ Tứ Vị Thánh Nương do nhân dân lấy từ đền Cần Hải, xã Hương Cát, huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An về thờ.

Theo thần phả và truyền thuyết Thánh Mẫu tên thật là Kiều Nương họ Triệu, là con một thuyền chài ở cửa biển Kiền Hải, Châu Hoan (cửa cồn Quỳnh Lưu, Nghệ An). Bà là một cô gái xinh đẹp hiền hậu được đưa về Trung Quốc vào cung làm Hoàng Hậu vợ của vua Tống Đế Bình (1279-1284). Khi giặc Nguyên – Mông định chiếm nhà Tống, vua Tống Đế Bình vội sai cận thần đưa Hoàng Hậu và hai công chúa sinh đôi là Hồng Liên và Hồng Hạnh cùng một thị nữ xuống thuyền chạy loạn về phương Nam. Đoàn thuyền vượt biển đến Nghệ An bỗng nhiên gặp cơn phong ba lớn đã bị đắm. Chỉ còn Hoàng Hậu , hai Công Chúa và một thị nữ sống sót dạt vào một ngôi chùa bên cửa biển Kiền Hải được nhà sư che chở cứu thoát và lưu lại chùa ba tháng. Sau này, được tin Vua Đế Bình cùng các quân thần đã tử trận, Kiền Nương khóc than nhìn về phương Bắc nói với hai con: “Sống vì nước, nếu không cứu được nước thì chết đi”, hai Công Chúa và thị nữ cũng than khóc và làm theo lời mẹ cho toại nguyện.

Bốn người chèo nhà sư và ra biển tự vẫn ngày 24 tháng 12 năm ấy, sau đó sư cho người tìm nhưng không thấy bèn lập đền tràng bên bờ biển để chiêu hồn và lập một miếu thờ con bên cạnh chùa để thờ.

Một thời gian sau, vua Trần Anh Tông cử quân đi đánh Chiêm Thành. Khi đến đây thì gió to sóng lớn, vua và quân dừng thuyền lại và ngủ tại đây. Ngay đêm hôm ấy vua nằm mơ thấy người mặc áo vẩy cá, cúc ngọc, theo sau là ba người con gái tiến thẳng đến trước vua và vái rằng: Thiếp đây cùng ba con bị chết, nay đây nghe Hoàng Đế sang đánh giặc, thiếp xin nhà vua cho đi cùng đánh giặc. Nếu thắng giặc nhà vua sẽ phong cho sắc.

Tỉnh giấc, thấy chuyện lạ vua bèn sai quân lính vào làng hỏi xem sự tích thực hư thế nào. Sự thực đã được xác minh vua cùng quân lính vào đình đốt hương khấn, xuất quân đánh giặc. Khi thắng trận trên đường trở về tự quân lại Kiền Hải lập miếu to, xây lăng mộ và tái sắc phong: “Đại Kiền quốc gia Nam Hải sắc vị tứ nương” và ban cho 300 quan kinh phí giữ đình tu sửa. Từ đó trở đi quốc bảo dân thờ, các đời vua sau đều phong thượng đẳng thần.

Theo lời kể lại của các bậc cao niên làng Phong Cốc, cách đây khoảng 160 năm, có một nhóm người ở tổng Hà Nam đi đốn trúc ở Nghệ An, khi qua cửa Cồn gặp sóng to gió lớn, trôi dạt vào Kiền Hải, đồng thời được nghe dân làng kể về sự tích linh thiêng của ngôi miếu và khí tiết của bốn vị Thánh Nương. Nhóm người này đã vào miếu thắp hương cúng bái xin cho tai qua nạn khỏi sau đó xin chân hương về tôn nhang tạc tượng lập bài vị thờ trong miếu, sau đó người ta rước bài vị của các vị thánh này về thờ ở đình Phong Cốc. Hàng năm mỗi khi thời tiết bị nắng hạn kéo dài, nhân dân làng Phong Cốc lại tổ chức lễ cầu mưa, rước tứ vị Thánh Nương từ miếu Phong Cốc về đình để cầu tế sau đó lại đưa về miếu.

Đình Cốc là một tổng thể kiến trúc gồm có hai ngôi đình và một hậu cung, được xây dựng vào thời gian khác nhau theo hiểu chữ “Nhị”. Giá trị nhất là ngôi đình ngoài (tiền đường) có quy mô vào loại bậc nhất ở nước ta, rộng tới 15m, dài tới 35m.

Đình ngoài gồm bảy gian hai chái. Vì kèo của đình được làm theo kiểu giá chiêng kẻ suốt, mỗi vì có sáu hàng cột. Những cột cái của đình đều có kích thước rất lớn tới 0,80m. Cột ở đây được làm theo lối “ Thượng thu, hạ thách”, các vì kèo cũng làm theo lối này, nghĩa là phía dưới to hơn phía trên tạo nên thế vững chãi cho từng cây cột. Đây là một hình thức tính toán thông minh trong kiến trúc cổ của những người thợ làm đình.

Mái đình rộng bề thế, diềm mái hơi lượn cong vút làm cho mái đình tuy nặng nề nhưng vẫn toát lên vẻ thanh thoát, nhẹ nhàng.

Trước cửa đình còn nguyên vẹn hai cánh cửa chính bằng gỗ lim chạm nổi hình rồng phượng đang bay trong mây, hai cánh cửa khép lại tạo nên một tác phẩm điêu khắc gỗ lớn độc đáo. Hai bên cửa chính là hệ thống cửa chắn song lùa gió, đón gió đông khiến trong đình luôn mát rượi. Hai bên trái hồi nguyên xưa bung bằng ván nong dó lưa, các ngày hội hè đình đám tháo ra để trống cả ba mặt.

Trang trí được chạm khắc trong đình ngoài cũng hết sức phong phú và đẹp. Hầu hết các cấu kiện của đình đều được chạm khắc (chỉ trừ các cột xà thượng, xà trong và xà hạ). Kỹ thuật chạm khắc ở đây rất điêu luyện, tinh xảo. Hầu hết được chạm kênh bong nhiều lớp, chạm kênh, chạm nổi và khắc ván làm cho các bức chạm có chiều sâu, mảng khối rõ ràng, dưới ánh sáng tự nhiên làm cho các bức chạm lung linh, sinh động.

Bộ cục trong điêu khắc trang trí của đình Cốc cũng hết sức phong phú và hài hoà với kiến trúc. Trên các đầu dư đỡ cấu kiện đều được chạm thủng kênh bong nhiều lớp hình đầu rồng đao lửa để gây cảm giác nhẹ nhàng cho các câu đầu phải đỡ bộ giá chiêng. Đầu cột giá đỡ và đầu các kẻ xó được các nghệ nhân che bằng các bức tượng tròn bằng gỗ như tượng người hươu nai, người cưỡi rồng... Đó là những tác phẩm điêu khắc tuyệt đẹp, đạt đến đỉnh cao của nghệ thuật điêu khắc dân gian. Sử dụng thế cong của các đầu bẩy, các nghệ nhân tạo nên những con rồng... Tất cả như đang bay từ trên trời xuống trần thế, vui với dân gian. Sự ứng xử linh hoạt tài tình trong trang trí như vậy cũng làm tăng thêm vẻ đẹp hoành tráng của kiến trúc.

Hầu hết bố cục đều khắc đăng đối giả và không đối. Nội dung chạm khắc ở đầu bẩy này không giống ở đầu bẩy kia. Trên tất cả các cấu kiện của kiến trúc ta không thấy sự đăng đối nào về nội dung có chăng chỉ là đăng đối về mặt kỹ thuật chạm. Bố cục tự thân trong mỗi bức chạm ở đình Cốc không cái nào đóng khung gò bó trong các ô hình. Các chi tiết của bức chạm vượt ra ngoài không gian một cách hết sức phóng khoáng và thoải mái. Hiện tượng “đồng hiện” phổ biến trên các cấu kiện, tức là trên mỗi bức chạm lớn có nhiều đề tài phản ánh, nhưng mỗi đề tài đều có chính và phụ. Ví dụ :Trên mỗi mặt của bức cổ ở gian giữa ở phía dưới miêu tả cảnh người bắt bả mặt ánh lên nụ cười chiến thắng. Hai bên là hai con rồng lớn đang tròn mắt chứng kiến sức mạnh của con người, trên nữa là cảnh rồng mẹ và rồng con đùa dỡn, trên cùng là cảnh cưỡi ngựa. Các bức tranh ở đình Cốc bố cục theo lối đồng hiện phóng khoáng hài hoà khác hẳn với kiến trúc đăng đối gò bó trong các khuôn hình của kiến trúc cung đình. Phải chăng đó là tiếng nói khát vọng của nhân dân mong muốn cuộc sống tự do, phóng khoáng chống lại sự gò bó, khuôn phép của lễ giáo phong kiến.

Các đề tài điêu khắc thể hiện ở đình Cốc đã có nhiều biến đổi mới. Đề tài tứ linh, món ăn tinh thần thị hiếu của tầng lớp trên vẫn còn phổ biến, nhưng chất linh của Rồng, Phượng, Nghê không còn nữa. Ở đây chúng không uy nghi dữ dội, cao vời như điêu khắc cung đình, mà chúng đã thần phục sức mạnh của con người như cảnh bắt bả, cô gái cưỡi phượng,..Đặc biệt đề tài sinh hoạt thường chạm nổi thô mộc trên các ván dạng gỗ hoành. Đó là các cảnh sinh hoạt gần gũi, diễn tả một cách tươi mát khoẻ khoắn của người dân. Cảnh xem chọi gà, miêu tả một đôi gà chọi to lớn đang ở giai đoạn quyết liệt, hai con đang kè cổ vào nhau, xung quanh đôi gà là một người ngồi xếp bằng, tay cầm chén rượu chăm chú quên cả uống, một người mãi xem quên cả quạt. Bức chạm gợi lại cảnh chọi gà đầu xuân ở khu vực đảo Hà Nam, Yên Hưng.

Ngoài ra các cấu kiện của đình ngoài cũng có nhiều cảnh sinh hoạt của những thú vật, hoa lá tứ linh khác,...

Đình ngoài không còn niên đại dựng đình nhưng qua đặc điểm của cấu trúc điêu khắc cho thấy đình được làm vào khoảng thế kỉ XVII. Thời kì đỉnh cao của kiến trúc đình làng, với kỹ thuật chạm kênh bong, chạm thủng kết hợp chạm nổi, bố cục phóng khoáng, đề tài phong phú hóm hỉnh mang tính chất dân gian gần gũi với cuộc sống của người dân lao động. Điêu khắc ở đình Cốc đã góp cho nền tạo hình ở Việt Nam một sức sống mãnh liệt và kinh nghiệm quý báu. Giúp cho nghệ thuật tạo hình Việt Nam có cơ sở kế thừa và phát triển.

Đình Phong Cốc được Bộ Văn Hoá – Thông Tin công nhận xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật Quốc Gia số 191/QĐ-BVHTT ngày 22-3-1988.

c. Đình Lưu Khê

Đình Lưu Khê là tên được gọi theo tên của làng Lưu Khê, thuộc xã Liên Hoà, huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh.

Theo gia phả của dòng họ Đỗ Độ, Đào Bá Lệ và gia phả dòng họ Lưu Phúc thôn Lưu Khê, vào khoảng đời vua Lê niên hiệu Thiệu Bình, có hai Tiên Công là Đỗ Độ và Đào Bá Lệ quê ở phủ lý, Nam Định đã chiêu tập mọi người, Trong đó có ông Lê Phúc Hy quê ở Hải Dương đến vùng đất phía đông xã Phong Lưu quai đê lấn biển lập nên xã Lương Quy, sau này đổi thành xã Lưu Khê.

Đây là một ngôi đình cổ, bề thế nằm giữa một vùng đất đai trù phú. Đình được dựng trên một khu đất bằng phẳng rộng 1.054m² quay về phía Đông – Nam. Phía trước sân đình là chợ Đình, còn phía trước đình là sông Đình, bến Đình, là nơi đỗ thuyền bè của nhân dân về họp chợ.

Đình Lưu Khê nổi bật lên với những nét kiến trúc độc đáo, mang đậm phong cách của những ngôi đình làng Việt Nam thế kỷ XVIII và XIX. Căn cứ vào niên đại xây dựng đình Lưu Khê và theo lời kể lại của các cụ cao niên trong làng thì đình được xây dựng vào năm Nhâm Ngọ (tháng 4 năm 1822), trên câu đầu của đình có hàng chữ “ Tuế thứ Nhâm Ngọ niên tứ nguyệt, cát nhật, lương thời trụ trụ thượng lương”, tạm dịch: “ Giờ lành, ngày tốt, tháng

tư năm Nhâm Ngọ dựng bắt nóc”. Đình Lưu Khê đã được tu sửa nhiều lần nhưng vẫn bảo tồn được những nét kiến trúc chạm khắc ban đầu.

Đình là nơi thờ thành hoàng của làng Lưu Khê là Đức Thánh Trần Hưng Đạo cùng hai vị Tiên Công là Đỗ Độ và Đào Bá Lệ và Mãnh Bà Lê Thị Tôn. Đình không chỉ là nơi hội họp và giải quyết những công việc của làng mà đây còn là nơi hội họp, trao đổi sản vật địa phương của nhân dân các xã trong vùng.

Đình được xây dựng theo lối kiến trúc kiểu chữ “ Đình” gồm có bái đường và hậu cung. Bái đường gồm bảy gian, hai trái, mái lợp ngói mũi hài, phía trước là hệ thống cửa bức bàn. Cấu kiện của đình chủ yếu được làm từ gỗ lim, kiến trúc vì kèo được làm theo lối “ thượng thu hạ thách, kẻ chuyền, đầu bẩy”. Trên câu đầu và các bức cốn được chạm kênh bong tinh xảo hình rồng, tôm cá, hoa sen, mây tản,...

Đình Lưu Khê được Bộ Văn Hoá – Thông Tin công nhận là di tích kiến trúc nghệ thuật quốc gia theo Quyết định số 65/QĐ-BVHTT, ngày 16-1-1995.

2.2.1.2. Chùa

a. Chùa Yên Đông

Trong số những ngôi chùa cổ còn lại ở Quảng Ninh hiện nay thì chùa Yên Đông ở xã Yên Hải, huyện Yên Hưng là một trong số ít những ngôi chùa cổ được bảo tồn tương đối nguyên vẹn. Cũng như bao đình chùa khác trên đảo Hà Nam, chùa Yên Đông là tên gọi đặt theo tên của làng Yên Đông, ngoài ra chùa còn có tên chữ là “ Pháp Âm Tự” (tức chùa Pháp Âm).

Theo như bia để lại thì chùa được dựng vào khoảng thế kỷ XVI bằng tranh, tre, lá, nứa để thờ phật và đáp ứng sinh hoạt văn hoá tín ngưỡng của nhân dân. Đến năm Đoan Thái thứ hai (ngày 21/8/1587) các đại sĩ cùng thiện sãi, vãi trong xã góp tiền khởi công xây dựng lại. Đến năm Mậu Tý ngày mùng 4 tháng 2 năm 1588 đắp tượng phật ngày 26 tháng 3 làm lễ khánh thành, chủ tặng đông đủ, hoa quả phô sắc, người vật tưng bừng, bông sơn cảnh đẹp.

Chùa Yên Đông được toạ lạc trên một khu đất mà như tấm bia “Yên Đông tự bi ký” khắc vào năm 1590 có đoạn viết: “Chùa Yên Đông là nơi có vị thế hùng tráng, được tứ khí trung đức, sông, núi, gò, đồng. Bốn phía đủ cả Thanh Long, Bạch Hổ, Huyền Vũ, Chu Tước, là nơi đệ nhất danh thắng xứ Hải Đông...Sau khi hoàn tất việc xây dựng, nơi đây càng trở nên chốn bôn lai tiên giới. Những người hảo tâm công đức, lòng thành được Chư Phật chứng minh, phúc lộc theo núi sông mà đến, con cháu đời đời hưởng phúc, lộc, thọ, khang, ninh,... Thời đó phong tục thuần hậu, lúa tốt dân đông, nhân tài thịnh, danh thơm lưu truyền ngàn sau...”.

Tiếng lành đồn xa, sau khi chùa Yên Đông được hoàn thành thì nơi đây càng trở nên đông đúc, nhộn nhịp, linh thiêng, phật tử quy y, tăng ni trụ trì, tất cả đều hướng thiện vào cõi phật, góp công, góp của trùng tu tôn tạo, mong quả phúc đời đời cho con cháu. Là ngôi chùa làng nhưng Yên Đông không lúc nào vắng bóng chuông ngân. Chùa đã qua nhiều sư trụ trì, tất cả các sư đều học rộng hiểu sâu, dốc lòng tâm quy. Mặc dù qua bao thời gian đã làm cho cảnh cũ của chùa có nhiều thay đổi nhưng chùa Yên Đông vẫn giữ được những nét cổ kính của ngôi chùa cổ và còn lưu giữ được nguyên vẹn. Hệ thống tượng phật đồ thờ tự ở đây được các nghệ nhân chạm trổ công phu tỉ mỉ, tạc lên các pho tượng mang đầy đủ các hình dáng khác nhau, thể hiện nội tâm khác nhau. Những mềm mại nhưng khoẻ khoắn dứt khoát cùng những hoa văn trang trí trên từng pho tượng thể hiện qua các thời kỳ đều mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc. Văn hoá góp phần làm phong phú thêm kho tàng tài sản hiện vật quý giá của vùng đảo Hà Nam nói riêng và tỉnh Quảng Ninh nói chung.

Chùa Yên Đông được xây dựng không những ngoài việc sinh hoạt, văn hoá, tôn giáo tín ngưỡng của nhân dân mà còn góp phần quan trọng trong đấu tranh cách mạng giải phóng đất nước.

Trong kháng chiến chống Pháp chùa là cơ sở hoạt động của Việt Minh, Sư Lôi là một trong những nhà sư yêu nước hoạt động tích cực đã nuôi dưỡng cán bộ cách mạng rất an toàn. Năm 1947 - 1948 làng Hải Yến bị giặc khủng

bố, chùa Yên Đông là nơi tập hợp thanh niên trong làng lên làng Hải Yến để mít tinh biểu tình chống lại nhưng bị quan lại Pháp bắt giữ một số người.

Trong kháng chiến chống mỹ chùa là nơi huấn luyện dân quân tự vệ của xã cho chắc tay súng, vững tay cày, luôn đảm bảo hậu phương vững mạnh sẵn sàng chi viện sức người sức của cho chiến trường Miền Nam đánh mỹ.

Chùa Yên Đông cũng được xây dựng khá đẹp, quy mô khang trang. Phía Nam tiếp giáp với sông làm thành dải Thanh Long, phía Tây Nam tiếp giáp núi Thủy Đường, Phủ Đệ là danh thắng số một của Hải Phòng. Bao gồm chùa chính, nhà tổ, nhà mẫu, nhà giải vũ, nhà tăng, nhà ni, vườn tháp, vườn bia,... Trải qua thời gian và bao lần trùng tu xây dựng dấu ấn và kiến trúc cũ của chùa đã bị thay đổi nhiều nhưng vẫn giữ được nét cổ kính, trầm mặc của ngôi chùa cổ.

Toàn bộ các công trình xây dựng chùa được nằm trong khuôn viên tường rào, hiện nay với diện tích là 3.318m² theo kiểu tiền Phật hậu Thánh hay tiền Phật, hậu tổ.

Phía trên chùa là đường đi, tiếp đến là hồ nước trồng sen, vườn rau, tường rào tam quan, sân chùa chính, sân sau. Bên phải là nhà tổ, nhà ni, nhà khách, vườn tháp, bếp, giếng nước,... Bên trái chùa là nền đình làng Hải Yến, trường THCS Yên Hải, bên phải chùa là cánh đồng, phía sau chùa là đường làng.

Chùa được quay hướng Tây. Đây là hướng ổn định nhất, hợp với sự vận hành của âm dương khiến cho chúng sinh không rời bỏ nghĩa vụ vì chúng sinh đau khổ. Chùa có kiến trúc theo kiểu chữ “Đình”, gồm năm gian tiền đường và ba gian hậu cung, tường xây gạch đỏ, mái lợp ngói tây, hai đầu hồi đắp hình tròn mây, trên bờ nóc đắp nổi ba chữ “ Pháp Âm Tự”, phía sau hậu cung vòm mây đắp nổi hình hổ phù cách điệu hoa cúc mãn khai. Hai bên đầu tiền đường là hai trụ đèn lồng xây xi măng đắp nổi hai câu đối.

Tiền đường năm gian dài 15m, rộng 8,3m, có bốn bộ vì kèo gồm hai hàng cột cái tám chiếc đường kính 35cm, hai hàng cột quân tám chiếc đường kính 25cm, một hàng cột kiềm bốn chiếc giáp hậu cung. Hệ thống vì kèo gỗ

kiểu trồng rường con nhị các giường câu đầu, đầu rư được bào trơn đóng bén, không chạm khắc gì.

Gian giữa của tiền đường không đặt gì, là nơi nhà sư tụng kinh niệm phật và các phật tử cầu nguyện. Hai gian hai bên là hai tượng hộ pháp đứng trong tư thế uy nghiêm, mình mặc áo giáp đầu đội mũ trụ. Tượng bên phải cầm binh khí, tượng được tạc bằng gỗ cao 2,7m. Phía trước hai tượng là hai bàn thờ xi măng, mỗi bàn trên có đặt một bát hương, một mâm bông gỗ, một lọ hoa sơn mài.

Gian đầu hồi bên trái là bàn thờ Đức Ông được xây bằng xi măng. Trên đó là tượng Đức Ông ngồi trên ngai, tượng cao 1m được tạc vào thời Nguyễn. Dưới chân tượng là hai con nghê gỗ nhỏ, phía trước tượng là bốn tượng nhỏ không rõ tên cũng được tạc vào thời Nguyễn và một giá để kiếm.

Gian đầu hồi bên phải là bàn thờ Mẫu được xây bằng xi măng hai cấp. Cấp trên cùng là ba tượng Mẫu (Tam toà Thánh Mẫu) được ngồi trong khám sơn son thiếp vàng chạm khắc lưỡng long châu nguyệt và hoa dây móc. Tượng Mẫu Thiên cao 60 cm, còn tượng Mẫu Địa và Mẫu Thủy cao 50cm, bên cạnh là hai nàng hầu cao 32 cm được tạc trong tư thế đứng. Tất cả các tượng này được tạc vào thời hậu lê, phía trước bàn thờ treo một chuông đồng to được đúc vào ngày lành tháng xuân Minh Mệnh thứ 13 (1832), chuông cao 1,4m cả quai đường kính 60m được đúc khối liền. Quai chuông là đôi rồng uốn lượn kết thành, thân chuông được đúc thành bốn múi ghi thành bốn chữ “ Pháp Âm tự chung” và khắc tứ linh tứ quý. Phía sát tường đầu bên phải là tấm bia đá được làm vào năm Hưng Trị tam niên thập nguyệt cốc nhật bi (bia được lập ngày lành tháng 10 năm Hưng Trị thứ ba (1590), triều vua Mạc Mậu Hợp).

Nội dung văn bia ghi lại việc trùng tu, tôn tạo chùa Yên Đông của các tăng ni phật tử trùng tu, tôn tạo và ca ngợi chùa Yên Đông.

Hậu cung gồm ba gian dài 7,9m và rộng 7,9m được nối liền mái với tiền đường. Tính từ trong ra ngoài, hàng trên cùng là ba pho tượng tam thế tượng trưng cho Phật thuộc ba thời khác nhau. Cả ba tượng đều cao 1m và tạc giống nhau, ngồi tạo thiền trong thế kiết giá toàn phần. Tượng được tạc vào thời

Mạc với dáng cân đối theo hình tháp, thân hình đầy đặn. Bộ Phật là toà sen ba lớp, lòng các cánh sen nở căng đầy và dày tạo cho tượng một dáng ngồi thanh thoát và đạt đến đỉnh cao của nghệ thuật.

Hàng thứ hai, giữa là tượng A Di Đà được tạc lớn hơn so với các tượng khác. Tượng cao 1,4m và cũng được tạc vào thời Mạc. Bộ tượng là toà sen bốn lớp, lòng cánh sen nở căng đầy, trên mỗi cánh sen là một hoa cúc mãn khai và có hai đường chỉ chạy xung quanh. Đây là một trong những tác phẩm điêu khắc có giá trị nhất còn lưu giữ trong chùa. Đứng hai bên tượng A Di Đà là hai tượng Quan Thế Âm và Đại Thế Chí. Hai tượng này được tạc bằng nhau cao 1,2m đứng trên toà sen.

Hàng thứ ba giữa là tượng Thích Ca Mâu Ni đang thuyết pháp cao 1m ngồi tọa thiền trên toà sen. Đứng hai bên tượng Thích Ca Mâu Ni là hai tượng A Nan và Cà Diếp. Cả hai tượng này đều được tạc trong tư thế đứng trên toà sen. Các pho tượng trên đều được tạc vào thời Mạc.

Hàng thứ tư là tượng Quan Âm Tiên Thu cao 1m được tạc trong tư thế ngồi trong toà sen. Tượng có 12 tay, hai tay chính chắp trước ngực kiêu hoa ôm mười tay khác đặt trong tư thế khác nhau. Các ngón tay thon nhỏ mềm mại, khuôn mặt hình mặt nguyệt đầy đặn đôn hậu, đầu đội mũ thiên quan, chính giữa mũ phía trước là ngọn lửa tam muội.

Hàng thứ năm là tượng Thích Ca Sơ Sinh đứng trên toà sen với thân hình nhỏ nhắn nhưng đầy đặn.

Bên phải hậu cung là ban thờ Quan Âm Tống Tử được xây dựng bằng xi măng cao 1m ngồi trên bệ bé đưa bé trên tay. Bên phải hậu cung là bàn thờ tượng Đức Thánh Hiền được tạc vào thời Nguyễn.

Nhà thờ Tổ nằm ở phía sau, quay hướng Nam, kiến trúc kiểu chữ “Nhất” có ba gian dài 8m, rộng 6m. Tường xây gạch đỏ, mái lợp ngói tây. Toàn bộ phía trước là cửa gỗ ván lùa. Hệ thống vì kèo cột gỗ kiểu giá chiêng tròng rường. Các rường chạm trổ hoa cúc mãn khai.

Nhà khách nằm ở bên phải chùa quay hướng Nam bao gồm có ba gian mới được xây dựng lại. Bên phải chùa là vườn tháp, gồm năm tháp xây gạch hai tầng trát vữa xi măng, đỉnh tháp là hình búp sen, phía trước tháp là bài vị ghi tên tuổi của các vị sư, phía sau tháp là tấm bia gắn trên thân tháp ghi lại công lao to lớn của các vị sư đó. Lễ hội chính ở chùa Yên Đông được tổ chức vào mùng 5 tháng 1 âm lịch.

Bằng những tư liệu hiện vật còn lưu giữ đến ngày nay, có thể nói chùa Yên Đông đã đóng góp đáng kể cho công tác nghiên cứu khoa học và bảo tồn nền điêu khắc cổ của dân tộc, cho việc tìm hiểu về sự phát triển của lịch sử địa phương. Góp phần làm phong phú thêm kho tàng tài sản hiện vật quý giá của vùng đảo Hà Nam nói riêng và tỉnh Quảng Ninh nói chung.

Chùa được Bộ Văn Hoá – Thông Tin cấp bằng công nhận là Di tích kiến trúc nghệ thuật số 30/QĐ-BVHTT ngày 24-11-2000.

2.2.1.3. Miếu

a. Miếu Thập Cửu Tiên Công

Miếu Thập cửu Tiên Công, tên thường gọi là miếu Tiên công thuộc địa phận xóm trong, xã Cẩm La, huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh

Miếu Tiên Công được xây dựng từ năm nào đến nay không ai biết. Theo lời kể của nhân dân trong vùng thì ngôi miếu này đã có từ rất lâu đời. Từ đời vua Gia Long miếu đã được xây dựng bằng gạch ngói, qua thời gian trải qua nhiều lần trùng tu và để lại ngôi miếu như ngày nay.

Miếu Tiên Công là công trình tưởng niệm 19 vị Tiên Công là Vũ Song, Vũ Hồng Tiệm, Bùi Huy Ngoạn, Ngô Bách Đoan, Nguyễn Phúc Cốc, Nguyễn Phúc Thắng, Nguyễn Phúc Vinh, Lê Khép, Lê Mở, Vũ Tam Tinh, Vũ Giai, Nguyễn Nghệ, Nguyễn Thực, Bùi Bách Niên, Phạm Việt, Dương Quang Tín, Dương Quang Tấn, đã có công đầu tiên quai đê lấn biển lập nên xã Phong Lưu vào năm 1434 và hai vị Tiên Công là Hoàng Nông và Hoàng Nênh- những người đã chiêu tập cư dân quai đê lấn biển lập nên làng Trung Bản. Vì thế mà miếu Tiên Công là di tích lưu niệm danh nhân dựng nước.

Di tích miếu Tiên Công nằm trên một khu đất rộng 2.912m², đây là khu đất đầu tiên mà các vị Tiên Công phát hiện ra nơi có nguồn nước ngọt (sau này được gọi là Hồ Mạch). Phía Đông giáp khu dân cư phía trong xóm xã Cẩm La, Phía Tây, Nam, Bắc giáp với các bãi đất rộng. Trước miếu còn có một hồ nước mới được cải tạo. Cảnh trí bao gồm bãi cỏ, cây cối, gò đồng, hồ ao. Tất cả đều nhằm tạo dựng không gian thanh tịnh, thuần bí. Nơi đây có thể gọi là “đất lành” như dân gian vẫn thường quan niệm đất lành là đất có sông hồ bao bọc, có gò đồng bốn bề quần tụ khác nào có rồng, phượng, rồng, rắn châu báu.

Để vào được miếu phải qua một cổng Tam Quan. Trước đây miếu được xây theo kiểu chữ “Nhị”. Năm 1960 nhà Bái đường hoàn toàn bị hỏng nên năm 1989 đã được phục hồi nguyên trạng và đưa sát vào nhà thờ tổ nên kiến trúc miếu hiện nay được xây theo kiểu chữ “Nhất”. Từ cổng Tam Quan qua sau miếu là đến từ đường và nhà thờ tổ.

Qua cổng Tam Quan vào sân miếu rộng vài trăm mét, hai bên có tường bao quanh cao 1,4m sát tường bao là hai hàng cây thẳng tạo nên sự uy nghiêm cho khu miếu, nền sân rộng được làm bằng gạch Bát Tràng. Qua sân miếu là vào đến nhà Bái đường và nhà thờ tổ. Mái được làm theo kiểu đầu đao lợp ngói. Miếu kiến trúc theo lối thời Nguyễn, kiến trúc vì kèo, nhà Bái đường theo lối thượng thu hạ khách, mỗi vì kèo gồm hai cột cái có đường kính 0,42m và hai cột quân 2,35m không có chạm trổ cầu kì.

Trước đây nhà Bái đường gồm ba gian, hai chái dài 13,7m, chiều rộng 8,3m. Nhà Bái đường thực ra là một dạng cổng Tam Quan đã được biến đổi để đáp ứng chức năng hết sức quan trọng ở di tích, là nơi nghỉ ngơi cho các cụ già từ xa về trước khi nhà thờ tổ dâng lễ, đồng thời đây là nơi chuẩn bị sắm lễ vàng hương trước khi vào lễ tổ và là nơi sinh hoạt văn hóa trong ngày hội. Nhà Bái đường hiện nay gồm ba gian hai chái: gian giữa, gian thờ bia đá và gian Bái.

Phía trước gian giữa có hệ thống cửa bức bàn, hai bên gian giữa có hai cái lọng và mười bát bửu gỗ sơn son thiếp vàng, giữa có án gian sơn son thiếp vàng, có hai lộc bình, đèn gỗ, ống hương,...Phía trên có hoành phi “ Khánh Duy Hoài Đức” và hai cặp câu đối ở hai cột cái và hai cột quân. Nền bái đường xây bệ xi măng cao 0,3m, rộng gần bằng cả ba gian. Đây là nơi để cho mọi người tế lễ hay nơi các cụ chơi tổ tôm, các cụ bà ngồi hát trước ngày hội.

Bên trái nhà bái đường có một tấm bia đá cao 0,77m, rộng 0,37m. Nội dung bia tạm dịch như sau: “ Phong Lưu tứ xã Hồ Mạch”, bốn xã Phong Lưu có một cái hồ trên đồng thượng. Tương truyền, khi xưa khi các bậc Tiên Công bắt đầu mở mang làng xóm đến vùng đó thấy có tiếng ếch nhái kêu trong hồ, cho rằng ở đây có nước ngọt bèn dừng lại đắp đê ngăn nước biển. Cái hồ thiên nhiên đó do trời mang đến cho các vị Tiên Công để đào giếng, cày ruộng. Con cháu sau này gặp hạn khơi dưới đó thấy có nhiều đá to, uống nước thấy ngọt như nước cam tuyền mới biết đó là nơi phát nguyên của các vị Tiên Công. Nay các chức sắc kỳ lão họp lại bàn chuyện sửa sang lại hồ để chứa nước. Đến mùa đông tháng 10 năm Bính Dần (1926) niên hiệu Bảo Đại thứ nhất đến tháng 3 năm Đinh Mão (1927) thì xong ghi vào bia này.

Gian bên phải nhà bái đường là gian bái, là nơi mọi người tế lễ, ở nơi này còn thấy bảng vàng thành tâm công đức ghi tên những người có đóng góp cho việc trùng tu miếu. Ngoài ra ở gian này còn có những quân cờ dành cho lễ hội- một trò chơi dân gian cờ người.

Sát với nhà bái đường là nhà thờ tổ. Nhà thờ tổ gồm ba gian, phía trước có hệ thống cửa bức bàn, vì kèo có bốn hàng cột, kiến trúc theo kiểu tường kẻ suốt. Gian giữa nhà thờ tổ trong cùng là một khám thờ bằng gỗ sơn son thiếp vàng đặt trên bệ gạch. Khám thờ có kích thước cao 1,25m, dài 1m, rộng 0,65m. Trong có một bài vị bằng gỗ sơn son thiếp vàng cuối có hàng chữ Hán: “Khai sáng đồn điền thập thất Tiên Công thần vị”. Phía trước khám thờ là một tấm bảng phong di tích cấp quốc gia. Hai bên khám thờ có hai lộc bình,

có hai đèn gỗ, phía trên gian giữa có bức đại tự sơn son thiếp vàng với hàng chữ “Phong Lưu nghĩa dân”, hai cột cái gian giữa có đôi câu đối:

*“ Tháp khố khai cương công tại vạn tuế
Báo bản phản thủy nguyện xuất đồng nhân ”*

Dịch nghĩa:

*“ Đắp bờ một cõi công để muôn đời
Báo gốc hướng nguồn nguyện tạo ra những lớp người nối nghiệp ”*

Gian bên trái có một khám thờ bằng gỗ sơn son thiếp vàng tương tự gian ở giữa, trong có bài vị ghi hàng chữ “ Phụ khản tiên đồng liệt vị Tiên Công thân vị”.

Ngoài bái đường và nhà thờ tổ ra ở phía ngoài khoảng giữa sân còn có một miếu thờ nhỏ dựng vào năm Bảo Đại thứ bảy tháng hai thờ bà Hoàng Thị Thanh, là người đã cung tiến hai nghìn đồng tiền đồng Đông Dương vào thời đó để trùng tu miếu Tiên Công. Năm 2000 miếu này được tu sửa lại.

Miếu Tiên Công là một công trình tưởng niệm danh nhân dựng nước của vùng đảo Hà Nam. Đặc biệt miếu được dựng ngay trên mảnh đất đầu tiên do chính các danh nhân ấy quai đê lấn biển lập thành. Hơn nữa còn bảo lưu trong lòng nó một số di tích vật chất có tác dụng giáo dục truyền thống văn hóa. Đặc biệt di tích còn bảo lưu hội miếu Tiên Công - một ngày hội truyền thống lớn của cả vùng, cả tỉnh. Do vậy di tích miếu Tiên Công có giá trị lớn về mặt lịch sử khoa học và văn hóa.

Miếu Thập Cửu Tiên Công được Bộ Văn Hóa –Thông Tin cấp bằng công nhận là Di tích lịch sử theo quyết định số 34/QĐ –BVHTT, ngày 09/02/1990.

b. Miếu Tiên Công

Xưa kia Miếu Tiên Công thường được nhân dân địa phương gọi là “Tiên Công cổ miếu”. Miếu nằm ở xóm Thượng, thôn Trung Bản, xã Liên Hòa, huyện Yên Hưng, Quảng Ninh.

Tiên Công cổ miếu thờ hai vị “ Đại lang chi thần” Hoàng Nông và Hoàng Nênh, quê ở Trà Lũ – Nam Định đã có công chiêu tập người đến vùng đất này khai canh lấn biển lập nên xứ Bản Động, sau đó đổi thành thôn Trung Bản.

Miếu cổ Tiên Công được nhân dân Trung Bản xây dựng từ thời Hậu Lê. Đầu thời Nguyễn miếu được chuyển về xứ đồng Địa Đa, thôn Trung Bản, mãi đến thời Duy Tân thì được chuyển đến địa điểm hiện nay.

Miếu Tiên Công hiện còn lưu giữ nhiều đồ thờ tự như: án gian sơn son thiếp vàng, đài gỗ, lộc bình, chân đèn nến, bát hương đá, bát hương đồng, mâm gỗ, lọng vải, bức đại tự, khám thờ,...sắc phong khai canh. Miếu không chỉ có giá trị về mặt điêu khắc gỗ, mà ngoài những bức chạm truyền thống được thể hiện ở các vì kèo, đầu bẩy, đầu dư, con rường,...các đồ thờ tự ở đây đều thể hiện sự điêu luyện của nghề mộc mỹ nghệ trong địa phương.

Những đường nét chạm trổ của các hiện vật được thờ từ hai bài vị đến các khám thờ, các bức cửa võng, đại tự, câu đối, án gian,... đều có nét riêng biệt mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc. Những bức chạm tứ linh, hổ phù, rồng châu, hoa lá cách điệu,...tất cả đều tạo nên vẻ đẹp thiêng liêng tôn kính. Đặc biệt trong miếu còn lưu giữ hai tấm bia do hai Tiên công Hoàng Nông, Hoàng Nênh người thôn Trung Bản, xã Phong Lưu lập năm Hồng Đức thứ 26 (ngày 15-3-1495). Bia cao 0,6m, rộng 3,9m, dày 0,14m được khắc chữ trên cả ba mặt. Nội dung của tấm bia ghi lại việc triều đình cử quan về khu vực Hà Nam đo ruộng đất, đê lộ, nhân khẩu chia cho các xã Vị Dương, Lương Quy và Phong Lưu.

Với những giá trị còn lưu lại đến ngày nay nên ngày 7-12-2001 theo quyết định số 51/2001 Tiên Công cổ miếu đã được Bộ văn hoá – Thông tin xếp hạng là Di tích lịch sử- văn hoá quốc gia.

2.2.1.4. Các Di tích Lịch sử Văn hoá khác

a. Đền Trung Cốc

Từ ngã tư thị trấn Quảng Yên qua cầu Sông Chanh theo đường liên xã khoảng 2km, rẽ phải vào đường thôn Đòng Cốc khoảng 500m, sau đó rẽ trái khoảng 100m là đến đền Trung Cốc.

Đền được xây dựng trên một gò đất cao giữa thôn Đồng Cốc, xã Nam Hoà, huyện Yên Hưng, Quảng Ninh. Đền quay hướng Đông - Nam, phía đông và phía bắc giáp khu dân cư thôn Đồng Cốc, phía tây giáp đình của thôn Đồng Cốc, phía nam giáp đồng lúa Vạn Muối. Đây là bãi cọc lớn thứ hai có quy mô lớn góp phần quan trọng làm lên chiến thắng Bạch Đằng năm 1288. Đền thờ hai vị anh hùng dân tộc chống giặc ngoại xâm thế kỷ XIII, đó là Trần Hưng Đạo và Phạm Ngũ Lão. Đồng thời mảnh đất dựng đền cũng là nơi lưu niệm sự kiện vĩ đại trong lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta.

Đền Trung Cốc được xây dựng bên cạnh bãi cọc Vạn Muối, là nguyên gốc di tích lưu niệm sự kiện trong dân gian. Nhân dân vùng đảo Hà Nam vẫn còn lưu truyền câu chuyện Trần Hưng Đạo và Phạm Ngũ Lão dùng thuyền đi đôn đốc quân sỹ, dân binh cắm bãi cọc Yên Giang, bãi cọc đồng Vạn Muối để làm thành một phòng tuyến bịt chặt hòng sông Bạch Đằng, buộc thuyền chiến của giặc Nguyên phải dừng lại chiến đấu cho đến khi bị tiêu diệt và bắt sống toàn bộ. Một hôm Trần Hưng Đạo và Phạm Ngũ Lão đi thuyền đến khu vực đồng Vạn Muối để thị sát địa hình chuẩn bị trận địa cọc thì bị chặn thuyền ở gò đất thôn Đồng Cốc, nhân dân bèn đến và kéo thuyền của hai ông ra khỏi chỗ mắc cạn. Sau chiến thắng Bạch Đằng nhân dân trong vùng đã lập miếu thờ hai ông gọi là đền Trung Cốc ngay trên gò đất mà hai ông bị mắc cạn.

Đền Trung Cốc có kiến trúc theo kiểu chữ “Đình”, đình quay về hướng Đông Nam gồm Bái đường và Hậu cung. Tại đây cũng diễn ra lễ hội Bạch Đằng vào ngày mùng 8 tháng 3 âm lịch.

Bái đường gồm ba gian, chái hồi bít đốc, mái lợp ngói Tây, cửa gỗ đóng liệt bản. Kiến trúc vì kèo theo kiểu chông rường. Gian giữa có ban thờ tượng Phạm Ngũ Lão tạc bằng gỗ cao 80 cm được đặt trong khám sơn son thiếp vàng.

Gian trái của bái đường thờ tượng đệ nhất Vương Cô, tức Trinh Công Chúa- con gái của Trần Hưng Đạo. Phía trước khám thờ Đệ nhất Vương Cô có một khám thờ nhỏ sơn son thiếp vàng đặt tượng Nam Tào cao 50cm.

Gian phải của bái đường thờ Đệ nhị Vương Cô, tức Nguyên Công Chúa - Vợ của Điện Súy Thượng tướng quân Phạm Ngũ Lão. Tượng trong khám đều được làm bằng gỗ sơn son thiếp vàng. Phía trước khám thờ Đệ nhị Vương Cô có một khám thờ nhỏ sơn son thiếp vàng đặt tượng Bắc Đẩu cao 50 cm.

Chính giữa bái đường có một hương án làm bằng gỗ sơn son thiếp vàng, trên hương án là bát hương và mâm bồng, hai bên bát hương có hai lộc bình làm bằng gỗ, phía trước hương án là một chiếc bàn gỗ dùng để đặt đồ cúng lễ. Ngoài ra hai bên còn có câu đối ngợi ca công lao lớn của Trần Hưng Đạo. Gian bái đường dùng để tế lễ của mọi người dân địa phương và khách thập phương.

Hậu cung được xây tiếp ngay sau gian bái đường với diện tích gần 16m². Gian ngoài của hậu cung có một bệ thờ được xây bằng gạch xi măng. Trên bệ thờ là một khám thờ lớn, bên trong khám là tượng Tiết độ sứ Hưng Nhượng Vương Trần Quốc Tảng, tượng bằng đồng cao 156 cm. Trước khám thờ Trần Quốc Tảng có hai khám nhỏ, trong có tượng của Yết Kiêu và Dã Tượng. Gian trong của hậu cung có một bệ thờ. Trên bệ là một khám thờ có sơn son thiếp vàng đặt tượng Trần Hưng Đạo bằng gỗ cao 110 cm.

Đền Trung Cốc hiện còn ba sắc phong của vua Duy Tân, vua Tự Đức và vua Gia Long phong sắc cho Hưng Đạo Đại Vương Thượng đẳng thần và những người con của Hưng Đạo Đại Vương.

Di tích đền Trung Cốc đã được Bộ Văn Hoá - Thông Tin xếp hạng Di tích lịch sử cấp quốc gia thuộc cụm di tích lịch sử chiến thắng Bạch Đằng năm 1288 theo Quyết định số 310/QĐ-BVHTT năm 1996.

b. Từ đường họ Vũ

Từ đường họ Vũ thờ cụ thủy tổ dòng họ là cụ Vũ Tam Tinh một trong các cụ Tiên Công đã có công đầu tiên trong việc khai khẩn lập nên đảo Hà Nam ngày nay và thờ các thế tổ tiếp theo.

Từ đường nằm ở phía Tây thôn Yên Đông, xã Hải Yên, huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh. Theo gia phả của dòng họ để lại thì Từ Đường được xây dựng vào khoảng những năm 1630. Được xây trên một khu đất cao

thoáng trong một khuôn viên rộng 1338m². Phía Đông và Đông Bắc giáp nhà thờ họ Nguyễn Thực và nhà thờ họ Vũ Giai, phía Tây giáp đình làng và chùa Yên Đông, phía Bắc giáp Hồ Mạch, phía Nam trước cửa từ đường là đường liên xã. Đây là nơi địa linh nhân kiệt, con cháu dòng họ Vũ cũng được hưởng những vinh hoa phú quý, làm rạng rỡ tổ tiên.

Từ Đường họ Vũ được quay hướng Nam, kiến trúc theo kiểu chữ “Nhị”, gồm năm gian tiền đường và năm gian hậu cung. Phía trước tiền đường và xung quanh là một khoảng sân rộng 200m² xây tường bao quanh lát gạch. Đây là nơi để con cháu tụ họp tế lễ trong các ngày đại lễ.

Phía trước tiền đường là cổng Tam Quan, nhưng chỉ có hai cửa ra vào, hai bên xây hai tầng tám mái, còn ở giữa xây cột trụ đèn lồng búp sen tượng trưng cho sự tinh khiết và được đắp giả cuốn thư.

Từ đường không bày đặt trang trí gì, chỉ dùng làm nơi bái yết tổ tiên và là ngôi nhà sinh hoạt văn hoá chung của cả dòng họ.

Hậu cung là nơi thâm nghiêm tôn linh nhất được bày biện sắp xếp rất trang trọng, thể hiện tình cảm thiêng liêng của con cháu dành cho tổ tiên. Nhìn tổng thể năm gian thờ của từ đường họ Vũ Tam như một thánh đường nguy nga lộng lẫy với các mảng chạm khắc trên vì kèo, câu đối, đại tự, trướng thơ, long ngai bài vị,... được sơn son thiếp vàng một màu vàng quý tộc. Tuy được làm từ thời Nguyễn nhưng mỗi tác phẩm nghệ thuật điêu khắc vô cùng giá trị và đạt đến đỉnh cao của nghệ thuật. Có được sự thành công trong tác phẩm đó đòi hỏi nghệ nhân phải có tay nghề cao, có óc sáng tạo, có con mắt thẩm mỹ và phải tập trung cao thì mới đạt được. Từ đường họ Vũ lưu được những tác phẩm này đã góp phần làm tăng thêm kho tàng điêu khắc cổ của dân tộc Việt Nam.

Hậu cung được nối thông với năm gian tiền đường và liên kết bằng bốn bộ vì kèo gồm hai hàng cột cái và hai hàng cột quân. Hai vì giữa kết cấu giá chiêng được chạm giống nhau. Hai bộ vì kèo hai bên được kết cấu kiểu ván mê đó là các rường chồng khít lên nhau tạo thành một mảng lớn để trang trí.

Gian giữa của từ đường phía bên ngoài là một hương án, phía trên hương án đặt một bộ đỉnh hương đồng cao 65cm, hai hạc rùa đồng cao 65cm. Bộ đỉnh hương đồng mà từ đường lưu giữ được đến ngày nay quả là một tác phẩm nghệ thuật có một không hai vô cùng giá trị. Gian bên trái ngoài cùng là hương án, tiếp theo là sập quỳ, trưởng thờ. Tất cả đều được chạm khắc rất đẹp, gian này cũng có bức cửa võng được chạm rất lộng lẫy hoành tráng. Gian đầu hồi bên trái là nơi thờ các thế tổ tiếp theo của dòng họ từ đời 14 đến đời 16.

Từ đường họ Vũ Tam Tỉnh cũng như bao từ đường khác ở Hà Nam, Yên Hưng có sinh hoạt văn hoá riêng biệt, đó là ngày tế lễ tổ tiên đầu năm ngày mừng 4 tháng 1 và lễ tạ ngày cuối năm ngày mừng 2 tháng 12 âm lịch. Đây là dịp để con cháu tỏ lòng thành kính đối với tổ tiên ông bà, cha mẹ, là việc làm thể hiện đạo lý “ Uống nước nhớ nguồn” của dân tộc Việt Nam nhằm giáo dục cho thế hệ sau nhớ về cội nguồn dân tộc, ngày nay đã trở thành ngày hội lớn, ngày hội của đại gia đình các dòng họ ở Hà Nam.

Từ đường họ Vũ Tam thôn Yên Đông là di tích lưu niệm danh nhân mở đất ở đảo Hà Nam đã được Bộ văn hoá – Thông tin ra quyết định số 51/2001/QĐ-BVHTT, ngày 27-12-2001 xếp hạng là Di tích lịch sử - văn hoá cấp quốc gia trong cụm Di tích Tiên Công ở Hà Nam.

c. Nghè La

Nghè La thuộc xã Cẩm La, huyện Yên Hưng, Quảng Ninh. Đây là nơi thờ thành hoàng của nhân dân xã Cẩm La. Vào các ngày hoá vàng và các ngày lễ quan trọng của làng dân làng thường tổ chức rước tượng Thành Hoàng về đình tế lễ. Đến nay, vẫn chưa ai biết tên thật của vị Thành Hoàng là gì, chỉ biết rằng theo mỹ tự của sắc phong là Duệ Triết Uy Linh - một đại tướng quân của triều Trần đã có công lớn trong đánh giặc Nguyên Mông chống xâm lược. Ông là người chính trực, thông minh, sau khi mất được nhân dân trong làng lập bài vị thờ phụng và trở thành vị Thành Hoàng bảo hộ cho dân làng.

Di tích Nghè La hiện nay còn lưu giữ tượng Thành Hoàng và một số di vật như: hai đạo sắc phong của Vua Thành Thái và Vua Duy Tân cùng nhiều đồ thờ tự có giá trị khác.

Di tích Nghè La được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh theo Quyết định số 376/QĐ-UBND công nhận là Di tích lịch sử - văn hoá và năm 2006.

2.2.1.5. Làng nghề thủ công

Nằm trong nguồn tài nguyên nhân văn vật thể còn phải kể đến các làng nghề thủ công truyền thống. Nó đóng một vai trò rất quan trọng trong sự phát triển du lịch.

Hà Nam là một vùng đất cổ ven sông, từ xa xưa quá trình bồi đắp gắn với sự hình thành và phát triển chính là yếu tố quan trọng góp phần hình thành nên những làng nghề thủ công truyền thống mang tính đặc trưng của cư dân trên vùng đảo này.

❖ Nghề Đan Thuyền Nan (xã Nam Hoà).

Hệ thống sông chằng chịt ở Quảng Ninh tạo điều kiện cho nghề chài lưới và vận tải đường sông phát triển. Chính vì thế mà nghề đan thuyền nan đã xuất hiện và phát triển tại đây. ở Hà Nam nghề đan thuyền nan đã có từ rất lâu đời. Cách đây khoảng hơn 400 trăm năm do cuộc sống của người dân nơi đây chủ yếu phụ thuộc vào sông nước và làm nông nghiệp, nên để đáp ứng cho nhu cầu cuộc sống của mình và thuận tiện cho việc đi lại người ta đã biết dùng những nguyên liệu sẵn có trong thiên nhiên để làm nên chiếc thuyền đi lại trên sông nước.

Nguyên liệu chủ yếu để đan thuyền chủ yếu là những nguyên liệu đơn giản, dễ tìm và sẵn có như tre, nứa, gỗ, nhựa đường và vỏ cây sắn xay nhỏ. Đây là nghề thủ công truyền thống và được truyền nói qua nhiều thế hệ. Đến nay nghề đan thuyền nan ngày càng phát triển và có khoảng 85% hộ gia đình trong xã còn theo nghề này và trở thành nguồn thu nhập chính cho người dân trong làng.

❖ *Nghề làm bánh Gio và giã bánh Giày (xã Phong Cốc và xã Liên Hoà)*

Từ thuở khai cơ lập ấp đến nay bánh Gio và bánh Giày đã trở thành món ăn truyền thống không thể thiếu trong đời sống của người dân khu đảo Hà Nam. Cả hai loại bánh này đều được làm từ những nguyên liệu đồng quê dễ kiếm dễ làm như lá rong, lá chuối, gạo nếp, gấc, vôi,... Bánh Gio và bánh Giày không chỉ là món ăn thường ngày mà đây còn là thứ không thể thiếu trong những ngày cưới treo, ma chay, giỗ tiết của người dân trên đảo, đồng thời nó cũng trở thành món ăn đặc sản, món quà không thể thiếu để biếu người thân những lúc đi xa và những ai đã từng đặt chân đến vùng đảo này.

❖ *Nghề đi Ngòi và lấy Điệp Điệp.(xã Liên Hoà, Liên Vị và xã Tiên Phong)*

Đối với nhân dân các làng như làng Quỳnh, làng Lưu Khê, Vị Dương, Vị Khê thì nghề đi Ngòi và lấy Điệp Điệp lại là nguồn sống chủ yếu của cư dân. Từ xa xưa, khi vùng đảo Hà Nam mới được hình thành và phát triển, cư dân ở đây đã biết dựa vào tiềm năng của biển để mưu sinh. Cả hai nghề trên đòi hỏi con người ta phải có sự kiên nhẫn, cần cù chịu khó mới có thể làm được. Ngay từ chiều hôm trước mọi người đã phải kéo thuyền qua đê và ra biển, những bãi bồi, rừng sú để quốc, xới những con như ngao, ngán, điệp, hà,... để sáng sớm hôm sau trở về và bán cho kịp chợ. Thông thường người ta thường đi theo đoàn, tổ hoặc ít nhất cũng phải có hai người đi chung để giúp đỡ nhau nếu như gặp phải khó khăn do người hoặc thiên nhiên mang lại. Cũng như bao nghề truyền thống khác, nghề đi ngòi và lấy điệp điệp cũng là nghề mang lại lợi ích kinh tế cao và trở thành nghề chủ chốt của các dân cư cuối đảo. Hiện nay có đến 90% nhân dân các xã từ làng Quỳnh trở xuống hết đảo là sống theo nghề này.

2.2.2. Tài nguyên du lịch nhân văn phi vật thể

2.2.2.1. Lễ hội

a. Lễ Hội Tiên Công

Lễ hội Tiên Công gắn liền với di tích miếu Tiên Công - thờ 19 vị Tiên Công có công đầu tiên quai đê lấn biển lập lên khu đảo Hà Nam, huyện Yên Hưng, tỉnh

Quảng Ninh vào năm 1434. Lễ hội Tiên Công diễn ra hai ngày mùng 6 và mùng 7 tháng giêng âm lịch, chính hội là ngày mùng 7 tháng giêng.

Hàng năm ở khu vực đảo Hà Nam các cụ ông và cụ bà thọ 80, 90, 100 tuổi được con cháu và họ tộc tổ chức mừng thọ tại gia ở các xã Yên Hải, Phong Hải, Phong Cốc, Cẩm La vào ngày mùng 7 tháng giêng rước các cụ lên miếu Tiên Công để lễ tổ.

Mùng 6 tháng giêng là ngày yết hội được tổ chức tại gia. Cụ thượng mặc áo gấm đỏ thêu chữ thọ đạo mạo ngồi trên ghế trái nệm hoa cạnh hương án, giữa bày mâm ngũ quả lớn kết hình con long mã rất đẹp và uy nghi. Con long mã đầu rồng mình ngựa là hình tượng biểu hiện cho ý chí và sức mạnh của người vùng biển khát vọng chế ngự thiên nhiên, vững vàng trong nắng mưa, gió bão. Bên cạnh hương án không thể thiếu cành đào gốc to đầy nụ hoa và chậu cây thiên tuế, biểu hiện cho sự phát triển đông đúc con cháu trường thọ trường tồn.

Sáng ngày mùng 7 là ngày hội chính. Các đoàn rước ổn định nghi thức đội hình từ tinh mơ bắt đầu chuẩn bị theo nhịp trống và tiếng trống múa kỳ lân dồn dập thôi thúc rước các cụ lên miếu Tiên Công. Đi đầu là đội trống cà rồng lão bạt, đi sau là hai hàng cờ ngũ sắc do năm nam thanh đầu quấn khăn lưng thắt đai hoặc năm nữ tú đầu vấn tóc mặc áo tứ thân, chân đi dày vải, đi nghiêng người mặt quay vào hàng đi đối diện. Đi sau hàng bát biểu là phường nhạc bát âm nhạc công đội khăn xếp áo lương vừa đi vừa thổi điệu “Lưu thủy hành vân”. Tiếp sau phường nhạc bát âm là một người con hoặc cháu gái cụ thượng đội mâm lễ vật. Đi sau mâm lễ vật là hương án do bốn thanh niên khênh, sau hương án là câu đối mừng thọ và võng đào do hai thanh niên khênh và một người che lọng. Các cụ già yếu thì lên chõng cho con cháu khênh, khoẻ thì chống gậy đi bên cạnh. Bên cạnh cụ còn có cháu trai bung bát điếu, cháu gái bung cơi trầu mời bà con cô bác đứng xem ở bên đường. Căn cứ vào thời gian mà đoàn rước đi nhanh hay chậm, thường là đi theo quy định “Tiền tam hậu nhị”. Đoàn rước kéo dài như một con rồng uốn khúc quanh co qua các làng.

Khi đoàn rước đưa cụ đến miếu Tiên Công, con cháu đưa mâm lễ vật vào trong miếu, các cụ thượng ngồi nghỉ ở nhà bái đường phía ngoài để xem tế tứ thôn. Sau phần tế của đoàn tế tứ thôn các cụ bắt đầu vào tế lễ Tiên Công. Các ông văn trịnh trọng đọc bài văn tế tạ ơn các vị Tiên Công.

Phần lễ qua hết nửa buổi sáng, phân hội tiếp theo. Lệ cổ có trò đánh vật mở đầu: bầu hai cụ thượng còn khoẻ đánh vật tượng trưng rồi mỗi cụ vác một hòn đất đã được sẻ sẵn đập vào nền miếu (thể hiện truyền thống quai đê lấp biển). Từ ngày đó các làng xã mới được động thổ, đào móng làm nhà, ra quân làm thuỷ lợi,... Ngoài ra hội còn diễn các trò chơi dân gian như đu xuân, cờ người, chọi gà, hát đúm,... Từng tốp con trai con gái bịn rịn chỉ muốn hội kéo dài. Hội kéo dài đến ba giờ thì kết thúc.

Lễ hội Tiên Công là lễ hội lớn chung mọi người vùng đảo để cùng nhau ngưỡng mộ tổ tiên, gạn đục khơi trong, giữ lấy nét đẹp trong các lễ hội cổ truyền. Đó là nền tảng vững chắc cho các dòng tộc trong vùng đảo sống tốt đẹp với nhau. Đồng thời đó là kết quả của một đời người và cũng là giá trị trường tồn của phong tục văn hoá vùng đất Hà Nam.

b. Lễ Hội Xuống Đồng

Lễ hội xuống đồng là tên gọi xuất phát từ tục làm lễ Hạ điền và lễ Thượng điền của cư dân trên đảo Hà Nam.

Thông thường vào khoảng tháng 6 âm lịch, trước khi toàn dân vào vụ cấy Mùa tại đình Cốc làm lễ tế thần Nông và nghi lễ cấy xúng đồng (cấy đầu tiên) gọi là lễ Hạ điền. Khi toàn dân trong vùng cấy xong vụ lúa mùa, tại đình Cốc lại làm lễ tế thần Nông và thành hoàng, chứng giám mùa màng đã cấy xong, gọi là lễ thượng điền, cầu mong cho thần Nông và thần hoàng phù hộ cho mùa màng tốt tươi. Trong hai nghi lễ thì lễ Hạ điền được tổ chức lớn hơn, trong lễ có cả hội thi bơi thuyền chài nên gọi là lễ hội Xuống đồng.

Xưa kia lễ hội Xuống đồng tại đình Cốc được tổ chức ở các xã khu đảo Hà Nam như: Phong Cốc, Phong Hải, Cẩm La, Yên Đông, Trung Bản. Còn các xã Lưu Khê, Vị Dương, Hải Yến, Hưng Học thì tổ chức ở các đình làng

của các xã đó. Ngày nay lễ hội Xuống đồng gần như tổ chức ở đình của từng làng, xã riêng biệt nhưng quy mô và những nghi thức hơn hẳn vẫn là lễ hội Xuống đồng được tổ chức tại đình Cốc. Các nghi lễ và nghi thức trong lễ hội ở các xã diễn ra cơ bản giống nhau, chỉ có phần hội bơi chải là có khác chút ít. Ở các xã Vị Dương, Lưu Khê, Hải Yên, Hưng Học bơi bằng thuyền lẳng từ 12 đến 14 tay sào còn xã Phong Cốc thì bơi bằng thuyền chài từ 22 đến 24 tay sào.

Công tác chuẩn bị cho lễ hội diễn ra từ tháng 5 âm lịch. Căn cứ vào nông lịch hàng năm mà nhân dân đảo Hà Nam định ngày làm lễ Hạ điền. Các bậc tiên thứ chỉ, các trưởng họ họp tại đình làng mình chọn người cấy lúa xứng đồng. Người được chọn phải là những người ăn ở đức độ, có uy tín với làng xã, vợ chồng song toàn, có nếp có tẻ (có trai có gái), gia đình không có tang trở. Người chủ tế và người cầm trịch (điều khiển) hội bơi được chọn cũng phải có đủ các tiêu chí như người được chọn xứng đồng. Có như vậy thì hội mùa mới linh thiêng, đem lại mưa thuận gió hoà cho mùa màng tốt tươi, mang lại sự bình yên cho dân làng.

Phần lễ của lễ hội Xuống đồng tại đình Cốc thường bắt đầu diễn ra vào ngày mùng 6 tháng 6 âm lịch, tùy theo vào thời vụ mùa của từng năm mà chọn ngày mở lễ hội. Sáng ngày mùng 5 tháng 6 các tiên thứ chỉ trong làng làm lễ yết Tiên Công, thần Nông và thần Hoàng trong đình Cốc. Sau lễ yết thần Nông là nghi lễ cấy xứng đồng.

Nơi diễn ra nghi lễ cấy xứng đồng là một thửa ruộng ở cánh đồng trước cửa đình Cốc. Vị tiên thứ chỉ được chọn cấy xứng đồng mặc áo the, khăn xếp, lưng thắt đai đỏ, cầm một cây nêu trên buộc tua đỏ và các hình như cây lúa, con tôm, con gà,... để xua đuổi tà ma quỷ dữ, sâu bệnh hại lúa và con người để bảo vệ mùa màng, đồng thời cầu mong cho con người mạnh khoẻ, gia súc gia cầm sinh sôi nảy nở. Cây nêu được cắm giữa một thửa ruộng đã cày bừa sẵn, sau đó làng chuẩn bị một mâm lễ, người cấy xứng đồng làm lễ cáo thổ thần xứ đồng rồi cấy những cây lúa đầu tiên của vụ mùa xung quanh cây nêu, nhân dân đứng trên bờ đánh tiếng mõ hò reo vui vẻ. Sau nghi lễ này toàn xã

mới được xuống đồng cấy lúa mùa. Không ai được cấy trước hội, nếu ai cấy trước thì khi mùa màng bị hạn, úng, sâu bệnh mất mùa sẽ bị làng bắt phạt.

Phần hội diễn ra các hoạt động chính là “hội bơi thuyền chài”. Các thôn, xóm bình chọn thanh niên hoặc trung niên khoẻ mạnh, giỏi sông nước tham gia tập luyện cho đội chài thôn xóm mình. Thường mỗi chài có từ 22 đến 24 người bơi dầm hoặc bơi sào tùy từng năm do ban tổ chức quy định. Thuyền chài được làm bằng gỗ dẻ trắng hoặc gỗ táu dài 13,7m, rộng 1,2m có 9, 11 hoặc 12 thang để người bơi dầm ngồi hoặc người bơi sào có chỗ đứng. Mũi chài được trang trí đầu rồng, trên chài bao giờ cũng phải có một người có kinh nghiệm sông nước để điều khiển chài, ngoài ra cần phải có một người cầm cờ hiệu hoặc đánh thanh la cầm trịch để bắt nhịp cho người bơi. Những người tham gia bơi chài trước khi thi phải ăn chay, tắm rửa sạch sẽ và cách ly với những thú vui trần tục vì theo người dân quan niệm thì những người tham gia dự thi là những người được vào đất thánh thần nên phải khác giới trần tục ngoài đời.

Hội bơi thuyền chài nam và nữ đều diễn ra trong ba buổi, mỗi buổi bơi ba keo, mỗi keo bơi đều có thi chạy chèo để xuất phát. Trong mỗi buổi đều có keo bơi bằng dầm, keo bơi bằng sào đan xen nhau. Buổi thứ nhất diễn ra ngay sau khi lễ yết thần Nông và nghi lễ cấy xuống đồng gọi là “bơi yết”. Buổi thứ hai vào sáng ngày hôm sau gọi là “bơi giải hà”, buổi thứ ba vào chiều ngày hội hôm sau nữa gọi là “bơi giã hội”. Trong mỗi buổi bơi keo thứ nhất thường bơi bằng dầm, keo thứ hai bơi bằng sào, keo thứ ba có thể bơi bằng dầm hoặc bằng sào tùy theo quy định của làng xã từng năm.

Trong ba keo bơi thì keo bơi giải hà (giải nhất hội bơi) là quan trọng nhất. Chài nào thắng trong keo bơi giải hà sẽ được lĩnh đỉnh hương hoặc câu đối, đại tự của tứ xã. Trong phần hội ngoài thi bơi chài ra còn có một số hoạt động văn nghệ khác như hát chèo, hát đúm, cờ người và các hoạt động văn nghệ khác.

Sau hội thi bơi các làng, thôn kéo chài về làm lễ tạ thần hoàng, ăn mừng vui vẻ rồi xuống đồng cấy vụ mùa, hẹn năm sau lại về dự hội.

Lễ hội Xuống đồng ở Hà Nam là một lễ hội độc đáo vào cuối mùa hạ. Phần lễ ngoài tín ngưỡng thờ thần Nông, thần hoàng, Tiên công còn là một nghi lễ quy định lịch thời vụ nông nghiệp. Phần hội thể hiện mong muốn và giáo dục đoàn kết, nhất trí cao trong cộng đồng để làm thủy lợi, chống chọi với thiên nhiên, bảo vệ đê điều, mùa màng làng xóm. Đây còn là một lễ hội mang đậm bản sắc văn hoá của cư dân lúa nước vùng cửa biển.

2.2.2.2. Tín ngưỡng thờ thần

❖ Tục thờ thành hoàng

Hà Nam cũng như bao vùng quê khác trong cả nước đó là cũng có những tín ngưỡng thờ thần, cầu mong những điều tốt đẹp nhất cho dân làng, địa phương, dòng tộc.

Nơi thờ thành hoàng của làng, xã thường được đặt ở hai nơi là đình làng và miếu. Đình là nơi dân làng rước thành hoàng từ miếu hoặc đền về tế lễ trong các ngày đại lễ như ngày sinh, ngày hoá của thần hoàng, lễ đại kỳ phước, ngày hội làng,... bởi thế đình thường đặt ở vị trí trung tâm của làng và được chọn nơi có phong thủy tốt. Người xưa quan niệm hướng đình quyết định đến sự hưng vong, thịnh vượng của mọi thành viên trong làng. Còn miếu (đền) thờ thành hoàng thường được làm ở gần đình, đó là nơi thành hoàng ngự hàng ngày để bảo hộ cho dân làng. Tuần, rằm lễ tiết tứ thời dân làng hương đăng phụng thờ dân làng ở đình, miếu. Đình, miếu thờ thành hoàng có mối tương quan không thể tách rời.

Mỗi làng, xã trên đảo Hà Nam đều thờ thành hoàng riêng bảo hộ cho nhân dân trong làng, xã đó. Làng Phong Cốc thờ thành hoàng là thần Biển cửa Càn Hải, đó là tứ vị Thánh Nương gồm Càn Nương Hoàng Hậu cùng hai người con gái là Hồng Liên, Hồng Hạnh và người thị nữ. Tứ vị Thánh Nương rất linh thiêng nên nhân dân làng Phong Cốc đã xin chân hương về thờ ở đình Cốc và miếu Cốc và xin vua sắc phong là thành hoàng của làng.

Làng Yên Đông thờ thành hoàng là Uy Minh Đại Vương, tên thật là Nguyễn Đăng Minh, người xã Hoài Bão, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh (nay là thôn Hoài Thượng, xã Hoài Bão, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh). Theo thần tích làng Yên Đông ngài là người đã có công đánh giặc phương Bắc, trấn an vùng Đông Hải. Ghi nhớ công ơn Ngài nhân dân làng Yên Đông xin vua sắc phong và thờ Ngài làm thành hoàng của làng tại đình Yên Đông.

Làng Cẩm La thờ thành hoàng là Duệ Triết Uy Linh Đại Vương. Ông là người có công đánh giặc Nguyên Mông và được thờ tại đình La và Nghè La.

Làng Trung Bản, Quỳnh Biều, Lưu Khê, Vị Khê đều thờ thành hoàng là Trần Hưng Đạo, Ngài là người có công to lớn nhất trong trận đánh thắng quân Nguyên Mông, đặc biệt là trận đại thắng Bạch Đằng năm 1288 làm rạng rỡ lịch sử dân tộc.

❖ *Tục thờ thủy thần*

Hà Nam có một đặc thù là hầu hết các làng xã được lập thành đều do quai đê lấn biển mà lên. Toàn đảo có 34 km² đê biển bao quanh, với khoảng gần 50 vạn dân được tập trung trong 8 xã luôn phải chống chọi mỗi khi thủy triều dâng cao để bảo vệ nhà cửa, ruộng đồng. Do vậy cuộc sống của cư dân nơi đây luôn phải gắn bó với sông, biển, với những nguồn lợi thủy hải sản. Chính những đặc điểm trên đã ảnh hưởng đậm nét đến tín ngưỡng của cư dân vùng đảo Hà Nam, đặc biệt là tín ngưỡng thờ thần Sông, thần Biển.

Tục thờ thần Biển, thần Sông ở Hà Nam có nhiều nét khác biệt so với các tục thờ thần Biển ở Trung Bộ. Ngoài các vị thần Biển được thờ ở nhiều nơi như Thủy Cung Thánh Mẫu, thần Nam Hải, Đại Hải Chi Thần,... thì ở Hà Nam còn có nét rất riêng đó là tục thờ Long Mã trong các lễ mừng thọ, tục thờ những người chết đuối hiển linh ở các cống kéo thuyền qua đê ra sông biển của các làng. Vì cuộc sống của cư dân trong vùng chủ yếu phụ thuộc vào sông nước nên gần như mỗi làng đều có cống kéo thuyền qua đê hoặc một bến thuyền trước khi ra khơi. Các cống kéo thuyền qua đê và bến thuyền thường ở gần các cống tiêu nước dưới đê, nơi có những con sông, con lạch sâu dẫn

nước đổ ra biển. Trên cống kéo thuyền hoặc ở bến thuyền của làng nào cũng đều có một miếu thờ một hay nhiều vị thần liên quan đến sông biển linh thiêng, cư dân vùng Hà Nam mỗi khi kéo thuyền ra sông biển đánh cá hoặc nhổ neo ra khơi đi vận tải đều vào Miếu thờ thắp hương cầu mong các vị thần phù hộ cho yên bình và may mắn trong công việc. Những vị thần ở đây thường là những người chết có liên quan đến sông nước và rất hiển linh.

❖ *Tục thờ thần Nông*

Hà Nam là một vùng đảo chiêm trũng với nghề chính là làm nông nghiệp và đi biển. Làm nông nghiệp ở một vùng cửa sông ven biển, ruộng đồng hầu hết là do quai đê lấn biển mà thành nên chịu ảnh hưởng nhiều của thiên tai như bão gió, triều dâng như hạn hán, úng lụt, sâu bệnh, do vậy mà cư dân vùng đảo Hà Nam rất coi trọng thời vụ, coi trọng tục thờ thần Nông, thần hoàng và các thần linh phù hộ cho mưa thuận gió hoà, mùa màng tươi tốt.

Các làng xã ở Hà Nam thường thờ thần Nông phối hưởng với thần hoàng của đình làng. Hàng năm, các đình làng thường diễn ra các tín ngưỡng tế lễ liên quan đến nghề nông như: lễ Khai Ương (gieo mạ), lễ Hạ Điền (Xuống Đòng), lễ Thượng Điền (cấy xong), lễ Thường Tân (cõm mới - gặt lúa), nếu gặp năm hạn hán thì có lễ Đảo Vũ (cầu mưa). Vào năm gặp sâu bệnh thì có lễ Tống Hoàng Trùng (đuổi sâu bọ),...

2.2.2.3. Các tài nguyên phi vật thể khác

❖ *Văn hoá ẩm thực*

Hà Nam là vùng đảo ven biển hình thành do quá trình bồi đắp nên văn hoá ẩm thực ở đây cũng rất phong phú, với nguồn hải sản rồi dào như ngán, sò huyết, hà, tôm he, tôm sú, bánh gio, bánh giầy, nem chua,.. đây đều là những món ăn du khách rất ưa thích và trở thành đặc sản quà quê của người dân trong vùng mỗi khi đi xa để biếu người thân, bạn bè.

❖ *Chợ*

Đến với vùng đất đảo du khách không chỉ được tận hưởng những món ăn ngon đặc trưng của vùng sông nước mà du khách còn có cơ hội tham gia vào

những phiên chợ quê, nơi bán những sản vật đặc trưng của cư dân nông nghiệp và đi biển. Đến Hà Nam du khách có thể tham gia vào các phiên chợ như chợ Đông hạp vào ngày mùng 3 và mùng 8, chợ Đình hạp vào ngày mùng 5 âm lịch hàng tháng, ngoài ra du khách có thể tham gia vào những phiên chợ hạp cả ngày như chợ Cốc, chợ Trung Bản,... Sản vật được bán ở chợ chủ yếu là các loại hải sản ngon nổi tiếng. Ngoài ra Hà Nam còn là nơi cung cấp cho thành phố, thị trấn nhiều loại rau tươi, quả sạch, các sản phẩm được chế biến và trở thành đặc sản như nem chua, nem chạo, rau câu,.. Cư dân và du khách khắp nơi còn về đây mua các sản phẩm của nghề đan thuyền truyền thống.

❖ *Nếp Sống*

Cư dân vùng Hà Nam sống chủ yếu bằng nghề làm nông nghiệp và đi biển, nên đây là yếu tố cơ bản chủ chốt nhất để hình thành nên những phong tục tập quán, những nếp sống riêng của cư dân trong vùng.

Hà Nam tuy là vùng đảo nhỏ nhưng đây được coi là cái nôi chứa đựng rất nhiều những giá trị văn hoá đặc sắc của cư dân vùng biển đảo này. Thông thường mỗi xã trong đảo đều được phân cách bởi một cây cầu, chính sự phân cách này đã tạo nên những khác biệt không chỉ qua nếp sống văn hoá đời thường mà còn khác biệt qua cả giọng nói giữa các làng, xã với nhau. Sự khác biệt này cũng góp phần quan trọng trong việc tạo ra những đặc sản địa phương và làm cho văn hoá vùng đảo thêm đa dạng, đặc sắc hơn.

2.2.3. Giá trị của các tài nguyên nhân văn trên đảo Hà Nam – Yên Hưng - Quảng Ninh

Hà Nam là mảnh đất có bề dày lịch sử lâu đời, là nơi hội tụ những giá trị văn hoá đặc sắc. Là một địa danh nổi tiếng bởi hệ thống các di tích lịch sử văn hoá, lễ hội, phong tục tập quán,... có giá trị to lớn không chỉ đối với đời sống của người dân địa phương nơi đây mà còn có ý nghĩa cho sự phát triển du lịch.

2.2.3.1. Giá trị lịch sử

Đến đảo Hà Nam tham quan các di tích và lễ hội, những lối sống, phong tục tập quán sẽ giúp cho du khách thấy được quá trình cư dân khai phá mở rộng đất đai, lập làng lập ấp. Đây là một quá trình lâu dài của các thế hệ cư dân phải chung nhau để chống chọi với sự khắc nghiệt của thời tiết, đồng thời phải chịu sự tác động của các yếu tố xã hội như cuộc xâm lấn của quân Nguyên Mông, quá trình bồi đắp phù sa đã làm hình thành nên vùng đảo Hà Nam trù phú, xóm làng đông đúc như ngày nay. Dựa trên một nền kinh tế biển với nét đặc trưng kết hợp khai thác các nguồn lợi ven biển với buôn bán phát triển các làng nghề thủ công. Trên cơ sở kinh tế đó, cư dân ở đây đã tạo ra được một hệ thống các di tích lịch sử văn hoá làm nơi sinh hoạt cộng đồng, nơi sinh hoạt tâm linh và nơi tổ chức ngày lễ hội gắn liền với chiến công của vị tướng Trần Hưng Đạo và các bậc Tiên Công.

Trong suốt tiến trình lịch sử của các thế hệ cư dân đảo Hà Nam, đã có những đóng góp to lớn trong việc giáo dục ý chí kiên cường, lòng dũng cảm trung kiên làm nên những chiến thắng vang dội trong lịch sử.

Qua các di tích lịch sử còn lại đến ngày nay chúng ta thấy được thời kỳ đất nước bình yên, kinh tế phát triển. Người dân nơi đây đã tạo dựng và tu bổ đình, đền, chùa, miếu, từ đường,.. làm nơi hội họp và tưởng nhớ đến các anh hùng dân tộc, các vị khai canh lập nên vùng đảo này.

2.2.3.2. Giá trị tâm linh

Cùng với sự phồn thịnh và giàu có của vùng đảo Hà Nam thì yếu tố tâm linh trong đời sống của con người ngày càng được đề cao và linh thiêng hoá.

Ở các vùng đồng bằng, đời sống tâm linh của cư dân chủ yếu là tín ngưỡng thờ thành hoàng làng. Vốn là những cư dân nông nghiệp bản thân người dân mang đậm những dấu ấn của tín ngưỡng đa thần. Sự đa dạng của các vị thần thể hiện sự giao lưu du nhập văn hoá của người Hà Nam với các người dân địa phương khác trong quá trình làm ăn và phát triển của họ. Từ thần bản địa đến văn hoá ngoại lai, từ các vị khai thần đến các anh hùng dân

tộc đều được họ tôn kính, nhưng có lẽ yếu tố tâm linh chi phối nổi bật hơn cả vẫn là yếu tố biển.

Các di tích trên đảo Hà Nam được giữ gìn cho đến ngày nay là một minh chứng hùng hồn cho sức sống mãnh liệt của các đấng thần linh, các vị anh hùng dân tộc trong cuộc sống hàng ngày của người dân bản địa. Nó thể hiện ý thức cộng đồng của các thế hệ cư dân vô cùng sâu sắc. Từ khi lọt lòng cho đến khi qua đời trong tiềm thức của mỗi người dân luôn mang trong mình ý thức thần linh thờ các vị anh hùng dân tộc và các vị khai cơ. Đây là một nét đẹp trong văn hoá dân gian nơi đây.

Các di tích lịch sử và lễ hội được trao truyền qua nhiều thế hệ, phản ánh một cách sinh động các lịch sử dân tộc hào hùng. Thời gian qua đi, cuộc sống của con người đã có nhiều thay đổi nhưng các di tích, lễ hội vẫn giữ được những giá trị tâm linh, giá trị văn hoá của nó. Không chỉ có thế, mà những phong tục tập quán, những tín ngưỡng và nếp sống của người dân cũng chịu ảnh hưởng sâu sắc của quá trình khai thiên lập địa vùng đảo này. Chính vì thế đây không những là yếu tố bảo tồn nguyên vẹn những giá trị văn hoá của cha ông mà nó còn được coi là lý tưởng cuộc sống mà các thế hệ đã gạn đục khơi trong để trở thành phong tục truyền thống, thể hiện truyền thống văn hoá của cộng đồng. Đây là chiếc cầu nối giao lưu văn hoá giữa các vùng, miền, các dân tộc trong các nước.

2.2.3.3. Giá trị cộng đồng

Vùng đảo Hà Nam là nơi diễn ra các hoạt động tụ cư rất sớm, trước môi trường khí hậu khắc nghiệt lúc bấy giờ đòi hỏi cư dân phải có sự đoàn kết, cố kết cộng đồng rất cao để chống chọi lại với sự khắc nghiệt của thiên nhiên, để giúp đỡ nhau cùng tồn tại. Tính cộng đồng của cư dân được thể hiện rõ nét nhất qua các di tích và lễ hội. Người dân nơi đây coi di tích là biểu tượng cao nhất, linh thiêng nhất của cộng đồng. Việc xây dựng các công trình di tích đòi hỏi phải có kinh phí lớn, nếu như không có sự chung vai góp sức của cộng đồng sẽ không thể xây dựng các di tích đó. Việc xây dựng thành công các di

tích đã là một khó khăn lớn nhưng việc bảo quản và tu bổ di tích ngày nay cũng là một vấn đề rất đáng quan tâm. Nó đòi hỏi ý thức cộng đồng rất cao, đòi hỏi mọi người dân phải chung sức đóng góp.

Đối với các cộng đồng làng xã thì các di tích, lễ hội và cả những phong tục tập quán trong cuộc sống đời thường không chỉ là môi trường cộng cảm văn hoá, mà còn là môi trường để giáo dục cho các thế hệ con cháu mai sau tiếp thu những giá trị văn hoá từ ngàn xưa để lại. Hoạt động lễ hội gắn với các thành viên trong cộng đồng trên cơ sở có sự thống nhất về văn hoá giữa các thế hệ này với thế hệ khác. Ngày lễ hội ở bất cứ địa phương nào cũng mang tính cộng đồng rất cao, đặc biệt là các lễ hội dân gian truyền thống thì tính cộng đồng càng được thể hiện rõ rệt.

Đây chính là biểu tượng cao nhất của cộng đồng. Lễ hội cũng đem lại cho con người sự bình đẳng. Trong lễ hội, trong các tín ngưỡng thờ thần không có sự phân biệt đẳng cấp sang hèn, mọi người đều tham gia và hưởng thụ như nhau, họ bình đẳng trước cộng đồng và trước thần linh. Chính yếu tố này đã tạo nên sự gắn kết cộng đồng với nhau, làm cho con người đoàn kết gần gũi nhau hơn, từ đó làm nên một cộng đồng lớn, một quần thể gắn bó tràn đầy sức mạnh.

2.2.4. Đánh giá chung về tài nguyên nhân văn trên địa bàn đảo Hà Nam

Bảng 2.1. Đánh giá tài nguyên nhân văn trên đảo Hà Nam.

STT	Nhóm TNDL	Điểm Mạnh	Hạn chế	Khả năng hấp dẫn	
				Nguyên trạng	Có đầu tư
1	Vị Trí	Nằm gọn trong vùng đảo trũng nên thuận tiện cho việc đi lại và thăm quan.	Tiềm năng du lịch tự nhiên còn hạn chế.	Trung bình.	Rất hấp dẫn.
2	Đền, Chùa	Vẻ đẹp độc đáo, mang ý nghĩa văn hoá giáo dục cao.	Nhiều công trình đang bị xuống cấp nghiêm trọng.	Hấp dẫn.	Rất hấp dẫn.
3	Di tích lịch sử	Đa dạng, đặc sắc.	Phạm vi nhỏ.	Hấp dẫn.	Rất hấp dẫn.
4	Lễ hội	Độc đáo, mang tính văn hoá cao.	Chủ yếu còn mang tính thời vụ.	Hấp dẫn.	Rất hấp dẫn.
5	Làng nghề	Đa dạng, đặc sắc, mang tính đặc trưng cho vùng, miền.	Quy mô còn nhỏ hẹp và chưa khẳng định được thương hiệu.	Hấp dẫn.	Rất hấp dẫn.

Nguồn: Phòng Văn hoá – Thông tin huyện Yên Hưng.

❖ *Tiềm năng và những điều kiện để phát triển những giá trị tài nguyên du lịch nhân văn tại khu vực đảo Hà Nam.*

Hà Nam là một vùng đất trù phú, có nền văn hoá lâu đời và là địa danh nổi tiếng bởi mật độ dày đặc các di tích lịch sử văn hoá và hệ thống các lễ hội,... Trong tổng số 110 di tích trên địa bàn đảo thì có đến 32 di tích đã được

xếp hạng cấp quốc gia và 8 di tích được xếp hạng cấp tỉnh. Trong các di tích còn lưu giữ rất nhiều những hiện vật như những đồ thờ tự, những văn bia, văn phẩm điêu khắc với nhiều loại hình sinh hoạt văn hoá dân gian khiến cho Hà Nam không chỉ trở thành vùng có nền văn hoá đặc biệt hấp dẫn mà trong tương lai không xa, đây sẽ là một trong những điểm du lịch rất hấp dẫn, thu hút đông đảo số lượng khách du lịch đến thăm quan.

Để thu hút được khách du lịch và phát triển, nếu như chỉ có mỗi tiềm năng du lịch thôi sẽ không thể lôi cuốn được số đông khách du lịch đến thăm quan. Nâng cao được giá trị của các di tích và biến nó trở thành điểm mạnh của khu vực, địa phương mình cần phải có sự quan tâm đầu tư của UBND cấp tỉnh, huyện, và chính quyền địa phương nơi có các di tích, đồng thời phải tạo ra những ý tưởng để các di tích, lễ hội nằm trong các tour du lịch tham quan. Thực hiện được những tiêu chí này thì trong một tương lai không xa đảo Hà Nam sẽ là điểm đến tham quan lý tưởng của nhiều đối tượng khách du lịch trong nước và quốc tế.

2.3. Thực trạng khai thác các giá trị tài nguyên nhân văn tại đảo Hà Nam

Đảo Hà Nam là mảnh đất có nhiều tiềm năng và điều kiện thuận lợi để phát triển loại hình du lịch văn hoá, du lịch nhân văn và một số loại hình như du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng,...bởi đây là nơi có mức độ tập trung các di tích vào loại cao nhất cả nước. Một hòn đảo chỉ rộng có hơn 80km² mà có tới 110 di tích các loại, trong đó có 9 ngôi đình, 11 ngôi chùa, 14 ngôi đền, nghè, miếu và các văn bia cùng 80 từ đường các dòng họ đã được xếp hạng là di tích cấp quốc gia và di tích cấp tỉnh. Đi đôi với các di tích thì đảo Hà Nam còn là nơi lưu giữ rất nhiều các lễ hội đặc biệt hấp dẫn như lễ hội Tiên Công, lễ hội Xuống Đòng và nhiều lễ hội làng, lễ hội các dòng họ khác. Đây chính là yếu tố quan trọng để thu hút đông đảo khách thập phương đến tham dự. Tuy nhiên những tiềm năng này vẫn chưa được khai thác và phát huy một cách đầy đủ. Hiện nay bên cạnh công tác bảo tồn vẫn đang được triển khai một cách tích cực thì một số di tích lại đang bị xâm hại và xuống cấp nghiêm

trọng hoặc bị bỏ hoang nên việc khai thác còn gặp nhiều khó khăn. Do vậy hoạt động du lịch tại đây những năm qua còn gặp nhiều hạn chế và chưa phát huy được đúng tiềm năng. Trong phần này chúng ta tìm hiểu một số thực trạng về khách du lịch, doanh thu, cơ sở vật chất kỹ thuật, nguồn lao động, môi trường,...

2.3.1. Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch

Hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật bao gồm cơ sở lưu trú, ăn uống, phương tiện vận chuyển, là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh du lịch. Do vậy, phải đánh giá khả năng cung ứng sản phẩm dịch vụ du lịch trong khu lưu trú, nhà hàng để xem chất lượng sản phẩm du lịch đã đáp ứng nhu cầu của khách chưa.

Về hệ thống lưu trú trên đảo Hà Nam hiện nay có tất cả 5 cơ sở lưu trú với 28 phòng nghỉ có thể đáp ứng nhu cầu cho khách du lịch, các phòng nghỉ nhìn chung được trang bị tương đối đồng bộ, các cơ sở lưu trú đều có khả năng đáp ứng nhu cầu phục vụ ăn uống tại chỗ cho du khách nhưng chủ yếu là ở mức độ bình dân.

Bảng 2.2. Hiện trạng cơ sở lưu trú du lịch trên đảo Hà Nam năm 2010.

TT	Tên CSLT	Chủ sở hữu	Địa chỉ	Số phòng	Số giường	Giá phòng (nghìn đồng)	Lao động (người)
1	Nhà nghỉ Hùng Ngà	Nguyễn Văn Hùng	Thôn 4, xã Phong Cốc, Yên Hưng.	9	16	150- 170	7
2	Nhà nghỉ Hương Quỳnh	Vũ Văn Chiêu	Xóm 5, Quỳnh Biều, Liên Hoà, Yên Hưng.	7	12	150 - 170	5
3	Nhà nghỉ Hải Phương	Nguyễn Văn Hải	Xóm 2, xã Nam Hoà, Yên Hưng.	6	10	130 - 150	4
	Nhà trọ bình dân	Nguyễn Văn Tâm	Xóm 4, xã Phong Cốc, Yên Hưng	3	3	100	4
5	Nhà trọ bình dân	Lê Văn Trung	Xóm 2, xã Phong Hải, Yên Hưng	3	4	100	4

Nguồn: Phòng Văn hoá – Thông tin huyện Yên Hưng.

Hệ thống các cơ sở lưu trú nhìn chung còn rất ít, đến nay trên địa bàn đảo vẫn chưa có nhà hàng, khách sạn hay khu vui chơi giải trí, thể thao để phục vụ khách du lịch, các công trình xây dựng chủ yếu là để phục vụ cho dân cư địa

phương. Có thể nói hoạt động du lịch tại đây gần như mới ở dạng sơ khai và chưa có đầu tư đáng kể.

Về phương tiện vận chuyển khách du lịch hiện nay trên địa bàn đảo đã có 52 xe ô tô từ 4 đến 45 chỗ hoạt động vận chuyển khách du lịch, trong đó có 17 xe chất lượng cao. Cả đảo có gần chục chiếc tàu gỗ đủ tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch với sức chở từ 15 đến 25 người. Tuy nhiên hiện nay số tàu này đang hoạt động ở Bãi Cháy - Hạ Long và phục vụ khách tham quan.

Hệ thống đường giao thông hiện nay cũng được đầu tư phát triển hơn, cả đảo có gần 40 km đường liên xã bao gồm hai tuyến đường chính chạy dọc thị trấn Quảng Yên đến cuối đảo, hiện nay đường Hà Nam đang được đầu tư hơn 90 tỷ đồng để làm mới, mở rộng và cải tạo lại đường thuận lợi cho việc đi lại và vận chuyển khách du lịch.

2.3.2. Nguồn lao động

Đối với những điểm du lịch nổi tiếng thì số lượng và chất lượng lao động là nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ. Số lao động bình quân trên một khách sạn càng cao chứng tỏ hệ thống dịch vụ bổ sung càng hoàn chỉnh. Lao động trực tiếp là số lao động làm việc trong các khách sạn, nhà hàng, công ty lữ hành, các cơ sở dịch vụ du lịch khác, lao động gián tiếp tham gia vào các hoạt động có liên quan đến các hoạt động du lịch.

Bảng 2.3. Thống kê số lượng lao động ngành du lịch trên đảo Hà Nam thời kỳ 2005 – 2009.

Đơn vị tính: người

TT	Danh mục	2005	2006	2007	2008	2009
1	Tỉnh Quảng Ninh	17000	19400	20100	23000	25500
2	Huyện Yên Hưng	811	846	902	954	1021
3	Đảo Hà Nam	53	62	78	110	150
	Tỉ lệ % so với tỉnh	3,1%	3,2%	3,9%	4,8%	5,9%

Nguồn: Sở du lịch Quảng Ninh, Niên giám thống kê huyện Yên Hưng.

Hoạt động du lịch trên đảo Hà Nam vẫn còn sơ khai nên số lượng đội ngũ lao động tham gia vào ngành này không đáng kể. Tại các điểm di tích vẫn chưa có các đội ngũ hướng dẫn viên, những người tổ chức, hoạt động thuyết minh cho khách tại các di tích lịch sử văn hoá. Đôi khi người giới thiệu cho khách tham quan lại chủ yếu là những người trong ban quản lý các di tích hoặc những người trông coi di tích, các điểm du lịch nên khả năng thuyết minh ít có sự hấp dẫn vì không chuyên nghiệp và không được đào tạo cụ thể đáp ứng được nhu cầu của khách.

2.3.3. Công tác quảng bá và xúc tiến đầu tư du lịch

Trong những năm gần đây, các cơ quan chức năng và địa phương rất chú trọng và có nhiều nỗ lực trong công tác tuyên truyền quảng bá du lịch như tổ chức các đợt hội thảo, hội nghị, hội chợ du lịch,... nhằm tuyên truyền các chính sách ưu tiên, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động kinh doanh du lịch ở Yên Hưng nói chung và đảo Hà Nam nói riêng. Các tập gấp, tờ rơi giới thiệu về các loại hình tài nguyên của huyện, những tuyến, điểm di tích xuyên suốt địa bàn huyện, đặc biệt là cụm di tích Bạch Đằng và hệ thống các di tích trong khu vực Hà Nam. Tuy nhiên công tác quảng cáo vẫn còn nhiều hạn chế, chưa quảng bá được hình ảnh đặc thù của vùng đảo này để công chúng biết đến. Chính vì vậy mà lượng khách đến đây vẫn còn nhiều hạn chế.

Ngày nay việc đầu tư phát triển du lịch luôn được coi là đòn bẩy để thúc đẩy các ngành kinh tế nói chung và du lịch nói riêng. Ngay từ năm 1995 UBND huyện Yên Hưng đã có những chính sách mới trong việc tu bổ một số hạng mục các di tích như đình Trung Bản, miếu Tiên Công, chùa Yên Đông,... vì vậy việc đi lại đến các điểm di tích đã có nhiều thuận lợi hơn, diện mạo các di tích cũng đã có nhiều khác biệt so với trước kia. Gần đây được sự quan tâm của UBND tỉnh Quảng Ninh nên một số di tích ở Hà Nam đã được tài trợ để tu sửa mà mở mang như di tích đình Lưu Khê với tổng kinh phí là 5 tỷ đồng, đình Phong Cốc 5 tỷ đồng và đình Trung Bản đang được đầu tư xây dựng với tổng số vốn đầu tư là hơn 9 tỷ đồng. Tuy nhiên hiện nay công tác xúc

tiến đầu tư du lịch vẫn còn nhiều hạn chế, đến nay vẫn chưa có những chính sách hiệu quả nhất để thu hút các nhà đầu tư vào phát triển du lịch nơi đây.

2.3.4. Công tác quản lý và tổ chức khai thác

Hà Nam là vùng đảo có tài nguyên du lịch nhân văn khá phong phú và đặc sắc. Tuy nhiên do nhận thức của cơ quan chính quyền và nhân dân địa phương về việc khai thác các giá trị tài nguyên du lịch còn nhiều hạn chế, tuy tiện, chưa có quy hoạch tổng thể để định hướng khai thác các di tích một cách hợp lý và có hiệu quả.

Tại các di tích có nhiều tình trạng người dân địa phương tự huy động kinh phí để sửa chữa, tu bổ và không làm đúng theo văn bản hướng dẫn, việc tu bổ còn mang tính tự phát và thiếu sự giám sát của cơ quan quản lý chuyên ngành, dẫn đến làm phá vỡ nguyên gốc di tích. Hơn nữa việc tu bổ lại các di tích lịch sử văn hoá lại do một số nhà sư chủ trì và mời một số cá nhân đứng ra tu tạo nên phần nhiều mang tính chủ quan và phá vỡ một số kiến trúc có giá trị do họ không hiểu hết được giá trị đích thực của nó.

Việc khai thác các di tích lịch sử văn hoá vào hoạt động du lịch còn mang tính tự phát, quy mô nhỏ, hiệu quả chưa cao nên gây nhiều lãng phí tài nguyên, bên cạnh đó UBND tỉnh, huyện vẫn chưa có những chính sách cụ thể để đưa các di tích vào chương trình tham quan, trong khi đó việc khai thác các tiềm năng này lại thiếu sự gắn kết chặt chẽ với các hoạt động khác của tỉnh, không chỉ tính đảo Hà Nam mà ngay cả huyện Yên Hưng hiện nay vẫn chưa có một trung tâm lễ hành nào nên việc thiết kế và chào bán các chương trình du lịch là rất khó. Ngay chính bản thân các địa phương cũng như các ngành văn hoá vẫn chưa có sự đầu tư phối hợp với các doanh nghiệp của tỉnh để có thể khai thác hiệu quả hơn tiềm năng du lịch của huyện Yên Hưng và làm tăng lượng khách du lịch đến các di tích lịch sử văn hoá.

Đảo Hà Nam là nơi có nhiều tiềm năng để phát triển du lịch nhân văn, nhưng công tác quản lý, bảo vệ các di tích lịch sử lại chưa được chú trọng, dẫn đến một số di tích đang bị xuống cấp nghiêm trọng hoặc bỏ hoang. Quản

lý Nhà Nước về du lịch trên địa bàn còn hạn chế và nhiều vấn đề bất cập, chưa có cán bộ chuyên trách hiểu biết và kiến thức sâu về lĩnh vực này.

Các lễ hội nơi đây đều mang đậm nét dân gian truyền thống của một vùng quê. Cả phần lễ và phần hội đều mang đậm bản sắc văn hoá có tính biểu cảm và tính nhân văn sâu sắc. Bên cạnh đó còn có một số những lễ hội được tổ chức rất tốn kém như lễ hội Tiên Công nhưng lại chưa được chú ý đầu tư phát triển và hiệu quả du lịch chưa cao.

2.3.5. Sản phẩm du lịch

Để đẩy mạnh phát triển du lịch mạnh mẽ thì việc tạo ra các sản phẩm du lịch mang tính đặc thù là một trong những yếu tố rất quan trọng quyết định đến sự thành công của kinh doanh du lịch.

Đối với khu vực đảo Hà Nam, do hiện nay đang ở trong giai đoạn đầu của sự phát triển các sản phẩm cụ thể có tính đặc trưng là chưa rõ ràng. Việc khai thác các di tích lịch sử văn hoá, lễ hội để phục vụ phát triển du lịch chưa có sự kết hợp với các dịch vụ khác như các vật phẩm, đồ lưu niệm, sản xuất và phục vụ bán cho khách hầu như không có. Đặc biệt các đồ lưu niệm hầu như là không có dấu ấn văn hoá riêng của địa phương nơi có di tích, hơn nữa loại hình nghệ thuật dân gian để phục vụ khách du lịch cũng gần như vắng bóng. Bên cạnh đó các hoạt động du lịch chưa có sự kết hợp chặt chẽ theo tuyến di tích và kết hợp với các loại hình văn hoá du lịch khác, đa số chỉ tham quan ở một số điểm di tích tiêu biểu do đó chưa khai thác hết những giá trị văn hoá của các di tích và các chương trình du lịch luôn đơn điệu.

2.3.6. Khách du lịch

Mặc dù đảo Hà Nam là nơi tập trung các đối tượng tham quan, song hầu hết các điểm tham quan vẫn chưa được khai thác hết để phục vụ phát triển du lịch nên số lượng khách đến những điểm tham quan còn nhiều hạn chế.

Hiện nay lượng khách tham quan du lịch vẫn chưa được thống kê chính xác đầy đủ. Khách đến đảo Hà Nam chủ yếu là khách đi tham quan vào dịp đầu xuân và cư dân địa phương.

Theo số liệu thống kê năm 2009 của UBND huyện Yên Hưng thì lượng khách đến các điểm du lịch trên địa bàn huyện có khoảng 48000 lượt khách, trong đó số khách sang đảo Hà Nam tham quan khoảng hơn 35000 lượt người. Tuy nhiên ngành du lịch vẫn chưa có những đề án tích cực để khai thác có hiệu quả nguồn khách này. Lượng khách du lịch lưu trú trên đảo rất ít, chủ yếu là các đoàn khách đi công tác đến đây và nghỉ lại nhưng nhìn chung lượng khách này không đồng đều và không thường xuyên.

2.3.7. Doanh thu

Thu nhập du lịch bao gồm các khoản thu do khách du lịch chi trả, đó là thu nhập từ lưu trú, ăn uống, đi lại và một số các dịch vụ khác như ngân hàng, bưu điện,...

Bảng 2.4. Thống kê doanh thu du lịch trên đảo Hà Nam thời kỳ 2007 – 2009.

Đơn vị tính: Triệu đồng

Loại thu nhập	Nguồn thu	2007	2008	2009
Thu nhập từ khách nghỉ qua đêm	Từ khách nội địa	157,0	215,7	250,0
	Từ khách quốc tế	50,2	80,0	153,1
	Cộng	207,2	295,7	403,1
Thu nhập từ khách tham quan trong ngày	Từ khách nội địa	450,0	637,5	843,0
	Từ khách quốc tế	65,1	75,0	90,5
	Cộng	515,1	712,5	933,5
Tổng cộng		722,3	1.008,2	1.336,6

Nguồn: Phòng văn hoá- thông tin huyện Yên Hưng.

Mức chi tiêu của khách trên địa bàn đảo nhìn chung còn rất thấp, do không có các dịch vụ bổ sung cũng như các dịch vụ có sức hấp dẫn. Bên cạnh đó các sản phẩm thủ công, hàng lưu niệm gần như vắng bóng nên không kích thích được khách chi tiêu, ước tính chỉ khoảng 130 – 150 nghìn đồng/ người/ ngày, chủ yếu là chi tiêu cho việc ăn uống và đi lại. Dịch vụ ăn uống là nguồn thu chủ yếu trong các loại hình du lịch trên địa bàn đảo, tuy nhiên dịch vụ này chỉ có

được trong các dịp lễ hội nên không thường xuyên và cũng không ổn định, các dịch vụ khác chỉ đáp ứng được nhu cầu thông thường và không đáng kể.

2.3.8. Môi trường tự nhiên và môi trường xã hội

Các di tích lịch sử văn hoá trải qua thời gian do sự tác động của thiên nhiên nên tình trạng xuống cấp của các di tích rất nghiêm trọng, tình trạng sụp nền, các bức tường ẩm mốc đậm màu rêu phong. Ở Hà Nam đặc biệt vào những dịp lễ hội, lượng khách đến đây rất đông, vì vậy làm cho các di tích bị xuống cấp, hiện tượng xả rác bừa bãi gây ô nhiễm môi trường, làm mất đi cảnh quan thoáng mát ở các điểm di tích, hiện tượng viết vẽ lên tường ở một số di tích còn khá phổ biến.

Hiện nay, mặc dù đã có những thay đổi trong nhận thức đối với tầm quan trọng của hoạt động phát triển du lịch trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội của địa phương, nhưng thực tế này cho thấy nhận thức của xã hội, đặc biệt của nhà quản lý còn rất bất cập, nhận thức của cộng đồng dân cư nhất là dân cư nơi có điểm du lịch lại càng đáng cảnh báo, vì lợi ích trước mắt, ý thức bảo vệ tài nguyên môi trường còn ít được quan tâm, chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển của du lịch cho xứng với tiềm năng của nó.

Một vấn đề khá phổ biến trong các lễ hội hiện nay là tình trạng ăn xin, trẻ lang thang gây ra nhiều cảnh tượng không đẹp, lợi dụng lúc đông người nhiều kẻ lợi dụng hành nghề móc túi, ăn cắp vặt, đánh bài bạc,... hiện tượng này thường diễn ra ở những di tích có tiếng linh thiêng hoặc nhiều người biết đến, nhiều điểm tín ngưỡng trở thành nơi tham quan du lịch. Tại đó còn có những người bán hàng, chụp ảnh chèo kéo khách tạo cảm giác bức dọc và không thoải mái làm cho khách sau khi ra về không để lại ấn tượng tốt về điểm du lịch.

2.4. Tiểu kết

Đảo Hà Nam là nơi chứa đựng những di tích lịch sử văn hoá không những nhiều về mặt số lượng mà còn phong phú về loại hình, đa dạng về cách thể hiện. Những đình, chùa, miếu,... được đan xen nhau giữa các làng xã. Vùng đất đảo này như một cái nôi chứa đựng cả kho tàng di tích phong phú

đa dạng, phản ánh sự đa dạng của những giai đoạn lịch sử khác nhau và tài năng sáng tạo nghệ thuật của con người đương thời. Trên thực tế thì hầu hết các tài nguyên vẫn đang ở dạng tiềm năng, việc khai thác các di tích lịch sử văn hoá cho hoạt động du lịch còn chưa đúng hướng, chưa phát huy được hết tiềm năng của đối tượng. Vấn đề đặt ra là cần phải các giải pháp để khai thác có hiệu quả các di tích lịch sử văn hoá, lễ hội, tận dụng được các tiềm năng vốn để đưa ngành du lịch Yên Hưng nói chung và Hà Nam nói riêng có thể trở thành ngành kinh tế mũi nhọn và đem lại những thay đổi lớn cho vùng đảo này.

CHƯƠNG III:

MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NHẪM KHAI THÁC CÓ HIỆU QUẢ TÀI NGUYÊN NHÂN VĂN TẠI ĐẢO HÀ NAM NHẪM PHÁT TRIỂN DU LỊCH

3.1. Quan điểm và mục tiêu phát triển du lịch huyện Yên Hưng

Yên Hưng là vùng đất mang đậm dấu ấn văn hoá đặc thù, với nhiều lễ hội dân gian tiêu biểu, là nơi lưu giữ cả kho tàng tài nguyên nhân văn gắn với những di tích mang những chiến công hiển hách của dân tộc, trong đó đáng chú ý là cụm di tích chiến thắng Bạch Đằng lịch sử và Bãi cọc Đồng Vạn Muối. Đây cũng là nơi tập trung nhiều các di tích lịch sử văn hoá có giá trị như Đình Trung Bản, Đình Phong Cốc, Miếu Tiên Công,... Yên Hưng lại có vị trí thuận lợi đó là nằm gần thành phố Hạ Long, khu du lịch quốc tế Tuần Châu và liền kề huyện Thủy Nguyên - Hải Phòng. Tất cả những yếu tố này hội tụ lại thành tiềm năng và lợi thế so sánh để khai thác phát triển du lịch. Trong nghị quyết của tỉnh uỷ Quảng Ninh về đổi mới và phát triển du lịch đã xác định Yên Hưng là một trong bốn khu trọng điểm du lịch của tỉnh.

Khai thác tốt tiềm năng và lợi thế để phát triển du lịch trong thời gian tới cần thống nhất những quan điểm sau:

Phát triển du lịch với vai trò một ngành kinh tế mũi nhọn, là định hướng tích cực để chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Yên Hưng, thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển, góp phần thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá nền kinh tế của huyện.

Phát triển kinh tế du lịch bền vững có tốc độ tương xứng trong các nhóm ngành kinh tế đứng đầu của huyện, tranh thủ khai thác mọi nguồn lực trong và ngoài nước, phát huy sức mạnh tổng hợp của các thành phần kinh tế, nâng cao chất lượng và đa dạng hoá sản phẩm đáp ứng yêu cầu phát triển. Phát triển du lịch phải đảm bảo gìn giữ, bảo tồn, phát huy các bản sắc văn

hoá, khai thác có hiệu quả tài nguyên du lịch nhưng phải gắn với bảo vệ tài nguyên và môi trường.

Phát triển cả du lịch quốc tế và du lịch nội địa, đảm bảo đạt hiệu quả cao về kinh tế, chính trị và xã hội.

Phát triển du lịch kết hợp chặt chẽ với quốc phòng, an ninh trật tự xã hội, góp phần đắc lực cho sự nghiệp bảo vệ tổ quốc.

Mục tiêu phát triển ngành kinh tế du lịch của huyện đã được Đại hội Đảng bộ xác định: Bằng sự nỗ lực của địa phương và tranh thủ sự hỗ trợ của tỉnh, của trung ương và các địa phương lân cận, thu hút đầu tư, liên doanh, liên kết, phát triển kinh tế, du lịch sinh thái, phát triển trung tâm thương mại, dịch vụ ở thị trấn Quảng Yên, khu vực Biều Nghi và trung tâm Phong Cốc,... Mở rộng các điều kiện thu hút đầu tư du lịch dịch vụ thương mại đối với các thành phần kinh tế trong và ngoài huyện, đặc biệt là các dự án đầu tư du lịch, hướng dẫn, khuyến khích dịch vụ và hàng hoá thực phẩm như tôm, cua, hà và các hàng lưu niệm khác.

Thực hiện nghị quyết của Đại hội Đảng bộ lần thứ XVII để khai thác tiềm năng du lịch trong những năm qua huyện đã tiến hành lập quy hoạch và dự án đầu tư tôn tạo các di tích lịch sử văn hoá trên địa bàn. Tranh thủ nguồn vốn của trung ương, của tỉnh cùng với việc huy động các nguồn lực ở địa phương đã và đang tích cực đầu tư và tu bổ. Hàng năm có hàng ngàn khách thập phương đến tham quan trên địa bàn huyện.

3.2. Định hướng phát triển du lịch trên đảo Hà Nam - Yên Hưng

Trong định hướng phát triển du lịch của huyện thì du lịch trên đảo Hà Nam hiện nay được coi là một tuyến mới đang được đưa vào khai thác. Khai thác du lịch trên đảo Hà Nam hiện nay đang nằm trong bộ phận chiến lược xây dựng thành khu kinh tế tổng hợp của huyện Yên Hưng. Trong đó du lịch được coi là ngành giữ vị trí then chốt, góp phần thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển, khuyến khích các hoạt động đầu tư phát triển du lịch, kêu gọi các nguồn vốn của nhà nước, tư nhân vào hoạt động kinh tế du lịch trên vùng đảo này.

Trong xu thế phát triển du lịch mạnh mẽ của tỉnh hiện nay, đảo Hà Nam đang được tỉnh, huyện quan tâm đầu tư và có xu hướng xây dựng Hà Nam thành khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng kết hợp với du lịch văn hoá, tiến hành khai thác tổng hợp các giá trị tài nguyên trên đảo để phục vụ cho sự phát triển du lịch bền vững của huyện.

Hiện nay huyện Yên Hưng vẫn chưa có sự khảo sát rõ ràng về quy trình xây dựng cụ thể thành khu du lịch trên địa bàn đảo. Từ định hướng chung của tỉnh, huyện về phát triển du lịch ở Hà Nam là đi theo hướng khai thác các di tích lịch sử văn hoá, lễ hội, các phong tục tập quán kết hợp với du lịch văn hoá, du lịch về với cội nguồn,...đề ra những mục tiêu trên các lĩnh vực để phát triển du lịch:

Về kinh tế: Phát triển du lịch nhằm khai thác tối đa các giá trị tài nguyên nhân văn của đảo, đồng thời làm tăng tỉ trọng đóng góp của ngành du lịch vào GDP của huyện, tạo công ăn việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động.

Về mặt văn hoá xã hội: Phát triển du lịch phải gắn liền với giữ gìn và phát triển văn hoá địa phương, giữ vững bản sắc dân tộc, khai thác có hiệu quả giá trị của các di tích, các công trình văn hoá phục vụ phát triển du lịch.

Về Môi trường: Phát triển du lịch phải đi đôi với bảo vệ môi trường tự nhiên, môi trường xã hội, giữ cho môi trường xã hội luôn trong sạch và lành mạnh, tạo cơ sở cho việc phát triển kinh tế của địa phương.

Về an ninh: Phát triển du lịch nhằm mục đích thu hút khách du lịch đến với địa phương, bởi thế nhu cầu đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội càng được chú trọng hơn để đảm bảo an toàn tuyệt đối cho khách và chống lại các tệ nạn xã hội.

3.3. Một số giải pháp

Ngành du lịch Quảng Ninh đã và đang tiến hành thực hiện các định hướng khai thác mới về du lịch, trong đó phát triển du lịch bền vững được coi là mục tiêu sống còn của ngành du lịch. Chính vì vậy nếu khai thác tốt các di tích lịch sử văn hoá, lễ hội, các phong tục tập quán,...trên địa bàn đảo Hà

Nam thì tương lai gần đây chắc chắn khu vực này sẽ trở thành điểm du lịch nổi tiếng của tỉnh Quảng Ninh.

Với một hệ thống các di tích đã được xếp hạng Quốc gia như đình, đền, chùa, miếu, từ đường và một số lễ hội đặc sắc như lễ hội Tiên Công, lễ hội Xuống đồng, và một số lễ hội của làng xã, dòng họ khác. Tất cả những yếu tố đó đã giúp cho vùng đảo này không chỉ là nơi có bề dày lịch sử mà nó được coi như một cái nôi lưu giữ những giá trị văn hoá đặc sắc và trở thành điểm sáng văn hoá của tỉnh.

Đảo Hà Nam đã được huyện Yên Hưng đánh giá đây sẽ là một khu du lịch trọng điểm của huyện, là nơi có tiềm năng du lịch văn hoá lớn. Chính vì vậy cần phải chú ý hơn nữa trong việc khai thác các tiềm năng mà nhất là khai thác các giá trị tài nguyên nhân văn cho sự phát triển du lịch của huyện.

3.3.1. Đẩy mạnh công tác bảo tồn, tôn tạo, phát huy vai trò của các di tích trong phát triển du lịch

Đây được coi là nhiệm vụ trọng tâm để tạo ra các sản phẩm du lịch, bởi hầu hết các di tích hiện nay nhìn chung là ít được đầu tư tôn tạo hoặc đầu tư chưa đúng yêu cầu kỹ thuật nên dần bị xuống cấp và giảm giá trị theo thời gian. Để đảm bảo khai thác lâu dài thì cần phải có sự kết hợp hài hoà giữa khai thác và đầu tư tôn tạo nhằm giữ gìn những giá trị văn hoá lịch sử, không chỉ để phục vụ cho khai thác du lịch mà còn để lưu truyền giáo dục cho thế hệ mai sau.

Từ nguồn vốn chương trình của Bộ và vốn đầu tư tập trung ngân sách của trung ương, tỉnh, huyện và nguồn xã hội hoá của các tư nhân, doanh nghiệp hiện nay cần phải đẩy nhanh tiến độ trong việc tôn tạo, xây dựng hạ tầng các di tích lịch sử văn hoá, các mốc du lịch trọng điểm như Đình Trung Bản, chùa Yên Đông... Khôi phục và tổ chức các lễ hội truyền thống gắn với các cụm di tích theo hướng văn minh, lành mạnh đậm nét bản sắc của địa phương.

Bảo tồn các di tích theo quan điểm tổng thể, đó là hoà nhập cảnh quan địa lý và cảnh quan văn hoá vùng thành một hệ thống hữu cơ. Quy hoạch khu

di tích phải gắn liền với bảo vệ cảnh quan văn hoá truyền thống của địa phương nơi có di tích.

Để đảm bảo tính bền vững của các di tích cần phải có chính sách ưu tiên cho việc giữ gìn nguyên vẹn đầy đủ di tích gốc, ưu tiên nghiên cứu, phát hiện bổ sung tư liệu lịch sử. Do hoàn cảnh nghiên cứu và kinh phí có hạn nên cần phải xác định trình tự ưu tiên đầu tư ngắn hạn và đầu tư lâu dài, đồng thời phải mang tính khả thi. Việc bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử văn hoá phải có định hướng cho phù hợp với những nguyên tắc chung của tổng thể di tích, thắng cảnh toàn vùng. Bên cạnh đó khi tu bổ sửa chữa các di tích cũng cần phải tôn trọng và giữ gìn, bằng mọi biện pháp cần phải giữ nguyên các thành tố gốc, hạn chế tối đa mọi sự thay thế, nhất là thay thế bằng các vật liệu mới và tình trạng bê tông hoá các công trình kiến trúc cổ.

Chính quyền địa phương cần phải chú ý đến yếu tố xã hội hoá công tác tôn tạo các di tích chùa làng, các từ đường dòng họ và một số ngôi nhà gỗ cổ ở Hà Nam. Duy trì các truyền thống văn hoá, phát triển du lịch, kêu gọi các nhà đầu tư bảo tồn và phát triển làng nghề Hưng Học để phục vụ tham quan và tạo ra các sản phẩm du lịch. bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá phi vật thể như thuần phong mỹ tục, lối sống, lễ hội, các làng nghề thủ công truyền thống, văn hoá ẩm thực,...

3.3.2. Giải pháp về duy trì và tổ chức các lễ hội truyền thống

Trong đời sống con người thì lễ hội chiếm vị trí vô cùng quan trọng, bởi nó không chỉ mang yếu tố tâm linh mà còn mang tính sinh hoạt cộng đồng với ý nghĩa rất lớn. Tuy nhiên tham gia tổ chức như thế nào để không chỉ bảo tồn mà còn phát huy được những ý nghĩa tích cực của lễ hội, đặc biệt là những lễ hội truyền thống thì không phải ai cũng biết và thực hiện đúng. Các lễ hội góp phần làm nên một bộ phận quan trọng của di sản văn hoá, bởi thế nếu như lễ hội không được áp dụng và tổ chức một cách hợp lý nó sẽ làm phá đi tính văn hoá truyền thống nhanh nhất ngay trong bản thân lễ hội đó.

Cần phải duy trì các lễ hội truyền thống của địa phương như lễ hội Tiên Công, lễ hội Xuống đồng, hội chùa làng, ngày ra cỗ họ,... Làm cho lễ hội không chỉ thu hút khách địa phương mà còn thu hút khách du lịch ở khắp nơi. Suu tầm và nghiên cứu nét độc đáo của lễ hội để ngày càng hu hút khách. Tuy nhiên, việc tổ chức các lễ hội cần phải có sự phối hợp của các cấp, các ban ngành, tránh tình trạng xô bồ, pha tạp hỗn loạn, tránh tình trạng thương mại hóa, lãng phí trong tổ chức lễ hội mà nhiều khi khó có thể định hướng và kiểm soát được.

3.3.3. Xây dựng cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch

Cơ sở vật chất kỹ thuật giữ vai trò hết sức quan trọng trong quá trình tạo ra và thực hiện sản phẩm du lịch cũng như khai thác các tài nguyên du lịch. Chính vì có vai trò quan trọng như vậy nên sự phát triển của ngành du lịch bao giờ cũng gắn liền với việc xây dựng và hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật. Để đảm bảo cho việc thực hiện sản phẩm du lịch cũng như mức độ khai thác các tiềm năng du lịch nhằm thoả mãn nhu cầu của khách du lịch. Chính vì có vai trò quan trọng như vậy nên sự phát triển của ngành du lịch bao giờ cũng gắn liền với việc xây dựng và hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật tương ứng như khách sạn, nhà hàng, cửa hiệu, nơi vui chơi giải trí,... Thế nhưng, một sự thực nhìn thấy ngay tại đây là hệ thống các cơ sở lưu trú trên đảo vẫn chưa được quan tâm đầu tư đúng mức và còn rất yếu kém. Tính đến thời điểm hiện nay, trên đảo vẫn chưa có một khách sạn nào đủ khả năng phục vụ nhu cầu ăn, nghỉ, vui chơi giải trí tại chỗ cho du khách. Hệ thống nhà nghỉ, nhà trọ đã có ở một số xã nhưng vẫn còn thừa thớt và hiệu quả sử dụng phòng chưa cao. Để tăng công suất sử dụng phòng và khai thác tối đa hơn nữa loại hình kinh doanh này cần phải đầu tư hoàn thiện kiện toàn, hiện đại hoá các dịch vụ để kéo dài thời gian lưu trú của khách và mang lại hiệu quả kinh tế đáng kể cho cư dân trong vùng.

Hiện nay, ở Hà Nam việc xây dựng và phát triển các cơ sở ăn uống vẫn chưa được chú ý, quan tâm đúng mức. Để kéo dài thời gian lưu trú của khách cần phải huy động vốn để mở ít nhất một nhà hàng lớn ở trung tâm xã Phong

Cốc, hoặc một số nhà hàng trung bình và nhỏ nhưng phải có cảnh quan đẹp và gắn liền với các di tích thôn quê.

Đảo Hà Nam có lợi thế là vùng đảo trũng, diện tích đất ngập mặn, bãi bồi rộng lớn nên rất giàu có về nguồn thủy hải sản cả nước ngọt, mặn và nước lợ như tôm, cua, sò, ngao, ốc,... đây cũng là nơi sản xuất rất nhiều những món ăn đặc sản địa phương gắn với nền nông nghiệp lúa nước như bánh gio, bánh gai, bánh mật,... Đặc biệt nơi đây còn được mệnh danh là quê hương của dừa nước bởi đất trên đảo chủ yếu là đất nhiễm mặn, nên rất thích hợp với việc trồng dừa, đây là lợi thế để cung cấp nguồn nước giải khát sạch cho cư dân trong vùng và phục vụ nhu cầu của khách tham quan. Chính vì lẽ đó nên việc xây dựng một số nhà hàng đặc sản gắn với những thực đơn phong phú kết hợp giữa nghệ thuật ẩm thực của địa phương với nghệ thuật ẩm thực của các vùng lân cận sẽ là yếu tố đặc biệt hấp dẫn du khách khi đến thăm quan.

Để phục vụ tốt cho phát triển du lịch lâu dài thì đảo Hà Nam cũng cần phải chú ý đến việc nâng cấp hệ thống đường giao thông, đặc biệt là tuyến đường chính từ chân cầu Sông Chanh cho đến cuối xã Tiền Phong của đảo. Các tuyến đường liên thôn, đường ngõ xóm để vào các di tích cũng phải được bê tông hoá hiện đại, xây dựng các bãi đỗ xe để phục vụ cho du khách đến các di tích được dễ dàng hơn. Hệ thống thông tin liên lạc cũng cần tăng cường hiện đại hơn, khuyến khích và tác động nhà cung cấp dịch vụ tăng cường trạm phủ sóng, cải thiện chất lượng dịch vụ, đưa mạng internet tốc độ cao vào khai thác sử dụng trong cuộc sống nhiều hơn và trở thành kênh thông tin hữu dụng đối với cán bộ quản lí và nhân dân địa phương trong vùng.

Tại mỗi điểm tham quan cần xây dựng nhà lễ tân đón tiếp, hướng dẫn khách trước khi vào tham quan (xây dựng theo lối kiến trúc cổ có quày bán đồ lưu niệm). Đồng thời trên mỗi tuyến đường cần phải có biển chỉ dẫn đường đi tới di tích để tiết kiệm thời gian cho du khách, tại các di tích nên có sơ đồ ở công ra vào để du khách dễ hình dung về các di tích.

Tăng cường các cơ sở vui chơi giải trí, dịch vụ du lịch hỗ trợ khác như các sân chơi thể thao, văn nghệ, các khu vui chơi giải trí,... Nó sẽ góp phần quan trọng trong tăng doanh thu du lịch. Để tăng khả năng hấp dẫn khách du lịch, cần thiết phải xây dựng các cơ sở vui chơi giải trí và cung cấp các dịch vụ hỗ trợ bổ sung. Khu vui chơi giải trí mới mẻ, hiện đại sẽ là yếu tố hấp dẫn du khách đến tham quan.

Nhìn chung cơ sở vật chất đã đóng góp một phần quan trọng vào sự phát triển của đảo. Tuy nhiên, với tiềm năng du lịch phong phú như hiện nay, để phát triển du lịch mạnh mẽ hơn thì cần phải đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các điểm du lịch. Xây dựng cơ sở vật chất cho du lịch đảo Hà Nam đồng thời kết hợp với việc bảo vệ trật tự, vệ sinh an toàn, an ninh cho khách, tăng cường công tác bảo vệ môi trường và tôn tạo tài nguyên du lịch. Đẩy mạnh giáo dục toàn dân về môi trường để tạo điều kiện cho sự phát triển du lịch trên đảo.

3.3.4. Đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển du lịch

Con người là yếu tố đặc biệt quan trọng, vừa là mục tiêu vừa là động lực của quá trình phát triển. sẽ là một lãng phí lớn nếu chỉ tập trung vào kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật mà bỏ qua yếu tố con người. việc nâng cao trình độ quản lý và nghiệp vụ du lịch cho lực lượng lao động ngành là một trong những chính sách quan trọng nhất đảm bảo cho việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu đề ra nhằm đẩy mạnh hoạt động du lịch trong những năm tới.

Hiện nay, nguồn lao động trong lĩnh vực du lịch trên đảo Hà Nam nhìn chung còn rất thiếu thốn, hơn nữa tỉ lệ lao động chủ yếu lại là lao động phổ thông, lao động được đào tạo nghiệp vụ còn rất ít và yếu. Do đó để phát triển nguồn nhân lực du lịch trong những năm tới chính quyền địa phương cần phải có sự kết hợp với huyện trong việc tổ chức đào tạo cán bộ công nhân viên ngành du lịch dưới nhiều hình thức như đào tạo tại chỗ hoặc gửi đến các trường dạy nghề du lịch, các khoá học tại chức ngắn hạn, dài hạn hoặc thường xuyên tổ chức các hội thảo về du lịch, các cuộc thi chuyên môn tay nghề để trao đổi kinh nghiệm, chuyên môn nghiệp vụ giữa các nhân viên. Đồng thời

đưa các chương trình vào trường dạy nghề của tỉnh và huyện. Trong kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực cần nêu rõ những yêu cầu giáo dục đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng phục vụ, trình độ ngoại ngữ, thái độ văn minh lịch sự với khách và cư dân địa phương, nhiệt tình trong công việc, yêu nghề và biết trân trọng những giá trị truyền thống của dân tộc. Bên cạnh đó chính quyền địa phương cần có những chính sách ưu tiên cho con em của địa phương được đào tạo về chuyên ngành du lịch về làm việc tại địa phương.

Thu hút cộng đồng địa phương tham gia vào hoạt động du lịch như kinh doanh ăn uống, lưu trú, bán hàng lưu niệm,... Có các cơ chế chính sách ưu tiên, tuyển dụng và đào tạo lao động vào các hoạt động du lịch là người địa phương là một nguyên tắc để phát triển du lịch bền vững.

3.3.5. Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, quảng bá và xúc tiến du lịch

Hoạt động tuyên truyền quảng cáo giữ một vai trò hết sức quan trọng trong kinh doanh du lịch. Tuy nhiên hoạt động này trên đảo Hà Nam đến nay vẫn chưa thực sự được quan tâm và chưa mang lại hiệu quả kinh tế cao trong du lịch. Nhìn chung các di tích lịch sử văn hoá, lễ hội mới chỉ được giới thiệu sơ sài, hình ảnh về văn hoá khu biển đảo này vẫn chưa thực sự cuốn hút. Hoạt động quảng bá thông qua báo chí và các sách hướng dẫn du lịch cũng chưa thực sự mang lại hiệu quả cao, bởi vì thông tin hết sức ngắn gọn, đơn giản nên chưa tạo ấn tượng sâu sắc và thu hút du khách đến tham quan.

Đề biển đảo Hà Nam sẽ trở thành một trung tâm du lịch trọng điểm của huyện Yên Hưng và tỉnh Quảng Ninh trong các loại hình du lịch như du lịch văn hoá, du lịch tìm hiểu các giá trị tài nguyên nhân văn, và phát triển du lịch sinh thái nghỉ dưỡng vùng biển thì song song với phát triển du lịch cần phải đảm bảo yếu tố an ninh quốc phòng, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc và lôi cuốn được khách du lịch thì đảo Hà Nam cần phải đẩy mạnh công tác quảng bá xúc tiến du lịch với những nội dung cụ thể như sau:

Tăng cường tuyên truyền giới thiệu về tiềm năng du lịch, sản phẩm du lịch, dịch vụ du lịch của vùng đảo này. Bên cạnh đó phải chú trọng tuyên truyền những đặc sắc về di tích lịch sử văn hoá, lễ hội, cảnh quan thiên nhiên, văn hoá ẩm thực, các làng nghề thủ công truyền thống trên đảo. Giới thiệu các quy hoạch, danh mục dự án phát triển du lịch để xúc tiến đầu tư vào đảo với nhiều hình thức khác nhau:

– Xây dựng hai biển quảng cáo ở xã Minh Thành và xã Đông Mai có nội dung về du lịch Yên Hưng, khu di tích Bạch Đằng và các di tích bên đảo Hà Nam.

– Xây dựng các tập gấp, sách ảnh về các di tích và lễ hội, các phim giới thiệu các điểm du lịch để tuyên truyền các phương tiện thông tin đại chúng trên mạng internet của huyện, tỉnh và trong nước, cụ thể:

- Chương trình lễ hội và các di tích đã được xếp hạng cấp quốc gia.

- Tập sách ảnh giới thiệu đảo Hà Nam miền di tích - lễ hội và các điểm tham quan du lịch, ẩm thực phục vụ du khách.

- Tại các di tích như Đình Phong Cốc, Đình Trung Bản, Đình Lưu Khê, Miếu Tiên Công nên có các chương trình giới thiệu về các di tích.

– Tham gia các hội chợ du lịch trong và ngoài nước.

– Đối với thị trường khách du lịch Hà Nội và các tỉnh phía Bắc: Xây dựng kế hoạch và các chương trình khai thác thị trường khách du lịch trọng điểm này, trong đó quan tâm các đối tượng khách nội địa có thu nhập cao và người nước ngoài hiện đang sinh sống và làm việc tại Hà Nội và các tỉnh lân cận. Liên kết với các hãng lữ hành ở Hà Nội, Quảng Ninh, Hải Phòng, Lạng Sơn,... để nối tour đưa khách quốc tế vào du lịch trong huyện và đảo.

– Đối với thị trường khách du lịch thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam và Miền Trung: Liên kết với hãng lữ hành của thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh để khai thác đối tượng khách quốc tế và nội địa đi xuyên Việt.

– Đối với thị trường khách nội tỉnh: Các đoàn thể quần chúng, ngành Giáo dục Đào tạo, Y tế, Thể dục Thể thao, Văn hoá - Thông tin trong huyện

làm việc với các ban ngành, đoàn thể cấp trên có chương trình tuyên truyền, tổ chức cho học sinh, thanh niên, công chức đi tham quan du lịch các di tích - lễ hội trên địa bàn huyện Yên Hưng, từ đó mới hình thành các tour du lịch trong tỉnh.

3.3.6. Thu hút nguồn vốn đầu tư cho phát triển du lịch

Tương lai không xa du lịch sẽ trở thành lĩnh vực chiếm ưu thế lớn trong sự phát triển kinh tế của đảo Hà Nam. Tuy nhiên cho đến nay do nhiều yếu tố khách quan và chủ quan khác nhau mà sự đóng góp của đảo Hà Nam vào sự phát triển kinh tế xã hội vẫn còn thấp, các hoạt động du lịch và dịch vụ mới chỉ là bước đầu còn mang nhiều tính tự phát và kém hiệu quả.

Để khai thác có hiệu quả cho hoạt động du lịch trên đảo hiện nay, đặc biệt là khai thác các di tích lịch sử văn hoá, lễ hội theo đúng hướng cần phải có chiến lược đầu tư hiệu quả đồng bộ trên cơ sở tranh thủ tối đa các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, vốn địa phương và các nguồn lực bên ngoài. Ngoài ra cần mạnh dạn huy động các nguồn vốn từ các cá nhân, tổ chức hay vay vốn ngân hàng để đầu tư vào lĩnh vực xây dựng, kinh doanh các cơ sở lưu trú ăn uống nhà hàng, khách sạn,...

Nguồn vốn huy động cần phải sử dụng một cách minh bạch và hiệu quả, tránh lạm dụng hoặc đầu tư tràn lan không theo quy định cụ thể. Theo nguồn dự báo của UBND huyện Yên Hưng thì từ năm 2010 đến năm 2015 huyện sẽ được đầu tư nguồn vốn cho sự phát triển du lịch là:

**Bảng 3.1. Dự báo các nguồn vốn đầu tư cho phát triển du lịch
thời kỳ 2010 - 2015**

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	2010 - 2015
1	Vốn nhà nước đầu tư (nguồn vốn NSNN, vốn vay ODA...) chiếm khoảng 53%	220.208
2	Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI hoặc liên doanh với nước ngoài chiếm khoảng 25%	112.155
3	Các nguồn vốn khác chiếm khoảng 22%	80. 256
	Tổng cộng 100%	412.619

Nguồn: phòng Văn hoá - Thông tin huyện Yên Hưng.

Tuy đây mới chỉ là dự báo nguồn vốn đầu tư nhưng nó chính là cơ sở quan trọng để huyện có những định hướng mới trong việc trùng tu, xây dựng và những chính sách tối ưu cho việc phát triển du lịch trong những năm tiếp theo.

3.3.7. *Đẩy mạnh sản xuất và đa dạng hoá nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch*

Đây là nhiệm vụ quan trọng để tạo ra việc làm, giải quyết lao động, đáp ứng nhu cầu của khách du lịch, góp phần tăng trưởng kinh tế du lịch của tỉnh nói chung và đảo Hà Nam nói riêng. Hiện nay tỉ lệ chi tiêu của khách du lịch cho hoạt động mua sắm nhìn chung vẫn còn thấp, để thu hút và tăng khả năng chi tiêu của khách du lịch trước hết cần đầu tư khôi phục các làng nghề truyền thống nhằm đa dạng hoá các sản phẩm và nâng cao thu nhập của người dân theo những phương thức sau:

+ Từ năm 2010 - 2015 các làng Phong Cốc, Cẩm La, Phong Hải, Trung Bản duy trì và mở rộng nghề sản xuất bánh Gio.

+ Làng Hưng Học - xã Nam Hoà đẩy mạnh sản xuất các đồ dùng và đồ lưu niệm bằng tre, nứa, mây,..với nhiều kiểu mẫu mã khác nhau phục vụ cư dân trong vùng và khách du lịch.

+ Làng Vị Dương - xã Liên Vị sản xuất rượu Vị Dương và đầu tư xây dựng một số xưởng chuyên sản xuất rượu cung cấp trong vùng.

+ Các xã Liên Hoà, Phong Cốc quy hoạch những khu chợ chuyên sản xuất và bán các mặt hàng đặc sản trên đảo như nem chua, nem chạo, sò, ngán, hà, cá khô,... có bao bì và thương hiệu mang đặc trưng riêng của đảo Hà Nam.

+ Trên cơ sở phát huy thế mạnh của làng tranh Yên Hưng, thuyết phục một số họa sĩ trong vùng kết hợp mở phòng tranh, nhà trưng bày các sản phẩm mỹ thuật, mỹ thuật dân dụng phục vụ du khách.

3.3.8. Nâng cao ý thức người dân về du lịch

Nâng cao ý thức của cư dân địa phương về du lịch là vấn đề hết sức cấp bách, thường xuyên và lâu dài. Thực hiện phương châm “ Nhà nước và nhân dân cùng làm” nhằm mục đích bảo vệ và giữ gìn, bảo tồn các di tích lịch sử văn hoá cần định hướng cho nhân dân.

Chuẩn bị cho họ những kiến thức cần thiết giúp nhân dân hiểu được những giá trị ẩn chứa trong mỗi di tích, mỗi nghi lễ, trò chơi.

Chính quyền và các ban quản lý di tích cần tuyên truyền vận động nhân dân nâng cao ý thức bảo vệ an toàn tính mạng, tài sản của khách, xây dựng nếp sống văn minh lành mạnh, không làm huỷ hoại môi trường tự nhiên, không tự tiện xả rác ra nơi công cộng hay các di tích.

Vận động giáo dục cho nhân dân giữ gìn bản sắc văn hoá, truyền thống quê hương, xây dựng tập tục lành mạnh, đặc biệt không có mê tín dị đoan, bói toán, đốt vàng mã ở những nơi có lễ hội, di tích, vừa gây ô nhiễm môi trường vừa phá huỷ các di tích mà nhất là các di tích bằng gỗ.

Người dân địa phương là những người trực tiếp giữ gìn, bảo tồn và phát huy, truyền lại những giá trị văn hoá kết tinh trong các di tích và lễ hội cho các thế hệ sau, là những người trực tiếp tiếp xúc với khách du lịch. Vì vậy những hành vi, ứng xử, thái độ của họ sẽ ảnh hưởng lớn đến tâm lý của khách. Chính quyền địa phương cùng ban quản lý các di tích cần ý thức được điều

này, có sự khích lệ, ưu đãi kịp thời với người dân địa phương để hoạt động tổ chức lễ hội mang tính chuyên nghiệp hơn.

Xây dựng nếp sống văn minh, lịch sự, không có tệ nạn xã hội. Như vậy việc tuyên truyền quảng bá nâng cao ý thức về du lịch đối với dân cư địa phương, nơi có các di tích lịch sử văn hoá là rất quan trọng. Hiểu được ý nghĩa khai thác các di tích lịch sử văn hoá cho hoạt động du lịch thì họ mới có ý thức bảo vệ cảnh quan và tài nguyên du lịch,... Đội ngũ cán bộ lãnh đạo địa phương và quản lí di tích nên đưa thêm chương trình về lịch sử, địa lí của địa phương vào các trường đại học để nhấn mạnh hơn về lịch sử các di tích, từ đó phục vụ tốt hơn cho hoạt động du lịch.

3.3.9. Hoàn thiện cơ chế chính sách về du lịch, tăng cường quản lý nhà nước về du lịch

Quản lí kiểm tra thường xuyên các cơ chế dịch vụ ăn nghỉ của khách trên địa bàn, có biện pháp tạo điều kiện và thúc đẩy các thành phần kinh tế tham gia hoạt động trong lĩnh vực này.

Xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích các nhà đầu tư, hỗ trợ đầu tư phát triển.

Thành lập ban chỉ đạo thực hiện chương trình kinh tế du lịch của đảo, có nhiệm vụ phân công cho các xã lập kế hoạch chi tiết cho từng ngành đáp ứng nhu cầu mục tiêu phát triển kinh tế du lịch trên đảo, đồng thời kiểm tra, đôn đốc các cơ quan đơn vị, các địa phương trong quá trình thực hiện.

Chương trình phát triển kinh tế du lịch phải được triển khai theo từng giai đoạn và huy động bằng nhiều nguồn vốn trên các cơ sở kế hoạch cụ thể của các ngành và địa phương. Kết quả thu được hay những sai sót phát sinh trong quá trình thực hiện phải được báo cáo với Ủy Ban Nhân Dân huyện để có phương án thích hợp và triển khai kế hoạch tiếp theo trong từng giai đoạn cụ thể.

Cần phải có chiến lược khai thác bền vững. Ngày nay con người có xu hướng đến các di tích lịch sử để tham quan nghiên cứu thấp hương cầu khẩn cho gia đình ấm no hạnh phúc nhiều hơn. Sự ồ ạt của khách du lịch tại các

điểm tham quan sẽ có nguy cơ suy thoái tài nguyên du lịch. Du khách tới thấp hương làm ảnh hưởng đến sức khoẻ con người, ô nhiễm môi trường làm đen các bức tượng, các đồ thờ di tích. Bên cạnh việc đốt hương, đốt vàng mã để tỏ lòng tôn kính các vị anh hùng có công với đất nước, đã làm mất đi cảnh quan của các di tích. Ngoài ra hiện tượng vứt rác bừa bãi làm mất đi vẻ đẹp thiêng liêng, gây ô nhiễm môi trường và xâm phạm vùng đất đai bảo vệ di tích của cư dân địa phương và sự quản lý của chính quyền.

Theo quan điểm phát triển bền vững thoả mãn nhu cầu hôm nay nhưng không ảnh hưởng đến mai sau. Vì vậy khai thác bền vững là phải hạn chế các tác động tiêu cực và với những giải pháp hữu hiệu chứ đừng chạy theo lợi ích trước mắt mà không chú ý đến bảo vệ, tôn tạo thì chính sự phát triển hôm nay lại phá hại đến sự phát triển ngày mai.

3.4. Tiểu kết

Việt Nam là đất nước có bề dày lịch sử dựng nước và giữ nước, dấu tích của các trận chiến, các thời kì phát triển đến nay vẫn còn in đậm. Đây chính là thế mạnh để phát triển loại hình du lịch nhân văn. Để phát triển mạnh loại hình du lịch này cần phải biết khai thác tốt nguồn tài nguyên du lịch nhân văn ở các vùng miền trong nước.

Việc phát triển du lịch nhân văn không những đáp ứng nhu cầu tìm hiểu của con người mà nó còn giúp bảo tồn các giá trị văn hoá, những phong tục tập quán,...phát triển cộng đồng thông qua lợi nhuận từ du lịch mang lại.

Hà Nam là vùng đảo ven biển của huyện Yên Hưng, một vùng đất cổ có bề dày lịch sử văn hoá lâu đời. Nơi đây còn lưu giữ một quần thể các di tích độc đáo mang đậm nét dân gian. Quần thể các di tích này chứa đựng những giá trị lịch sử sâu sắc phản ánh những bước thăng trầm của vùng đất với bề dày lịch sử trên nửa nghìn năm. Bên cạnh đó những di tích này còn chứa đựng những giá trị cộng đồng thể hiện sự đoàn kết gắn bó của cư dân nơi đây để chống chọi mọi khó khăn thách thức của thiên nhiên. Quần thể

những di tích và lễ hội chứa đựng những giá trị lịch sử sâu sắc thể hiện đậm những ảnh hưởng của yếu tố biển trong đời sống con người.

Hà Nam là vùng đất thiêng, là nơi hội tụ và lưu giữ nhiều giá trị văn hoá của dân tộc. Do hạn chế về nhiều mặt nên cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật nói chung còn nhiều yếu kém, việc quản lý thu hút vốn đầu tư chưa thực sự được chú ý nên hầu hết các nguồn tài nguyên này vẫn chưa được khai thác để phục vụ cho hoạt động du lịch. Chính vì vậy để hoạt động du lịch mang lại hiệu quả kinh tế cao thì Nhà nước cần phải có những chính sách đầu tư cho sự phát triển du lịch trên địa bàn của đảo. Bên cạnh đó cần đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền quảng bá cho du lịch trên các phương tiện thông tin đại chúng để thu hút khách du lịch trong và ngoài nước. Nhà nước và nhân dân cùng phối hợp để khắc phục những khó khăn để tương lai du lịch sẽ trở thành một ngành kinh tế trọng điểm mang lại hiệu quả và thu nhập lớn cho người dân đảo Hà Nam.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

Ngày nay, khi nền kinh tế phát triển, các quốc gia trên thế giới ngày càng xích lại gần nhau hơn nhờ xu hướng đi du lịch ngày càng tăng. Ngoài các nhu cầu được vui chơi, hưởng thụ thì con người còn rất chú trọng đến cội nguồn, đến những giá trị nhân văn của dân tộc. Nó không những bồi dưỡng những kiến thức lịch sử mà còn có tác dụng tuyên truyền giáo dục cho thế hệ trẻ nhớ về cội nguồn, khắc ghi lòng yêu nước và niềm tự hào dân tộc.

Hà Nam là vùng đất có tài nguyên nhân văn phong phú và đa dạng. Đây cũng là vùng đất chứa đựng nhiều giá trị văn hoá gắn liền với những biến đổi thăng trầm của lịch sử. Trong quá trình làm ăn sinh sống người dân nơi đây đã tạo nên một quần thể các di tích như đình, chùa, đền, miếu,... khang trang bề thế. Bên cạnh đó đảo Hà Nam còn là vùng đất mang những nét đặc sắc của cư dân vùng biển, những phong tục tập quán chịu sự chi phối mạnh mẽ của yếu tố biển độc đáo. Các di tích, lễ hội không chỉ chứa đựng những giá trị lịch sử sâu sắc mà nó còn là những yếu tố bảo lưu, phát triển truyền thống của làng xã, cấu thành nên yếu tố văn hoá đặc sắc mang đậm tính cộng đồng của cư dân người Việt.

Du lịch nhân văn là loại hình chiếm ưu thế nhất trên đảo hiện nay, tuy nhiên trên thực tế thì việc khai thác loại hình này để phục vụ cho phát triển du lịch lại chưa tương xứng với tiềm năng thực của nó. Hoạt động du lịch chủ yếu mới ở dạng sơ khai và thiếu quy hoạch. Sở dĩ hoạt động du lịch còn chìm lẩn như vậy bởi nơi đây còn là vùng đảo nghèo, khó khăn thiếu thốn về nhiều mặt. Chính vì thế để khai thác hết các giá trị tài nguyên nhân văn ở đây cho phát triển du lịch cần có sự hỗ trợ mạnh mẽ của chính quyền địa phương và ngành du lịch trong việc bảo tồn và khôi phục các di tích, lễ hội, những phong tục tập quán gắn liền với nếp sống của cư dân vùng biển để du lịch có thể phát triển đồng bộ và bền vững hơn.

2. Khuyến nghị

Đề đảo Hà Nam có những thay đổi mới thông qua hoạt động du lịch thì Ủy Ban Nhân Dân huyện Yên Hưng, ban quản lí di tích cần thực hiện kiểm kê các di tích từ đó tiến hành phân loại các di tích để có cơ sở lập phương án bảo tồn, phát huy tác dụng của các di tích, tuyên chọn lập các dự án đầu tư, tu bổ tôn tạo các di tích địa phương theo quy mô nhỏ, vừa và lớn trình các cấp phê duyệt phối hợp với các cơ quan trong tỉnh. Bên cạnh đó cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền quảng cáo tiếp thị cho sản phẩm du lịch văn hoá, để thu hút được nhiều khách du lịch đến với các di tích lịch sử văn hoá.

Ủy Ban Nhân Dân huyện Yên Hưng cần thành lập một ban chỉ đạo phát triển du lịch trên đại bàn đảo Hà Nam gồm các cơ quan, các đơn vị có liên quan và UBND các xã về ý tưởng đầu tư và phát triển du lịch, đồng thời đôn đốc, tổng hợp, hướng dẫn các cơ quan tổ chức, nhân dân tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch rồi trình báo lên Ủy Ban Nhân Dân huyện để kịp thời thực hiện những kế hoạch đã đề ra.

Sở du lịch Quảng Ninh, phòng văn hoá thông tin và ban quản lí các di tích cần có sự cấp vốn đầu tư bảo vệ, tôn tạo, trùng tu, nâng cấp phục hồi một số các di tích lịch sử văn hoá, các làng nghề truyền thống. Trong thời gian tiếp theo cần phải chú ý hơn nữa đến việc trùng tu các di tích lịch sử văn hoá, đình, đền, miếu,...

Ngành du lịch huyện Yên Hưng cần có sự kết hợp với ngành giao thông vận tải để xây dựng kế hoạch phát triển cơ sở hạ tầng giao thông và phát triển hoạt động vận tải gắn với phát triển du lịch. Bên cạnh đó cần tăng cường hơn nữa vấn đề đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, nghiên cứu những ứng dụng khoa học công nghệ trong du lịch, giáo dục nâng cao nhận thức bảo vệ tài nguyên môi trường du lịch cho khách, cho cộng đồng dân cư thông qua những phương tiện thông tin đại chúng.

Ủy Ban Nhân Dân các xã trên đảo cần phối hợp với phòng Văn hoá Thông tin của huyện để thực hiện quản lí Nhà nước về du lịch trên địa bàn đảo

Hà Nam. Cần có kế hoạch tuyên truyền, kiện toàn tổ chức và hoạt động ở các di tích đã được xếp hạng trên địa bàn thuộc thẩm quyền. Quản lí nhanh gọn những thủ tục về đất đai, giải phóng mặt bằng cho các dự án đầu tư du lịch, đồng thời cần phối hợp đảm bảo an ninh trật tự, giữ gìn vệ sinh môi trường trong các hoạt động du lịch ở địa phương.

Trong thời đại phát triển Công nghiệp như hiện nay, việc bảo tồn, giữ gìn và phát huy các giá trị tài nguyên nhân văn đã và đang trở thành nhiệm vụ quan trọng không chỉ của mỗi quốc gia mà còn là mục tiêu quan trọng của cả nhân loại. Các di tích lịch sử văn hoá được xem xét không chỉ là một nhân tố hợp thành của văn hoá dân tộc mà còn là một bộ phận của môi trường sống con người, là yếu tố có tác dụng thúc đẩy cho sự phát triển du lịch. Lấy cái truyền thống để phục vụ cho cái hiện tại và tương lai, vì vậy việc tìm hiểu và khai thác các giá trị tài nguyên nhân văn đang là mục tiêu chung để phát triển du lịch cả nước hiện nay.